

PHẠM THỊ THU HƯƠNG (Chủ biên)
TRỊNH THỊ MÀU - TRỊNH THỊ LAN - TRỊNH THỊ BÍCH THUY

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN CHƯƠNG QUA HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP

LỚP 10
TẬP MỘT



Phát triển năng lực ...



STK-007004



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PHẠM THỊ THU HƯƠNG (Chủ biên)

TRỊNH THỊ MÀU – TRỊNH THỊ LAN – TRỊNH THỊ BÍCH THUY

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN CHƯƠNG QUA HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP

LỚP 10 – TẬP MỘT

TRƯỜNG THPT HOÀNG CẦU

THƯ VIỆN

STIC-7004

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



UNIVERSITY OF EDUCATION PUBLISHING HOUSE
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: 136 Xuân Thuỷ, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024.37547735 | Fax: 024.37547911
Email: hanhchinh@nxbdhsp.edu.vn | Website: www.nxbdhsp.edu.vn

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN CHƯƠNG
QUA HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP
LỚP 10 – TẬP MỘT

Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên)
Trịnh Thị Màu – Trịnh Thị Lan – Trịnh Thị Bích Thuỷ

Bản quyền xuất bản thuộc về Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
Mọi hình thức sao chép toàn bộ hay một phần hoặc các hình thức phát hành
mà không có sự cho phép trước bằng văn bản
của Nhà xuất bản Đại học Sư phạm đều là vi phạm pháp luật.

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả
để sách ngày càng hoàn thiện hơn. Mọi góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và dịch vụ bản quyền
xin vui lòng gửi về địa chỉ email: kehoach@nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PGS.TS. NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập: GS.TS. ĐỖ VIỆT HÙNG

Biên tập nội dung:

NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG

Kĩ thuật vi tính:

NGUYỄN NGUYỆT NGÀ

Trình bày bìa:

TIÊU VĂN ANH

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế: ISBN 978-604-54-3975-3

In 1000 cuốn, khổ 19 x 27cm, tại Công ty cổ phần In Phúc Yên
Địa chỉ: Đường Trần Phú, phường Trưng Nhị, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Số xác nhận đăng kí xuất bản: 1940-2017/CXBIPH/01-58/ĐHSP
Quyết định xuất bản số: 1160/QĐ-NXBĐHSP ngày 22/11/2017
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2017.

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU	4
CHIẾN THẮNG MTAO MXÂY	5
TRUYỆN AN DƯƠNG VƯƠNG VÀ MỊ CHÂU – TRỌNG THUY	9
UY-LÍT-XƠ TRỞ VỀ.....	15
RA-MA BUỘC TỘI.....	19
TẮM CẨM.....	23
TAM ĐẠI CON GÀ – NHƯNG NÓ PHẢI BẰNG HAI MÀY	32
CA DAO THAN THÂN, YÊU THƯƠNG TÌNH NGHĨA.....	36
CA DAO HÀI HƯỚC.....	41
TỎ LÒNG (<i>Thuật hoài</i>) – Phạm Ngũ Lão	45
CẢNH NGÀY HÈ (<i>Bảo kính cảnh giới</i>) – Nguyễn Trãi	50
NHÀN – Nguyễn Bình Khiêm	56
ĐỘC TIỂU THANH KÍ (<i>Độc Tiểu Thanh kí</i>) – Nguyễn Du	61
TẠI LẦU HOÀNG HẠC TIỀN MẠNH HẠO NHIÊN ĐI QUẢNG LĂNG (<i>Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng</i>) – Lý Bạch.....	66
NGŨ LIỆU ĐỌC HIẾU	71
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG.....	78

LỜI NÓI ĐẦU

Các thầy cô giáo và các em học sinh thân mến!

Đọc là một trong những năng lực quan trọng nhất của con người. Chúng ta học để đọc, đọc để tiếp tục học hỏi, mở mang hiểu biết, khám phá thế giới và hiểu sâu sắc hơn về chính bản thân mình. Bởi vậy hướng đến “quốc gia của những độc giả” đã trở thành mục tiêu của nhiều nền giáo dục tiên tiến trên toàn cầu.

Trong thế giới phong phú, rộng lớn đang không ngừng mở rộng biên giới của đối tượng đọc, văn bản văn chương có một “lực hấp dẫn” đặc biệt, vừa gần gũi, vừa xa cách, vừa thú vị, vừa thách thức, vừa muôn đời vẫn vậy, vừa không ngừng mang phẩm chất của “lời tự lớn lên”, vừa lưu giữ, bảo tồn, bất tử hoá những khoảnh khắc mãi mãi đã đi qua, vừa mở về phía trước, “can dự” vào đời sống đương đại từ hoạt động tiếp nhận của độc giả.

Trong nhà trường phổ thông, mỗi học sinh là một bạn đọc sáng tạo. Học sinh cần được học cách đọc để có thể trở thành độc giả độc lập, có khả năng tự chiếm lĩnh văn bản nghệ thuật đáp ứng các mục tiêu khác nhau và phát triển toàn diện bản thân. Bộ sách **“PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN CHƯƠNG QUA HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP”** là một trong những cách thức giúp các em hướng đến mục tiêu đó.

Các phiếu học tập giúp học sinh trực tiếp làm việc với văn bản, với thế giới của câu chữ, con người và đời sống được khám phá, tổ chức theo phương thức nghệ thuật riêng của mỗi tác giả. Hành trình thú vị, tự thử thách bản thân của hoạt động đọc văn được bắt đầu từ việc huy động những gì gần gũi, quen thuộc, có ý nghĩa mà học sinh đã trải nghiệm để bước vào cánh cửa văn chương; đọc lướt tác phẩm để định hướng ban đầu; đọc sâu vào từng khía cạnh của văn bản để hình dung, tưởng tượng, nhập thân vào thế giới nghệ thuật, trải nghiệm những chiều kích khác vô cùng phong phú của đời sống; đọc suy luận để cắt nghĩa, lí giải, làm đầy những khoảng trống im lặng của mỗi trang văn; đọc kết nối để thấy điều văn học thể hiện thật gần bó với những gì đang hiện hữu ở “cuộc sống quanh ta”, tác phẩm văn học đang thực sự giúp ta lớn lên từng ngày trong hiểu biết, ứng xử, suy ngẫm như thế nào, mở rộng khung khổ quen thuộc của văn bản ra khỏi trang sách, thâm nhập vào đời sống, vào các “kênh” cảm nhận và thể hiện “đa phương thức” khác,... Đây cũng là cách các bộ sách giáo khoa của nhiều nền giáo dục phát triển trên thế giới dạy học sinh đọc văn, nuôi giữ ngọn lửa tình yêu với văn chương trong bối cảnh bị cạnh tranh khốc liệt với các phương tiện giải trí nghe nhìn và tâm lí tiếp nhận của một thế hệ bạn đọc mới có rất nhiều thay đổi so với truyền thống.

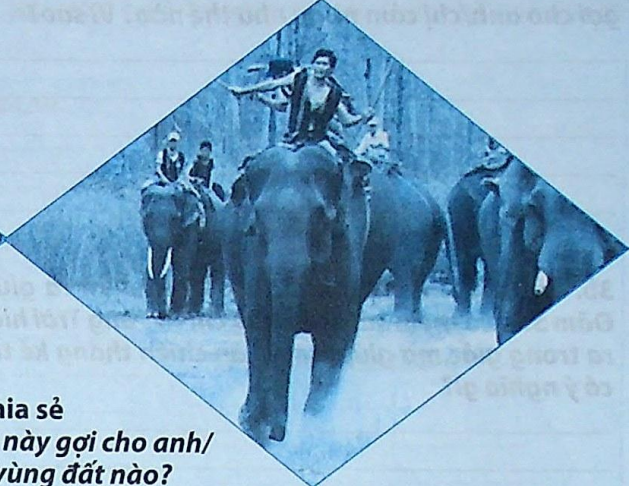
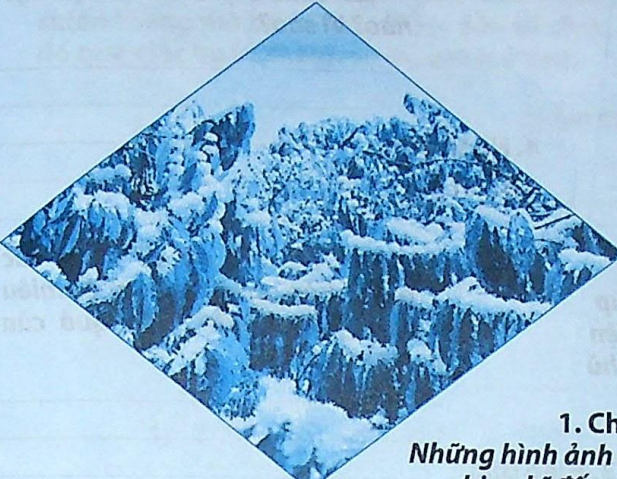
Hệ thống phiếu học tập cũng được thiết kế theo hướng tích cực hoá hoạt động của học sinh, khơi gợi hứng thú đọc, kích hoạt sự sáng tạo, tư duy phản biện, khả năng tự học của học sinh. Đây là bộ công cụ hấp dẫn, hiệu quả, học sinh có thể sử dụng để soạn bài, học bài mới, ôn tập, làm việc cá nhân, làm việc nhóm, làm việc với cộng đồng. Đây cũng là phương tiện dạy học hỗ trợ đắc lực cho giáo viên, giúp người dạy tổ chức hoạt động trên lớp, kiểm tra đánh giá, gợi ý các hoạt động và hình thức tổ chức hoạt động mới mẻ, giúp các thầy cô thực sự trở thành những chuyên gia sáng tạo trong nghề nghiệp của mình.

Thấu hiểu và chia sẻ sâu sắc với những gì môn học Ngữ văn và nhà trường đang đối mặt, chúng tôi trân trọng giới thiệu với các thầy cô và các em học sinh trung học phổ thông bộ sách này (gồm 6 cuốn tương ứng với 3 lớp 10; 11; 12). Nhân đây, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành, sâu sắc đến các tác giả của những tư liệu mà chúng tôi đã sử dụng trong quá trình biên soạn bộ sách này. Chúng tôi mong muốn nhận được những phản hồi, đóng góp của bạn đọc để bổ sung, hoàn thiện tốt hơn.

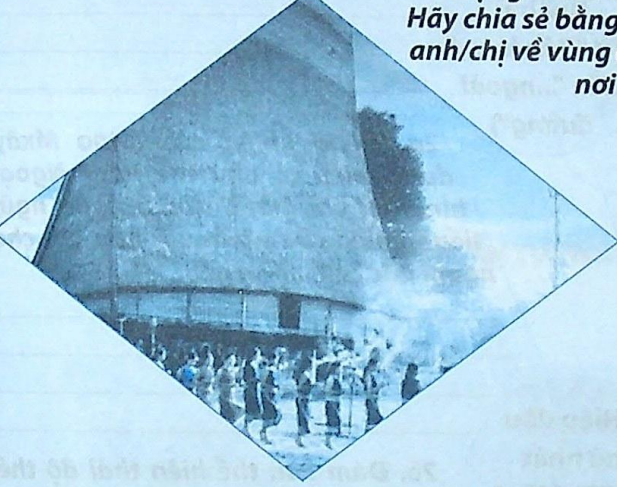
CÁC TÁC GIẢ



TRƯỚC KHI ĐỌC



1. Chia sẻ
*Những hình ảnh này gợi cho anh/
chị nghĩ đến vùng đất nào?
Hãy chia sẻ bằng lời ẩn tượng của
anh/chị về vùng đất và con người
nơi đó.*



2. Đọc phần Tiểu dẫn trong SGK, gạch chân các thông tin chính và vẽ sơ đồ tư duy để giới thiệu chung về tác phẩm *Sử thi Đăm Săn*.



SỬ THI ĐĂM SĂN

CHIẾN THẮNG MTAO MÂY

Tìm hiểu cuộc giao tranh giữa Đăm Săn và Mtao Mây theo gợi dẫn sau đây:

3a. Đoạn văn miêu tả cảnh Đăm Săn múa khiên gợi cho anh/chị cảm nhận như thế nào? Vì sao?

3b. Chi tiết "miếng trâu" do Hơ Nhị ném ra giúp Đăm Săn có thêm sức mạnh và chi tiết ông Trời hiện ra trong giấc mơ giúp Đăm Săn chiến thắng kẻ thù có ý nghĩa gì?

3c. Dân làng đáp lại lời kêu gọi của Đăm Săn như thế nào? Vì sao?

1a. Ai là người chủ động khiêu chiến? Vì lí do gì?

1b. Hãy nhận xét về giọng điệu, thái độ, tư thế của mỗi nhân vật trong màn khiêu chiến.
– Đăm Săn:

– Mtao Mây:

1. Khiêu chiến
(Từ "Nhà..."
đến "...nữa là")

2. Hiệp đấu
thứ nhất
(Từ "Thế là..."
đến "...làm gì")

3. Hiệp đấu
thứ hai
(Từ "Đến lúc..."
đến "...ngoài
đường")

4. Nhận xét,
đánh giá

4a. Anh/Chị thích nhân vật nào? Vì sao?

4b. Tác giả đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật gì để miêu tả cuộc giao tranh? Hiệu quả của biện pháp đó.

2a. Tiếng khiên của Mtao Mây được miêu tả như thế nào? Ngoại hình, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, tiếng khiên của nhân vật này gợi cho người đọc cảm nhận gì?

2b. Đăm Săn thể hiện thái độ thế nào với Mtao Mây? Sức mạnh của Đăm Săn được thể hiện ra sao qua động tác múa khiên?

2c. Kết cục của hiệp đấu này là gì?

Đọc phần văn bản từ “Đoàn người đông như...” đến hết để tìm hiểu cảnh ăn mừng chiến thắng sau cuộc giao tranh.

1. Hãy tưởng tượng cỗ xe thời gian đưa chúng ta trở về thời đại sử thi để tham dự lễ ăn mừng chiến thắng mà buôn làng Đăm Săn tổ chức. Hãy nhớ lại ấn tượng và cảm xúc của anh/chị khi đó qua việc hoàn thành sơ đồ gợi mở sau:

ẤN TƯỢNG CỦA TÔI VỀ...

1) Người tham dự:

2) Không khí:

3) Âm thanh:

4) Ngoại hình, cử chỉ, hành động của tù trưởng Đăm Săn:

5) Giọng điệu của tù trưởng Đăm Săn:

6) Cảm xúc, hành động của tôi khi đó:

2. Tác giả sử thi đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì để giúp anh/chị có thể hình dung, tưởng tượng như vậy?

3. Cảnh ăn mừng chiến thắng gửi đến người đọc thông điệp gì?

Buôn làng Tây Nguyên đang vào mùa lễ hội cà phê náo nức, tung bừng rộn rã công chiêng. Nếu chàng Đăm Săn bước ra từ thiên sử thi xa xưa để hoà vào nhịp vui của cuộc sống hôm nay, anh/chị nghĩ chàng sẽ nói gì?

Hãy tưởng tượng và ghi lại điều đó bằng một đoạn văn.

(Tham khảo văn bản về Lễ hội cà phê trong phần Ngữ liệu đọc hiểu, tr. 71)



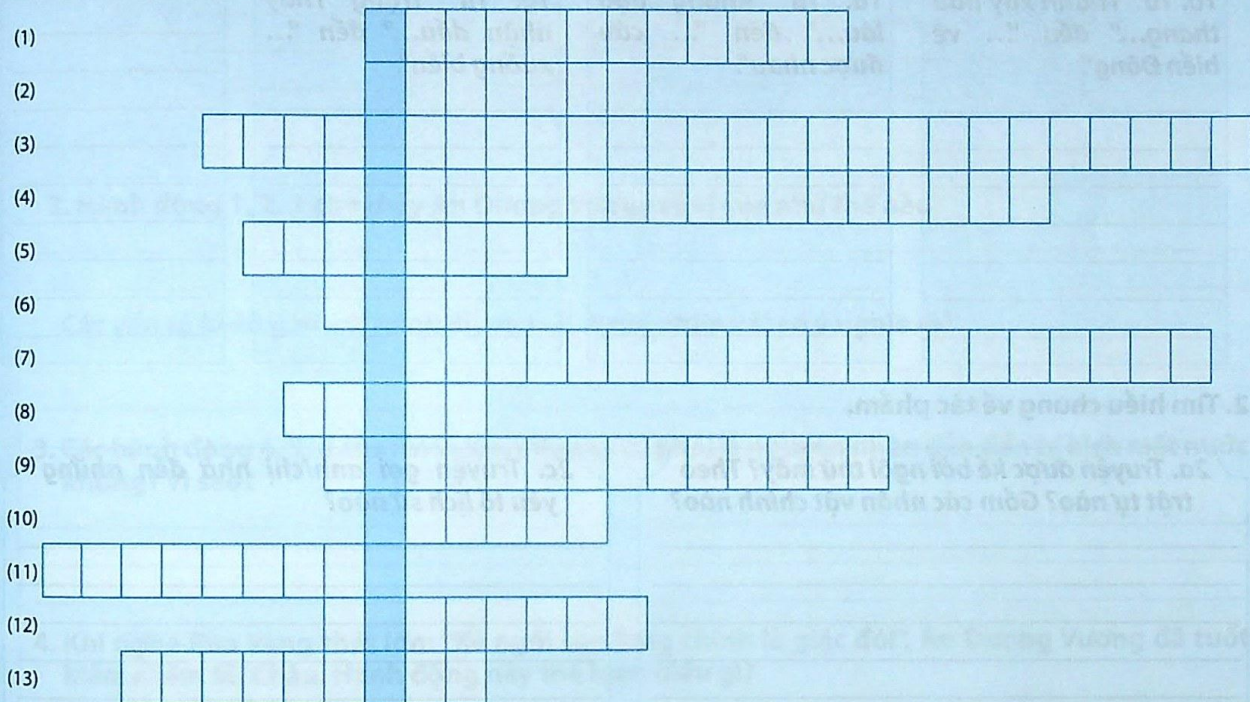


TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Bức tranh này gợi cho anh/chị nhớ đến nhân vật văn học nào? Hãy chia sẻ bằng lời cảm nhận của anh/chị về hình tượng nhân vật này.

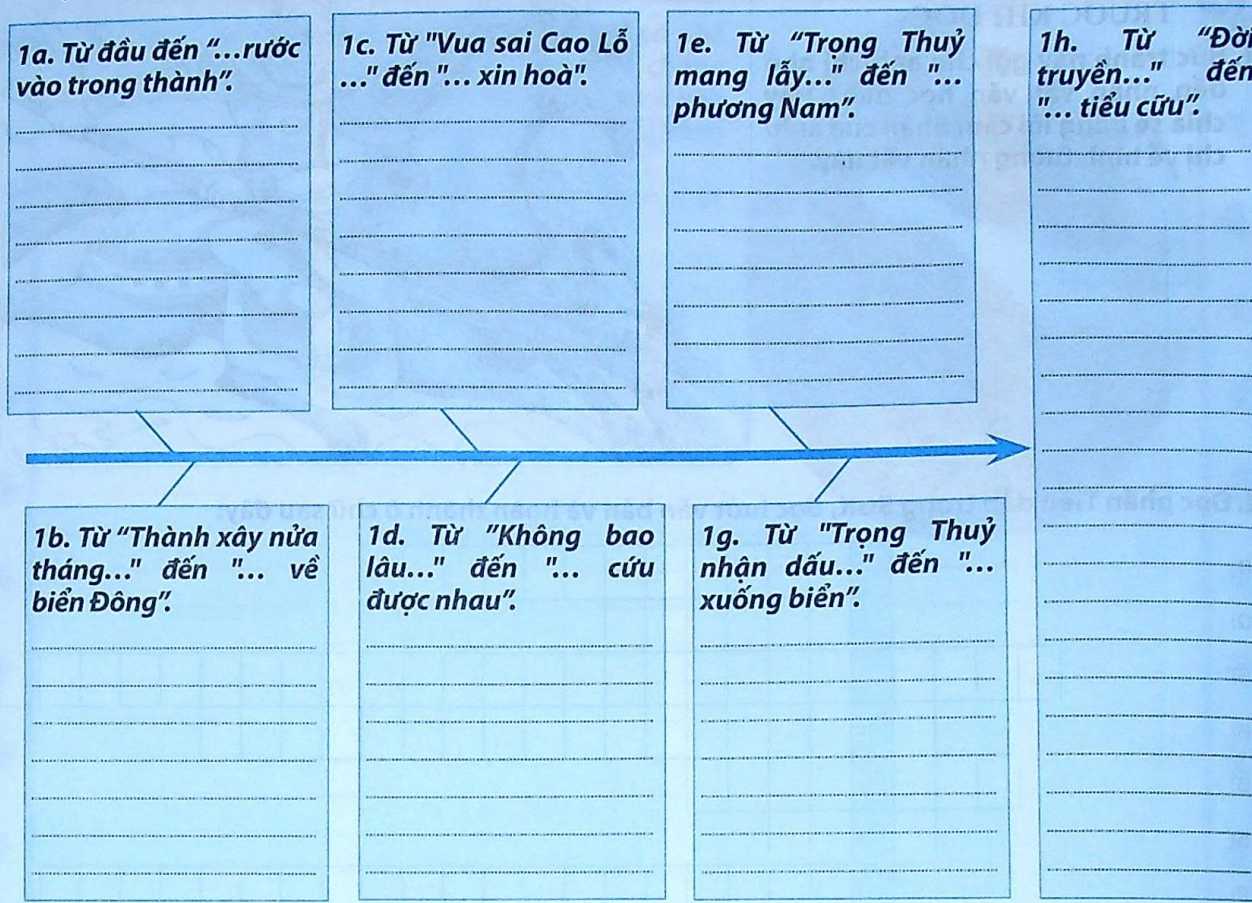


2. Đọc phần Tiểu dẫn trong SGK, đọc lướt văn bản và hoàn thành ô chữ sau đây:



- (1) Văn bản *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy* thuộc thể loại gì?
- (2) Nhân vật nào đã giúp nhà vua xây thành?
- (3) Không chú trọng tính chính xác như các văn bản lịch sử, truyền thuyết ...
- (4) Làng Cổ Loa, huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội còn giữ được một quần thể ...
- (5) Công trình xây dựng của An Dương Vương được gọi là ...
- (6) Mị Châu đã bị sứ Thanh Giang kết tội là ...
- (7) Để đọc hiểu truyền thuyết, cần xem xét tác phẩm trong mối quan hệ ảnh hưởng qua lại với ... mà nó sinh thành, lưu truyền, biến đổi.
- (8) Quốc hiệu của nước ta thời An Dương Vương là ...
- (9) An Dương Vương đã làm gì khi việc xây thành gặp khó khăn?
- (10) Người để lộ bí mật quốc gia là ...
- (11) Nơi Trọng Thủy tìm đến cái chết là ...
- (12) Trước khi chết, Mị Châu nguyện biến thành vật gì để rửa sạch mối oan?
- (13) Trọng Thủy đã theo dấu ... để đuổi theo cha con An Dương Vương.

1. Đọc thầm văn bản và tóm tắt từng phần cốt truyện theo gợi dẫn của sơ đồ sau:



2. Tìm hiểu chung về tác phẩm.

2a. Truyện được kể bởi ngôi thứ mấy? Theo trật tự nào? Gồm các nhân vật chính nào?

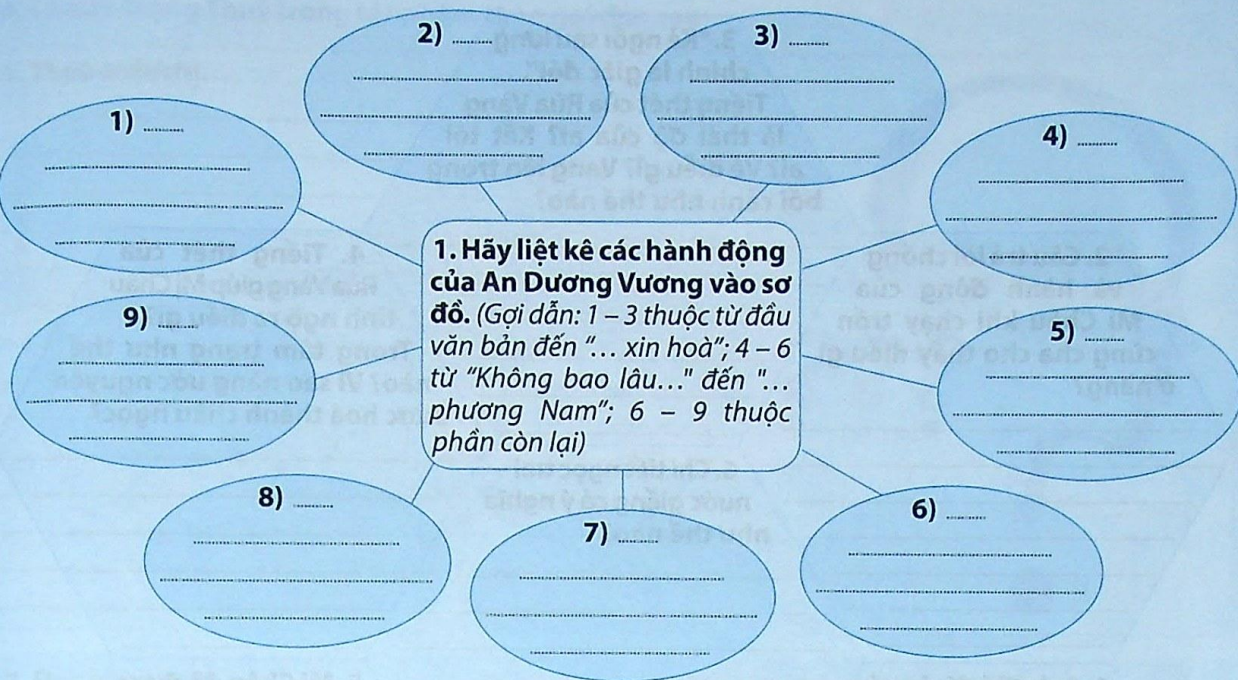
2c. Truyện gợi anh/chị nhớ đến những yếu tố lịch sử nào?

TRUYỆN AN DƯƠNG VƯƠNG VÀ MỊ CHÂU – TRỌNG THUYẾT

2b. Có thể chia truyện thành mấy chặng chính? Hãy đặt tên cho mỗi chặng.

2d. Truyện có những yếu tố tưởng tượng, kì ảo nào?

Tìm hiểu nhân vật An Dương Vương trong truyện theo gợi dẫn sau:



2. Hành động 1, 2, 3 cho thấy An Dương Vương là vị vua như thế nào?
- Các yếu tố kì ảo gắn với hành động 1, 2, 3 của nhân vật có ý nghĩa gì?
3. Các hành động 4, 5, 6 của An Dương Vương có phải là nguyên nhân dẫn đến bi kịch mất nước không? Vì sao?
4. Khi nghe Rùa Vàng thét lớn: "Kẻ ngồi sau lưng chính là giặc đó!", An Dương Vương đã tuốt kiếm chém Mị Châu. Hành động này thể hiện điều gì?
- Tại sao tác giả dân gian lại sáng tạo ra chi tiết kì ảo nhà vua cầm sừng tê bảy tấc theo Rùa Vàng đi xuống biển?
5. Rẽ nước cùng Rùa Vàng đi vào lòng biển sâu, An Dương Vương thực sự nghĩ gì và cảm thấy như thế nào? Hãy tưởng tượng và phát biểu về điều đó.

Tìm hiểu nhân vật Mị Châu trong truyện theo gợi dẫn sau:

3. "Kẻ ngồi sau lưng chính là giặc đó!". Tiếng thét của Rùa Vàng là thái độ của ai? Kết tội ai? Về điều gì? Vang lên trong bối cảnh như thế nào?

4. Tiếng thét của Rùa Vàng giúp Mị Châu tỉnh ngộ ra điều gì? Trong tâm trạng như thế nào? Vì sao nàng ước nguyện được hoá thành châu ngọc?

6. Chi tiết ngọc trai – nước giếng có ý nghĩa như thế nào?

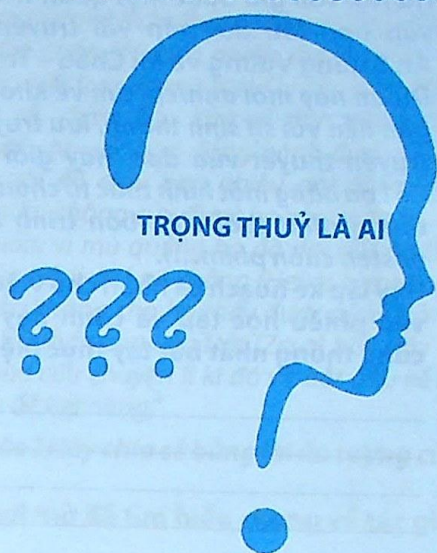
2. Câu trả lời chồng và hành động của Mị Châu khi chạy trốn cùng cha cho thấy điều gì ở nàng?

1. Anh/Chị đánh giá như thế nào về hành động lên cho Trọng Thủy xem nỏ thần của Mị Châu?

5. Mị Châu đã được hoá thân như thế nào? Sự hoá thân này thể hiện thái độ gì của nhân dân với nàng?

7. Nhân vật Mị Châu gợi cho anh/chị tình cảm và suy nghĩ gì?

1. Theo anh/chị...

[illegible]

MỊ CHÂU

Vương Trọng

Khi quay lại chém con sau lưng ngựa
An Dương Vương, người đã nghĩ suy gì?
Hay cùng đường, ai cũng là giặc giả
Và nghe lời mách bảo của Kim Quy?

*Kẻ thù ở sau lưng – dù lời thần đi nữa
Người phải trông bằng chính mắt của mình
Công chúa Mị Châu, nếp Vua cha, run sợ
Khi nửa trời khói lửa đao binh*

Lông ngỗng rơi, lông ngỗng rơi trắng lối
Dứt áo ra như dứt thịt da mình
Phút li loạn, chàng ở đâu chẳng tới
Trọng Thủy ơi, thiếp đành chạy xa thành!

Nước mắt rơi xoay tròn cơn gió
Lưng Cha cùng lưng ngựa đẫm mồ hôi
Công nông hết, thiếp sẽ rời lưng ngựa
Đem chiếc lông cuối cùng, đội chàng đây chàng ơi!

à bất ngờ An Dương Vương quay lại
 cũng có lời an ủi của vua cha
 Mị Châu ngửng mặt nhìn chờ đợi
 từ trời cao, một đường kiếm sáng loà.

không phải lòng ngổn rơi mà đầu lặn xuống đất
lầm cuối đường như dấu chấm câu
ao bị chém? Mị Châu không hề biết
sầu tu thành sỏi đỏ đất Hoan Châu.

Đã là vua lại có thần mách bảo
 Tưởng sáng suốt hai lần và công lí gấp đôi
 Mà người chết, không hiểu sao mình chết
 Thì hồn oan còn đập cửa muôn đời.

Mấy ngàn năm dâu bể, lở bồi
Lúc bình yên và cả khi giặc giã
Xin đừng trách Mị Châu thêm nữa
Yêu chân thành, thật có tội gì đâu?

(Nguồn: thivien.net)

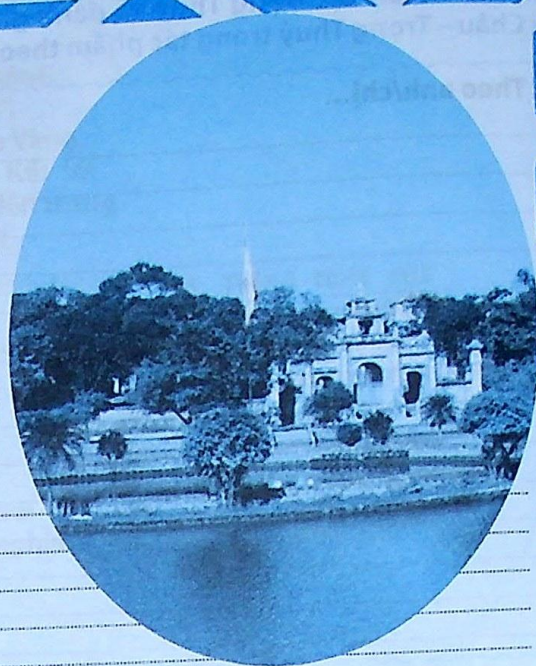
3. Anh/Chị có đồng tình với điều tác giả bài thơ nhắn nhủ: “Xin đừng trách Mị Châu thêm nữa – Yêu chân thành, thật có tội gì đâu?”

This image shows a single sheet of white paper with horizontal blue or grey ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Làng Cổ Loa, huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội còn giữ được một quần thể di tích lịch sử - văn hoá lâu đời gắn với truyền thuyết Truyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy.

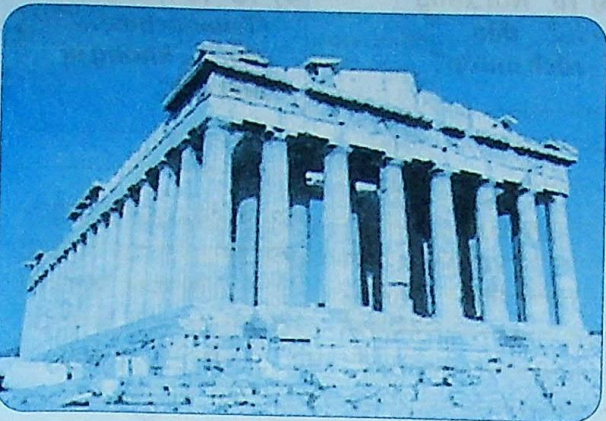
Dự án này mời anh/chị tìm về không gian văn hoá gắn liền với sự sinh thành, lưu truyền, biến đổi của truyền thuyết vừa đọc. Hãy giới thiệu về di tích Cổ Loa bằng một hình thức tự chọn mà anh/chị thấy thú vị nhất (bài viết, bản trình bày PowerPoint, poster, cuốn phim...).

Hãy lập kế hoạch cá nhân cho việc thực hiện dự án vào phiếu học tập và trình bày trước nhóm để cùng thống nhất bắt tay thực hiện.





TRƯỚC KHI ĐỌC

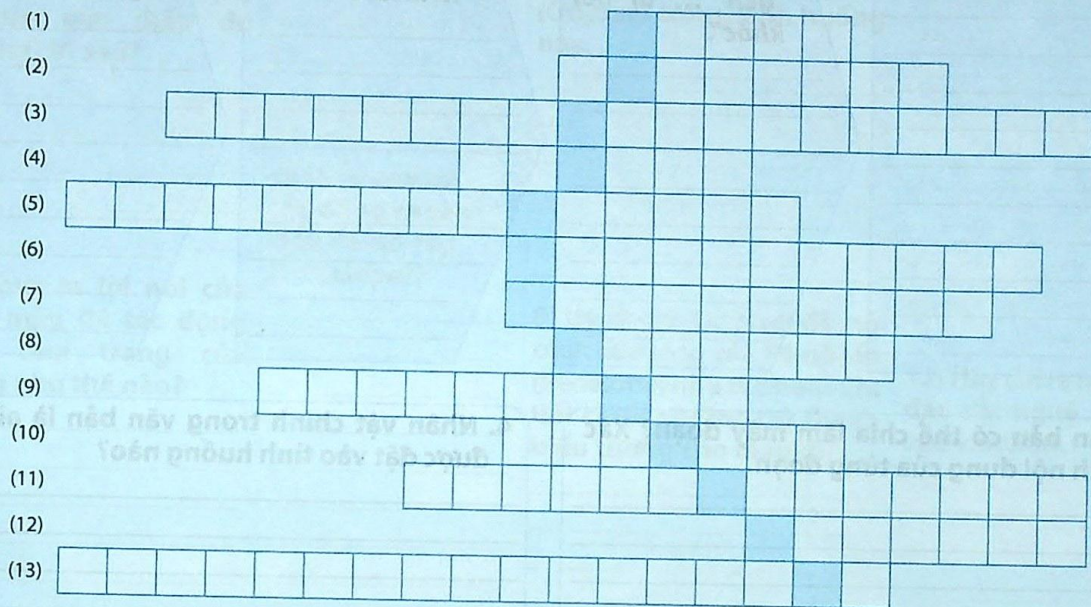


Hình ảnh và đoạn văn trên gợi cho anh/chị cảm nhận về xứ sở nào? Hãy chia sẻ bằng lời ẩn tượng của anh/chị về xứ sở này.

2. Đọc phần Tiểu dẫn trong SGK và hoàn thành ô chữ theo gợi mở để tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.

1. Chia sẻ

"Nàng thơ ơi! Hãy kể cho ta nghe chuyện vị anh hùng muôn vàn trí xảo, sau khi dùng mưu hạ được Tơ-roa (Troie) thần thánh, đã phiêu lưu khắp đó đây, đặt chân lên bao nhiêu thành bang và thông hiểu biết bao phong tục! Khi còn lênh đênh trên biển cả, chiến đấu bảo vệ tính mạng của mình và để cho các bạn đồng hành được trở về xứ sở, người đã chịu bao nhiêu nỗi đắng cay! Nhưng người không cứu được họ như lòng người mong muốn; vì mù quáng họ đã đại dột ăn thịt đàn bò của Hê-li-ô-t I-pê-ri-ông (Helios Hyperion). Thế là thần không cho họ thấy được ngày trở về quê nữa. Nữ thần con của Dớt (Zeus) hỡi! Hãy kể cho ta nghe câu chuyện li kì đó và bắt đầu kể từ đâu ta xin để tùy nàng."



- (1) Tác phẩm Ô-đi-xê (Odysse) thuộc thể loại ...
- (2) Quê hương yêu dấu của nhân vật người anh hùng là ...
- (3) Chủ đề chính của tác phẩm là ... để khai sáng, mở rộng giao lưu.
- (4) Theo truyền thuyết, tác giả của Ô-đi-xê (Odysse) là ...
- (5) Tại vương quốc của vua An-ki-nô-ốt (Alkinoos), nhân vật chính đã kể lại hành trình ... của mình trong mười năm.
- (6) Ai là người báo tin nhân vật chính được Dớt (Zeus) cho phép đoàn tụ?
- (7) Thời gian từ khi nhân vật chính rời gia đình đến khi trở về nhà là ...
- (8) Người con trai của nhân vật chính tên là ...
- (9) Tên địa danh nơi nhân vật chính lập chiến công trong sử thi I-li-át (Iliade) là ...
- (10) Người buộc phải cho nhân vật chính rời đảo theo lệnh thần Dớt (Zeus) là ...
- (11) Đoạn trích thuộc ... của sử thi Ô-đi-xê (Odysse).
- (12) Nhân vật người anh hùng trong thiên sử thi tên là ...
- (13) Nhân vật chính cùng gia nhân lập mưu để trừng trị ...

1. Đọc văn bản và tóm tắt theo gợi dẫn của sơ đồ sau đây:

1) Từ đầu đến
"... chết rồi".

2) Từ "Nhũ mẫu
..." đến "...
giết chúng".

3) Từ "Nói xong
..." đến "...
rách mướp".

4) Từ "Tê-lê-mác
(Telemachus)..."
đến "... không ai
biết hết".

8) Từ "Người nói vậy
..." đến "... buồn rười".

7) Từ "Pê-nê-lốp
(Penelope)..."
đến "... đi nơi
khác".

6) Từ "Khi Uy-lít-xơ
(Odysse)..." đến
"... là sắt".

5) Từ "Nghe nàng
..." đến "... kém
gan dạ".

2. Văn bản có thể chia làm mấy đoạn? Xác
định nội dung của từng đoạn.

4. Nhân vật chính trong văn bản là ai? Họ
được đặt vào tình huống nào?

3. Người kể chuyện ở ngôi thứ mấy? Kể theo
trật tự nào?

Nhân vật nào giúp họ giải quyết tình huống?

Tìm hiểu cuộc đấu trí giữa Pê-nê-lốp (Penelope) và Uy-lít-xơ (Odysse) trong văn bản.

2) Điều nhũ mẩu thông báo có sức thuyết phục không? Vì sao?

3) Pê-nê-lốp (Penelope) có tin vào điều đó không? Vì sao?

4) Thực ra lời nói của nhũ mẩu đã tác động đến tâm trạng của nàng như thế nào?

5) Tê-lê-mác (Telemachus) đã làm gì để lay chuyển cánh cửa lòng mẹ?

6) Điều này đã tác động ra sao đến Pê-nê-lốp (Penelope)?

7) Ý định thử thách Uy-lít-xơ (Odysse) của Pê-nê-lốp (Penelope) được thể hiện khéo léo như thế nào?

8) Hãy bình luận chi tiết "mỉm cười" của Uy-lít-xơ (Odysse) trong tình huống này.

9) Uy-lít-xơ (Odysse) đã mở cánh cửa lòng của Pê-nê-lốp (Penelope) như thế nào? Chi tiết chiếc giường trở thành biểu tượng cho điều gì?

10) Biện pháp so sánh được sử dụng như thế nào trong đoạn văn cuối cùng? Chỉ ra giá trị của nó.

11) Trong cuộc đấu trí này, ai là người chiến thắng? Họ là những con người như thế nào? Qua đó chúng ta đọc được thông điệp gì?

12) Hãy chỉ ra những đặc sắc nghệ thuật của văn bản.

1) Trước khi được báo tin, Pê-nê-lốp (Penelope) đang ở trong hoàn cảnh nào? Hoàn cảnh này tác động gì đến nàng?

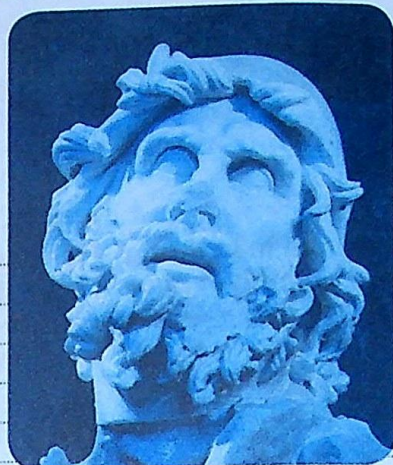
TRƯỜNG THPT HOÀNG CẦU

THƯ VIỆN

SIC - 7004

Tượng tượng chàng Uy-lít-xơ (Odysse) trong tác phẩm của Hô-me-rơ (Homer) đến với lớp học của anh/chị trong giờ đọc hiểu văn bản Uy-lít-xơ trở về.

Hãy chia sẻ với chàng những thử thách mà anh/chị đang phải đối mặt. Tượng tượng và ghi lại vắn tắt lời khuyên mà Uy-lít-xơ (Odysse) dành cho anh/chị.



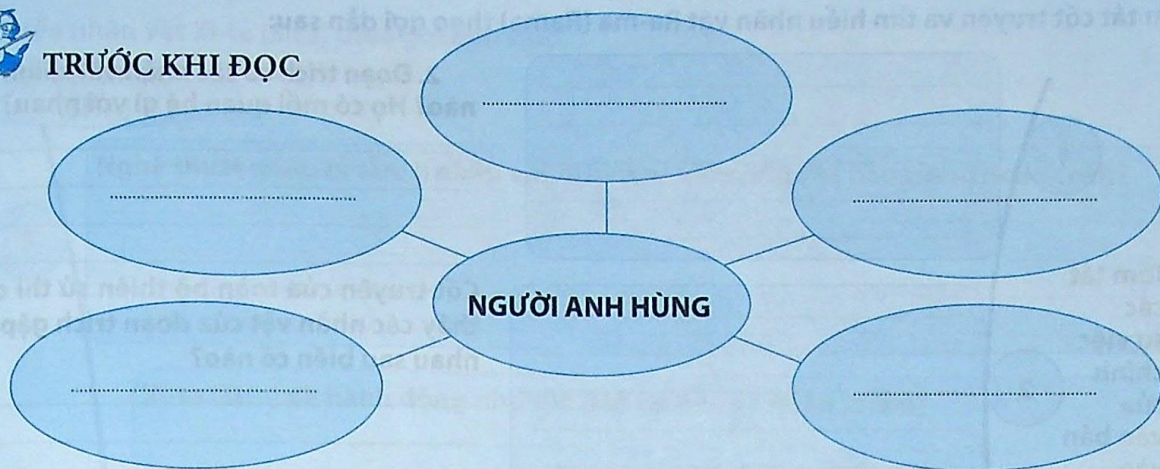
LÀO ĐỘNG VIÊN

HỘI VIÊN

2007-2012



TRƯỚC KHI ĐỌC



1. Hãy liệt kê những phẩm chất mà anh/chị cho là cần có ở người anh hùng vào sơ đồ trên và chia sẻ cùng cả lớp.

Theo anh/chị, chúng ta có thể là người anh hùng được không?

2. Đọc phần Tiểu dẫn trong SGK và điền thông tin phù hợp vào các chỗ trống dưới đây để tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.

1) *Ra-ma-ya-na* (*Ramayana*) là thiên sử thi nổi tiếng của đất nước Tên tác phẩm có nghĩa là

2) Thiên sử thi này được hình thành và bổ sung, trau chuốt trong khoảng từ thế kỉ đến thế kỉ bởi nhiều thế hệ tu sĩ – thi nhân.

3) Người hoàn thiện cuối cùng tác phẩm *Ra-ma-ya-na* (*Ramayana*) là

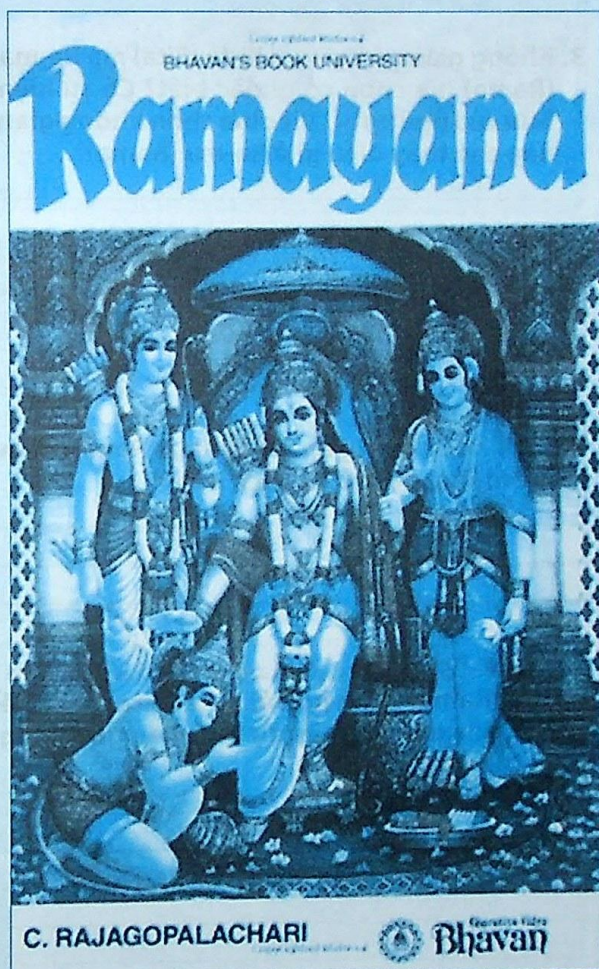
4) Các sự việc chính của thiên sử thi gồm:

5) Tác phẩm gồm câu thơ đôi (một câu thơ đôi gồm 2 dòng thơ).

6) *Ra-ma-ya-na* (*Ramayana*) đặc biệt thành công trong việc

7) Người Ấn Độ tin rằng:

8) Đoạn trích *Ra-ma buộc tội* thuộc trong tác phẩm.



Tóm tắt cốt truyện và tìm hiểu nhân vật Ra-ma (Rama) theo gợi dẫn sau:

1. Tóm tắt các sự việc chính của văn bản vào sơ đồ.

1

2

2

3

2. Đoạn trích có các nhân vật chính nào? Họ có mối quan hệ gì với nhau?

Cốt truyện của toàn bộ thiên sử thi cho thấy các nhân vật của đoạn trích gặp lại nhau sau biến cố nào?

Thông thường, trong cuộc sống, gặp lại nhau sau biến cố đó, những điều gì có thể xảy ra?

3. Không gian gặp gỡ với Xi-ta (Sita) mà Ra-ma (Rama) lựa chọn có gì đặc biệt? Có sự hiện hữu của những ai? Việc lựa chọn không gian này cho thấy điều gì ở Ra-ma (Rama)?

4. Trong đoạn đối thoại, Ra-ma (Rama) chỉ rõ lí do nào khiến chàng đánh Ra-va-na (Ravana) để cứu Xi-ta (Sita)?

Lí do nào khiến chàng để Xi-ta (Sita) "muốn đi đâu tùy nàng"?

Trong không gian gặp gỡ, Ra-ma (Rama) hiện ra với những vai trò, tư cách nào?

Tâm trạng của Ra-ma (Rama) ra sao khi nói những lời này? Trong Ra-ma (Rama) xuất hiện mâu thuẫn nào? Chàng đã lựa chọn điều gì giữa mâu thuẫn ấy?

Ra-ma (Rama) xưng hô với Xi-ta (Sita) như thế nào? Cách xưng hô này dự báo điều gì? Giọng điệu của chàng ra sao?

Đặc sắc nghệ thuật nào được thể hiện qua nhân vật Ra-ma (Rama)?

Quan niệm về người anh hùng của sử thi Ấn Độ được thể hiện ra sao qua nhân vật Ra-ma (Rama)?

m hiểu nhân vật Xi-ta (Sita) theo gợi dẫn sau:

**NÀNG XI-TA
(SITA)**

Ngệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật được thể hiện như thế nào trong đoạn trích?

5

Xi-ta (Sita) đã hành động như thế nào để bảo vệ nhân phẩm?

Lời nói của nàng với thần Lửa còn hướng tới ai nữa? Thái độ của cộng đồng đối với nàng như thế nào?

4

Trong văn hoá Ấn Độ, thần Lửa có vị trí ra sao?



Biểu tượng thần Lửa

Xi-ta (Sita) đã dùng những lí lẽ gì để bảo vệ danh dự bản thân? Cách xưng hô của nàng với Ra-ma (Rama) có gì đặc biệt? Giọng điệu của nàng khi đối thoại ra sao?

3

Tác giả đã miêu tả tâm trạng của nàng ra sao khi bị đặt vào tình huống đó?

2

Xi-ta (Sita) bị đặt trước tình huống nào?

1

SỰ KHÁC BIỆT: Đoạn trích *Uy-lít-xơ trở về*:

Hãy so sánh để chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt có ý nghĩa giữa hai đoạn trích *Ra-ma buộc tội* và *Uy-lít-xơ trở về* theo gợi dẫn của sơ đồ.

ĐIỂM GẶP GỠ

SỰ KHÁC BIỆT: Đoạn trích *Ra-ma buộc tội*:



TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Chia sẻ

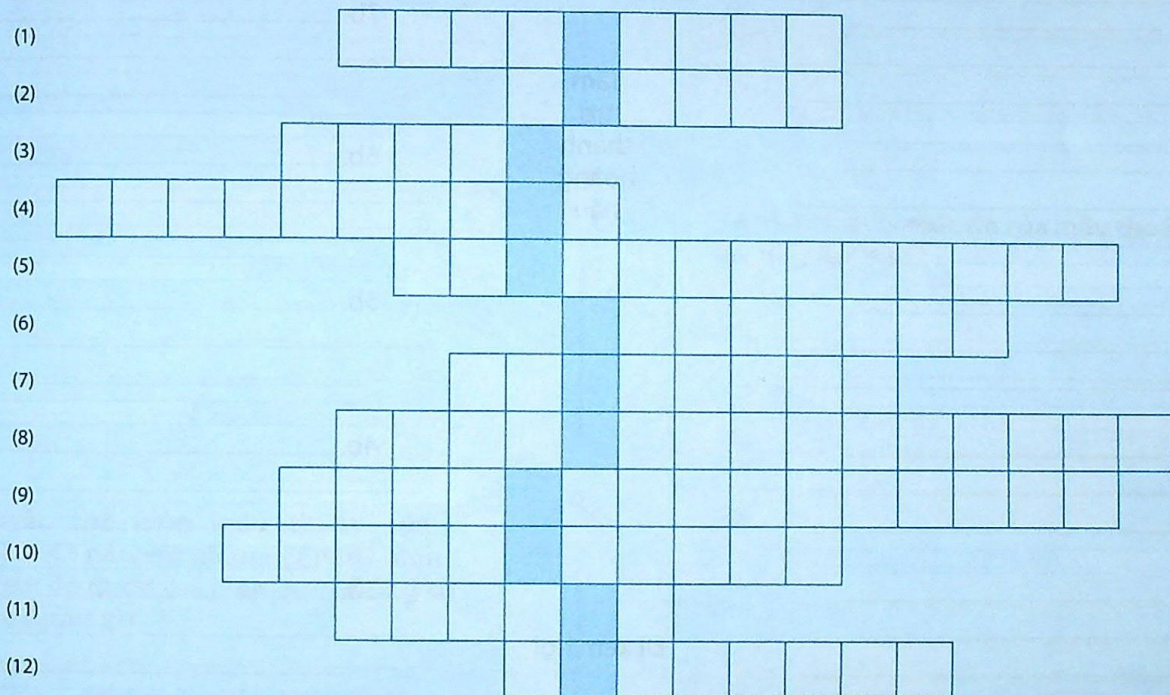
– Bức tranh này gợi cho anh/chị nhớ đến câu chuyện cổ tích nào?

– Hãy chia sẻ bằng lời cùng cả lớp ấn tượng về thế giới cổ tích trong anh/chị. Theo anh/chị, truyện cổ tích có gì đặc biệt không?



TRONG TÔI, TRUYỆN CỔ TÍCH LÀ...

2. Đọc phần Tiểu dẫn, đọc lướt văn bản và hoàn thành ô chữ theo gợi dẫn để tìm hiểu chung về tác phẩm.



- (1) Khi đàn chim sẽ bay đi rồi, Tấm đã làm gì?
- (2) *Tấm Cám* thuộc tiểu loại truyện cổ tích ...
- (3) Cô Tấm trong truyện thuộc kiểu nhân vật ...
- (4) Khi đào lọ thứ nhất, Tấm đã nhận được một cái ...
- (5) Truyện cổ tích thể hiện ước mơ của nhân dân về ...
- (6) Đào lọ thứ hai, Tấm nhận được một đôi ...
- (7) Đàn chim sẽ đã giúp Tấm làm gì?
- (8) Một ước mơ cháy bỏng của nhân dân về truyện cổ tích là ...
- (9) Truyện cổ tích còn thể hiện ước mơ của nhân dân về của con người.
- (10) Đầu tiên, Tấm hoá thân thành ...
- (11) Thứ còn lại trong giỏ của Tấm là con ...
- (12) Theo lời mẹ, Cám đã chặt cây xoan đào để làm ...

1. Hoàn thành sơ đồ theo gợi dẫn sau:

Gợi mở: – 1a ... 9a: Ghi vắn tắt chi tiết thể hiện hành động của mẹ con Cám (theo mẫu 1a).
– 1b ... 9b: Ghi vắn tắt chi tiết thể hiện hành động của Tấm (theo mẫu 1b).

10. Kết truyện:

.....

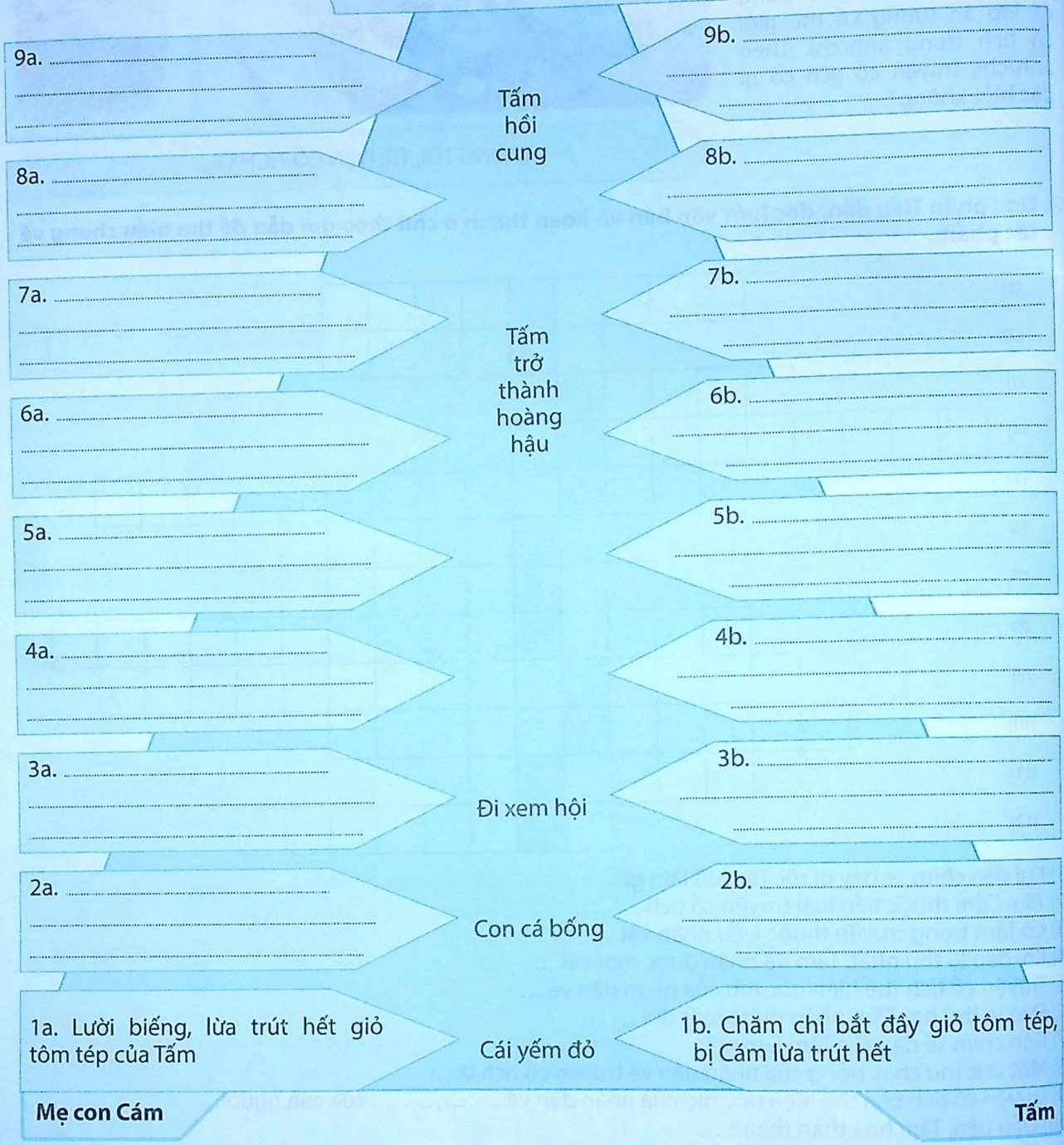
.....

.....

.....

.....

– 10: Ghi lại kết cục của mỗi nhân vật trong truyện.



2. Nhìn vào sơ đồ để kể tóm tắt văn bản truyện Tấm Cám.

Dựa vào phiếu học tập số 2 và các gợi ý dẫn dưới đây để phân tích mâu thuẫn trong truyện *Tấm Cám*.



MÂU THUẤN

Tác giả dân gian đã giải quyết mâu thuẫn của truyện theo hướng nào và bằng cách gì? Qua đó thể hiện điều gì? Những truyện cổ tích mà anh/chị đã biết có cách giải quyết giống như vậy không?

4

Từ mâu thuẫn trong gia đình, tác giả dân gian muốn phản ánh mâu thuẫn gì trong đời sống xã hội?

3

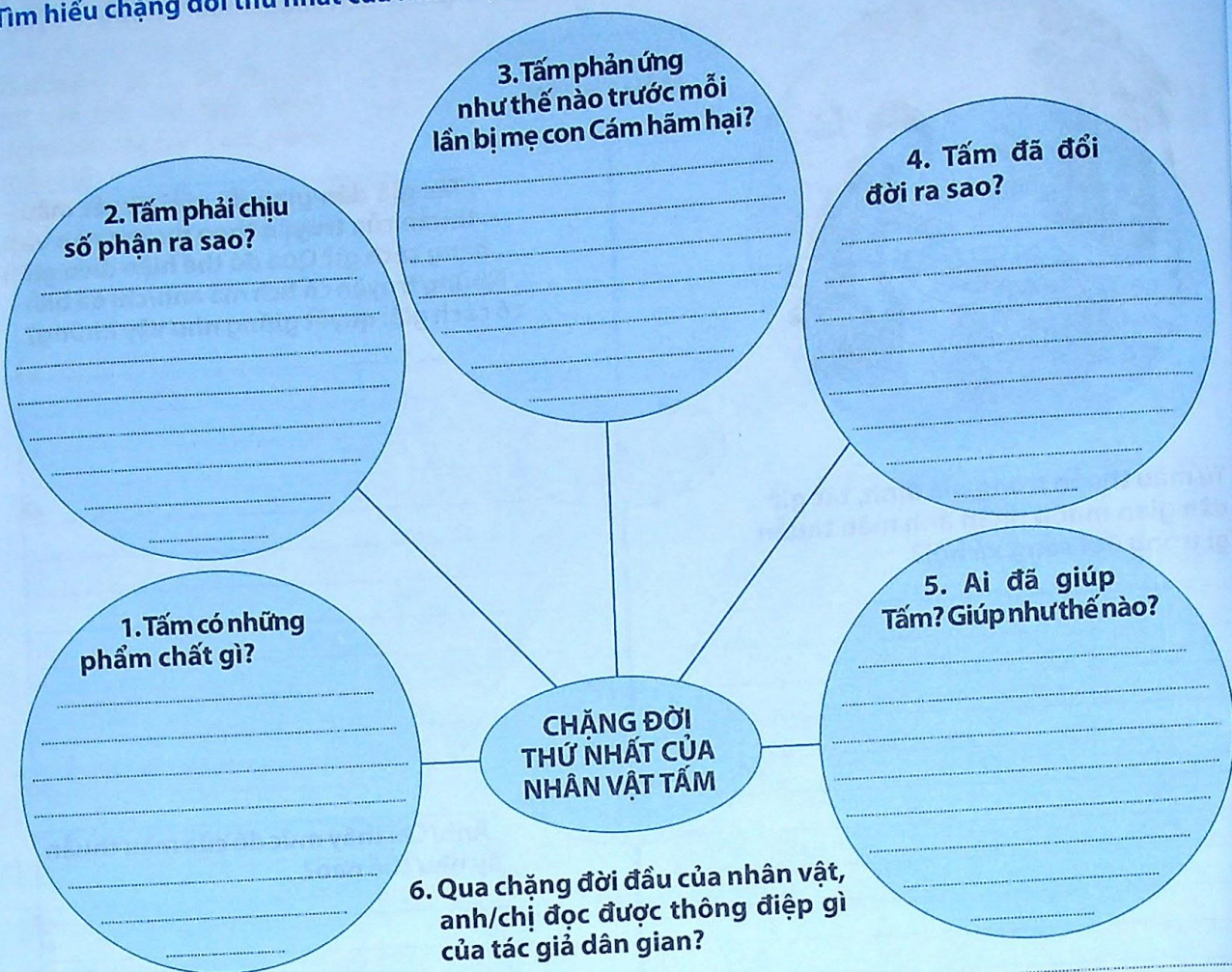
Anh/Chị thấy mức độ của mâu thuẫn ấy như thế nào?

2

Truyện thể hiện mâu thuẫn của nhân vật nào với nhân vật nào? Mâu thuẫn đó được thể hiện qua những sự việc chính gì?

1

Tìm hiểu chặng đời thứ nhất của nhân vật Tấm theo gợi dẫn sau:



7. Trong truyện cổ tích, những người bất hạnh, yếu đuối, chăm chỉ, hiền lành đều có thể đổi đời, có hạnh phúc nhờ sự giúp đỡ của ông Bụt, bà Tiên,...
Còn trong cuộc sống thực của chúng ta, liệu có "phép màu nhiệm của đời" nào dành cho những số phận thua thiệt giống như cô Tấm? Hãy đọc văn bản *Cuộc sống của "chú lính chì dũng cảm"* Thiện Nhân (Phần Ngữ liệu đọc hiểu, tr. 72) và cho biết:
Câu chuyện "cổ tích trong cuộc sống" của bé Thiện Nhân và nhiều mảnh đời bất hạnh khác được viết nên từ đâu? Từ ông Bụt, bà Tiên? Từ những phép biến hoá thần kì? Hay từ.....?

Hiểu chặng đời thứ hai của nhân vật Tấm theo gợi dẫn sau:

CHẶNG ĐỜI THỨ HAI CỦA NHÂN VẬT TẤM

5. Anh/Chị suy nghĩ
như thế nào về kết
thúc của tác phẩm?

KẾT
THÚC
TÁC
PHẨM

4. Tác giả dân gian
gửi gắm thông điệp gì
từ chặng đời thứ hai
của nhân vật Tấm?

THÔNG
ĐIỆP

3. Hành trình vượt qua
thử thách cho thấy
phẩm chất đáng quý
gì ở nhân vật?

PHẨM
CHẤT
CỦA
NHÂN
VẬT

2. Tấm đã vượt qua
thử thách ra sao?

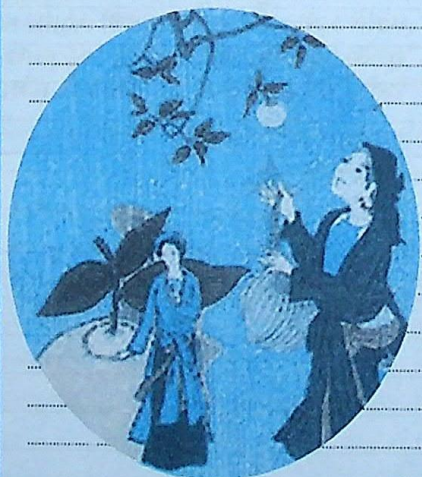
VƯỢT
QUA
THỬ
THÁCH

1. Tấm đã gặp phải
những thử thách nào?

THỬ
THÁCH

Nếu không có những chi tiết thần kì, câu chuyện sẽ thế nào?

Giả định trên giúp anh/chị nhận ra yếu tố thần kì có vị trí, vai trò ra sao trong truyện *Tấm Cám*? Anh/Chị thích nhất chi tiết thần kì nào? Vì sao?



Cô Tấm trong truyện cổ tích đã từ cõi chết trở lại làm người, giành lại sự sống và hạnh phúc.

Nguyễn Ngọc Kí từ một cậu bé tật nguyền trở thành người thầy giáo giỏi.

Nguyễn Bích Lan từ cô bé bất hạnh trở thành dịch giả của mấy chục đầu sách văn học.

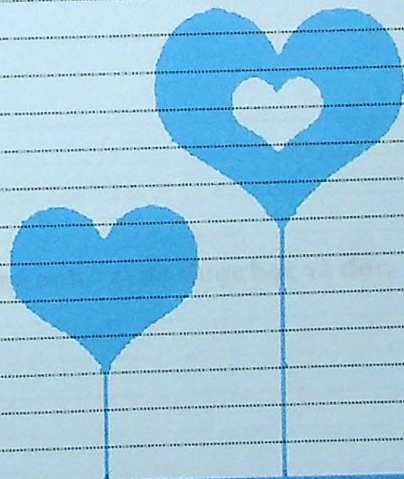
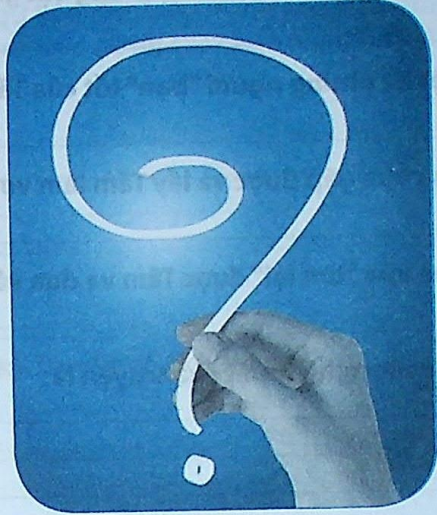
Nick Vujicic từ một người khuyết tật bẩm sinh năng nề trở thành diễn giả truyền cảm hứng cho cả thế giới...

Họ là những nhân vật của cổ tích và của đời thường.

Họ đã làm nên những phép màu cổ tích nhờ vào điều gì vậy?

Chúng ta có thể viết nên những câu chuyện cổ tích giữa cuộc đời này được chăng?

Anh/Chị hãy trả lời hai câu hỏi trên bằng một đoạn văn.



Trả lời nhanh các câu hỏi sau đây để tự tổng kết bài học và tự đánh giá kết quả học tập.

1. Tắm đã hoá thân thành những vật gì?

2. Liệt kê những người "bạn" tốt của Tắm:

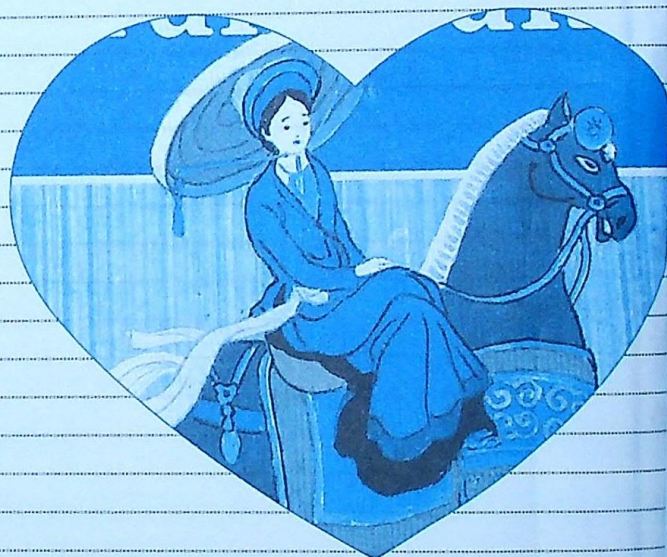
3. Nhà vua gặp được và lấy Tắm làm vợ là nhờ vật này:

4. Nhà vua "tìm lại" được Tắm và đưa về cung sau khi Tắm bị mẹ con Cám hãm hại là nhờ vật này:

5. Đặc sắc nghệ thuật của truyện là:

6. Ghi lại ngắn gọn thông điệp của tác giả dân gian thông qua câu chuyện:

7. Điều anh/chị rút ra được sau khi học xong văn bản *Tắm Cám* là gì?



Anh/Chị hãy đọc truyện cổ tích *Cô Lọ Lem* (Phần Ngữ liệu đọc hiểu, tr. 74) và tự kiểm tra năng lực đọc hiểu truyện cổ tích của bản thân qua việc trả lời các câu hỏi dưới đây:

1. Tóm tắt ngắn gọn về truyện.

2. Hãy giải thích vì sao truyện được xếp vào tiểu loại truyện cổ tích thần kì.

3. Anh/Chị thích chi tiết nào nhất trong truyện? Vì sao?

4. Nếu được viết lại truyện, anh/chị sẽ thay đổi chi tiết/sự kiện nào? Vì sao?

5. Nếu được tham gia vào câu chuyện, anh/chị muốn hoá thân vào nhân vật nào? Vì sao?

6. Hãy liên hệ và so sánh truyện mà anh/chị đang bàn tới với một truyện cổ tích thần kì khác anh/chị đã học/đọc.

7. Câu chuyện gửi đến anh/chị thông điệp gì?

8. Đánh giá chung về giá trị những truyện cổ tích mà anh/chị đã được học và đọc.



TRƯỚC KHI ĐỌC

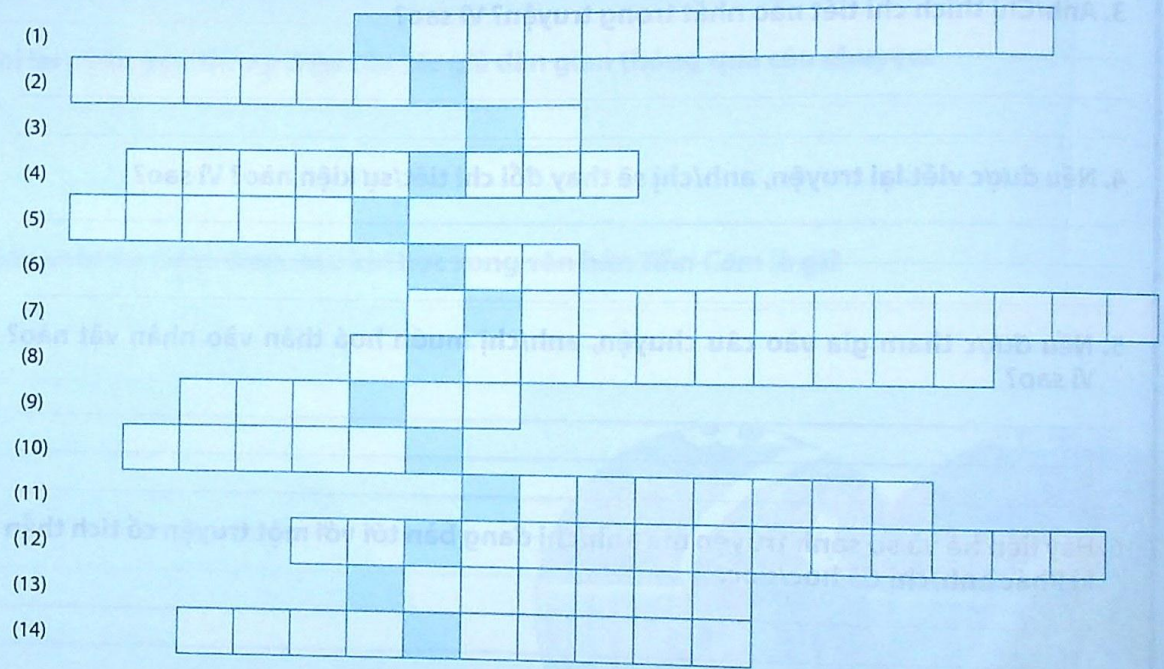
1. Chia sẻ

- Hãy nghe lại bài hát *Nụ cười* (Nhạc Nga, lời : Phạm Tuyên).
- Nụ cười đem lại cho anh/chị điều gì trong cuộc sống?



Tiếng cười vui luôn luôn bên ta, tiếng cười sẽ luôn luôn ngân xa
 Tiếng cười là bạn đường thắm năm của tuổi niên thiếu ta.
 Tiếng cười vui luôn luôn bên ta, tiếng cười sẽ luôn luôn ngân xa
 Tiếng cười là bạn đường thắm năm không thể nào xoá nhòa.
 (Bài hát *Nụ cười*)

2. Đọc Tiểu dẫn, đọc lướt hai văn bản và hoàn thành ô chữ theo gợi dẫn để tìm hiểu chung về tác phẩm.



- Nhân vật thầy đồ trong truyện *Nhưng nó phải bằng hai mày* luôn khoe khoang mình là người ...
- Hiện tượng bị phê phán trong truyện *Nhưng nó phải bằng hai mày* là ...
- Thầy đồ trong truyện *Tam đại con gà* không biết chữ gì?
- Hai văn bản này thuộc loại truyện cười ...
- Nhân vật xử kiện trong truyện *Nhưng nó phải bằng hai mày* là ...
- Nhân vật đi thưa kiện là ...
- Trong truyện *Tam đại con gà*, học trò vàng lè thầy đã đọc to chữ gì?
- Thầy đồ nói với chủ nhà là dạy cho học trò biết tận ...
- Lúc đầu, thầy bảo học trò đọc thế nào?
- Thầy đồ được chủ nhà đón về để ...
- Số tiền Ngô biện chè lá là ...
- Cải bị quan xử thế nào?
- Cải đã biện cho quan bao nhiêu tiền?
- Quan xử cho Ngô thắng vì Ngô đã "phải ...

3. Từ khoá tìm được trong ô chữ gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về giá trị của truyện cười?

Đọc và tìm hiểu văn bản *Tam đại con gà* theo gợi ý dẫn sau:

1. Xưa, có anh học trò học hành dốt nát, nhưng trò đời “xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ”, đi đâu cũng lên mặt văn hay chữ tốt.

2. Có người tưởng anh ta hay chữ thật, mới đón về dạy trẻ. Một hôm, dạy sách *Tam thiên tự*, sau chữ “tước” là chim sẻ, đến chữ “kê” là gà, thấy thấy mặt chữ nhiều nét rắc rối, không biết chữ gì, học trò lại hỏi gấp, thầy cuống, nói liêu: “Dù đi là con dù đi”. Thấy cũng khôn, sợ nhớ sai, người nào biết thì xấu hổ, mới bảo học trò đọc khê, tuy vậy, trong lòng vẫn thấp thỏm.

3. Nhân trong nhà có bàn thờ thổ công, thầy mới đến khấn thầm xin ba đài âm dương để xem chữ ấy có phải thật là “dù đi” không. Thổ công cho ba đài được cả ba.

Thấy vậy, thầy lấy làm đắc chí lắm, hôm sau bệ vệ ngồi trên giường, bảo trẻ đọc cho to. Trò vâng lời thầy, gân cổ lên gào:

– Dù đi là con dù đi... Dù đi là con dù đi...

4. Bố chúng đang cuốc đất ngoài vườn, nghe tiếng học, ngạc nhiên bỏ cuốc chạy vào, giờ sách ra xem, hỏi thầy:

– Chết chữa! Chữ “kê” là gà, sao thầy lại dạy ra “dù đi” là con “dù đi”?

Bấy giờ thầy mới nghĩ thầm: “Mình đã dốt, thổ công nhà nó cũng dốt nữa”, nhưng nhanh trí thấy vội nói gở:

– Tôi vẫn biết chữ ấy là chữ “kê”, mà “kê” nghĩa là “gà”, nhưng tôi dạy thế là dạy cho cháu biết đến tận tam đại con gà kia.

Nhà chủ càng không hiểu, hỏi:

– Tam đại con gà là nghĩa làm sao?

– Thế này nhé! Dù đi là chị con công, con công là ông con gà!

1. Phần một tiềm ẩn yếu tố đáng cười gì?

2. Tiếp theo, yếu tố đáng cười được bộc lộ qua tình huống nào?



Vì sao chúng ta cười?

3. Yếu tố đáng cười được đẩy cao trong tình huống nào tiếp theo?

Trong tình huống này, vì sao chúng ta cười?

4. Yếu tố đáng cười được đẩy đến đỉnh điểm trong tình huống nào?

Trong tình huống này, chúng ta cười vì điều gì?

5. Theo anh/chị, truyện cười này đặc sắc ở điểm nào?

Truyện phê phán điều gì?

Đọc và tìm hiểu văn bản *Nhưng nó phải bằng hai mày* theo gợi dẫn sau:

1. Làng kia có một viên lí trưởng nổi tiếng xử kiện giỏi. Một hôm nọ, Cải với Ngô đánh nhau, rồi mang nhau đi kiện. Cải sợ kém thế, lót trước cho thấy lí năm đồng. Ngô biện chè lá những mười đồng. (2) Khi xử kiện, thấy lí nói:

– Thằng Cải đánh thằng Ngô đau hơn, phạt một chục roi.

Cải vội xoè năm ngón tay, ngẩng mặt nhìn thấy lí, khẽ bầm:

– Xin xét lại, lẽ phải về con mà!

Thấy lí cũng xoè năm ngón tay trái úp lên năm ngón tay mặt, nói:

– Tao biết mày phải... nhưng nó lại phải... bằng hai mày!

1. Trong phần một, tác giả dân gian đã chuẩn bị những gì để "mai phục" cái cười?



2. Tiếp theo, tác giả tập trung vào màn xử kiện của thầy lí.
2a. Hãy nhận xét về cách kể – tả vụ xử kiện của thầy lí.

2b. Tại sao thầy lí lại phán quyết ngay mà không hỏi bên nguyên, bên bị?

2c. Cải và thầy lí có cử chỉ nào đi kèm phát ngôn? Kết hợp giữa phát ngôn và cử chỉ của từng nhân vật, anh/chị hãy ghi lại đầy đủ điều nhân vật Cải muốn thông tin đến thầy lí và ngược lại.

2d. "Phải" nghĩa là gì? Thuộc từ loại nào? Ở đây lại được sử dụng như từ loại nào?



3. Theo anh/chị, truyện cười này đặc sắc ở điểm nào?

4. Truyện phê phán ai? Về điều gì?

anh/Chị hãy chọn và chuyển thể một truyện cười vừa học thành vở kịch ngắn rồi cùng nhau thể hiện trên sân khấu lớp học.





TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Chia sẻ

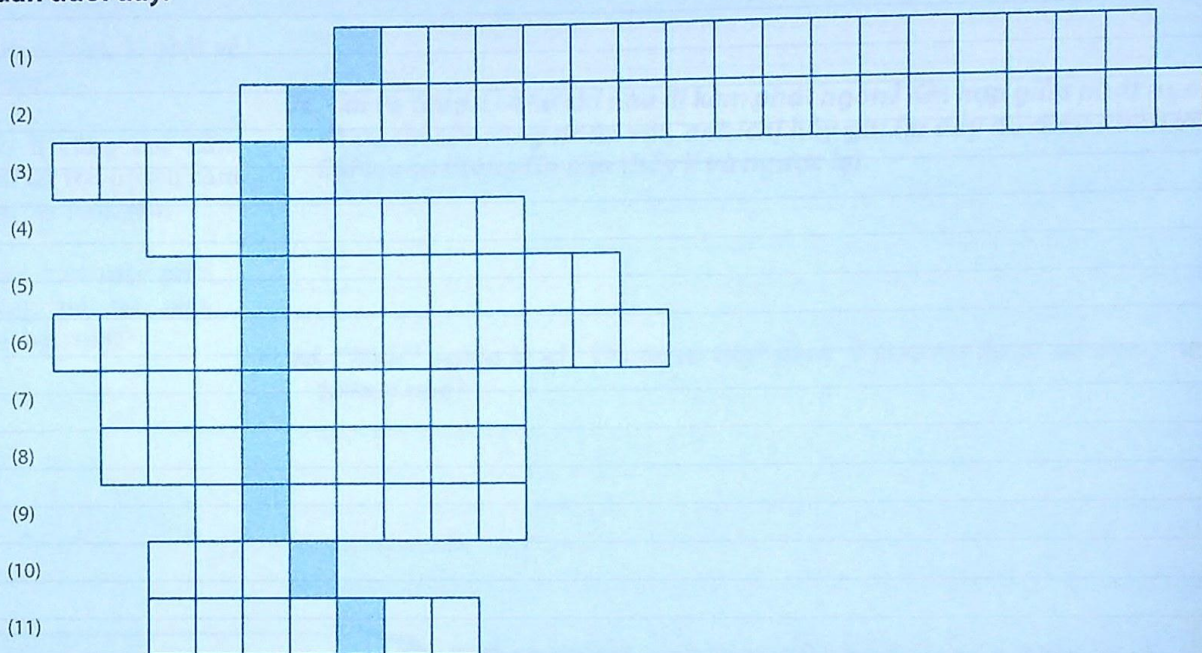
– Hình ảnh này gợi cho anh/chị nghĩ đến sinh hoạt văn hoá nào trên các vùng miền của đất nước ta?

– Hãy tìm hiểu một làn điệu dân ca truyền thống và chia sẻ ngắn gọn bằng lời điều anh/chị tìm hiểu được với cả lớp.



Hát cho đến sáng mai ra
Khi về quan bỏ nhà cha cũng đành.
(Ca dao)

2. Đọc phần Tiểu dẫn trong SGK, kết hợp với hiểu biết của anh/chị để hoàn thành ô chữ theo gợi ý dẫn dưới đây.



- 1) Ca dao là những lời ..., thường kết hợp với âm nhạc khi diễn xướng, được sáng tác nhằm diễn tả thế giới nội tâm của con người.
- 2) Ca dao thường sử dụng các ...
- 3) Hình ảnh cây cầu đặc biệt trong ca dao: ...
- 4) Ca dao thường sử dụng các hình thức lặp lại, lối diễn đạt bằng một số ... mang đậm sắc thái dân gian.
- 5) *Đôi ta ... tình dày – Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa.*
- 6) Ca dao là ... của nhân dân.
- 7) *Đèn ... ai – Mà đèn không tắt.*
- 8) *Thân em như ... – Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.*
- 9) *Trèo lên cây khế nửa ngày – Ai làm chua xót ... khế ơi!*
- 10) Một sự vật trong bài ca dao số 4.
- 11) *Thân em như ... – Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen.*

Tìm hiểu khái quát về văn bản theo gợi dẫn sau:

1. Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.

2. Thân em như củ ấu gai
Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen
Ai ơi nếm thử mà xem!
Nếm ra, mới biết rằng em ngọt bùi.

3. Trèo lên cây khế nửa ngày
Ai làm chua xót lòng này, khế ơi!
Mặt trăng sánh với mặt trời,
Sao Hôm sánh với sao Mai chằng chằng.
Mình ơi! Có nhớ ta chăng?
Ta như sao Vượt chờ trăng giữa trời.

4. Khăn thương nhớ ai,
Khăn rơi xuống đất.
Khăn thương nhớ ai,
Khăn vắt lên vai.
Khăn thương nhớ ai,
Khăn chùi nước mắt.
Đèn thương nhớ ai,
Mà đèn không tắt.
Mắt thương nhớ ai,
Mắt ngủ không yên.
Đêm qua em những lo phiền,
Lo vì một nỗi không yên một bề...

5. Ước gì sông rộng một gang,
Bắc cầu dải yếm cho chàng sang chơi.

6. Muối ba năm muối đang còn mặn
Gừng chín tháng gừng hây còn cay
Đôi ta nghĩa nặng tình dày
Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa.



1. Đọc diễn cảm các bài ca dao. Với mỗi bài, hãy trả lời các câu hỏi sau: Bài ca dao sử dụng thể thơ nào? Là lời tâm tình của ai? Sử dụng biện pháp nghệ thuật gì nổi bật?

– Bài số 1:

– Bài số 2:

– Bài số 3:

– Bài số 4:

– Bài số 5:

– Bài số 6:

2. Trong các bài ca dao này, tác giả dân gian đã sử dụng những hình thức diễn đạt lặp lại (công thức ngôn từ) nào?

3. Những bài nào thuộc chủ đề than thân? Những bài nào thuộc chủ đề yêu thương, tình nghĩa? Bài nào thuộc cả hai chủ đề?

4. Hãy phát biểu bằng lời ấn tượng ban đầu của anh/chị về các bài ca dao này.

Tìm hiểu bài ca dao số 1 và số 2 theo gợi dẫn dưới đây:

Bài 1
1b. Dòng thơ
"Phất... ai" gợi cho
anh/chị thấy điều gì trong
lòng cô gái?

Bài 1
1a. Hình ảnh
"tắm lụa đào" cho
thấy người con gái tự ý
thức như thế nào về bản thân?

Bài 1
1c. Vì sao người
con gái trong ca dao
xưa lại có tâm trạng như vậy?

Bài 1, 2
1. Hình thức
mở đầu "Thân em
như..." trong các bài ca
dao gợi ra điều gì?

Bài 2
1d. Hình ảnh
"củ ấu gai" gợi ra
điều gì?

Bài 2
1g. Vì sao
người con gái phải
cất lời mời mọc, giải bày
thiết tha như vậy?

Bài 2
1e. Ba dòng
thơ sau cho thấy cô
gái ý thức như thế nào về
bản thân?

2. Bên
cạnh tiếng
than thân, các
bài ca dao trên
còn là lời tự khẳng
định điều gì của người
phụ nữ xưa?

3. Các b
ca dao n
gợi anh/chị li
tưởng đến bài t
nào của nữ sĩ Hồ Xư
Hương? Hãy ghi lại c
âu trong bài thơ đó.

Lần lượt tìm hiểu bài ca dao số 3 và số 4 theo gợi dẫn sau:

3a. Suy tâm và đọc hai bài ca dao mở đầu bằng cụm từ "Trèo lên cây...".

– Những bài ca dao có phần mở đầu như vậy thường là lời của ai? Thể hiện tâm trạng gì?

3b. Biện pháp chơi chữ được sử dụng như thế nào trong bài ca dao? Nó đem lại hiệu quả biểu đạt gì?

– Đại từ "ai" trong bài ca dao được dùng để chỉ ai? Vì sao?

3c. Chỉ ra các hình ảnh ẩn dụ, so sánh trong bài ca dao. Các hình ảnh này thể hiện điều gì?

3. Trèo lên cây khế nửa ngày
Ai làm chua xót lòng này, khế ơi!
Mặt trăng sánh với mặt trời,
Sao Hôm sánh với sao Mai chằng chằng.
Mình ơi! Có nhớ ta chăng?
Ta như sao Vượt chờ trăng giữa trời.

– Bài ca dao gợi cho anh/chị cảm nhận như thế nào về chàng trai?

4a. "Khăn" trong bài ca dao là hình ảnh biểu tượng ẩn dụ, hoán dụ hay so sánh? Tại sao nhân vật trữ tình mượn hình ảnh khăn để thể hiện tâm trạng?

– Thanh điệu của 6 dòng thơ đầu có gì đặc biệt? Phép điệp được sử dụng như thế nào? Tạo ra hiệu quả biểu đạt gì?

– Các vận động trái chiều của khăn (rơi xuống, vắt lên) hiện ra ở nhiều chiều không gian cho thấy tâm trạng như thế nào của cô gái?

4. Khăn thương nhớ ai,
Khăn rơi xuống đất.
Khăn thương nhớ ai,
Khăn vắt lên vai.
Khăn thương nhớ ai,
Khăn chùi nước mắt.
Đèn thương nhớ ai,
Mà đèn không tắt.
Mắt thương nhớ ai,
Mắt ngủ không yên.
Đêm qua em những lo phiền,
Lo vì một nỗi không yên một bề...

– Hình ảnh "khăn chùi nước mắt" gợi ra điều gì?

4b. Hình ảnh ngọn "đèn không tắt" gợi ra không gian nào và tâm trạng gì của người con gái?

4d. "Đêm qua... một bề". Cô gái lo lắng vì điều gì?

4c. Hình ảnh hoán dụ "mắt ngủ không yên" cho thấy tâm trạng như thế nào của cô gái?

4e. Suy tâm và viết lại một số câu thơ trong văn học gợi nhắc các hình ảnh trong bài ca dao này.

Lần lượt tìm hiểu hai bài ca dao số 5 và số 6 theo gợi dẫn sau:

Hai ta cách một con sông
Muốn sang anh ngả cánh hồng cho sang.

Cách nhau có một con đằm
Muốn sang anh bẻ cành trầm cho sang.

5. Ước gì sông rộng một gang,
Bắc cầu dải yếm để chàng sang chơi.

5a. Trong những câu ca dao này, hình ảnh dòng sông gợi lên điều gì? Hình ảnh cây cầu gợi lên điều gì?

5b. So với các bài ca dao khác, cây cầu trong bài ca dao số 5 có gì đặc biệt?

5c. Trong xã hội phong kiến xưa, người con gái có được tự do thể hiện tình yêu của mình không? Bài ca dao này cho thấy tình cảm của người con gái như thế nào?

Gần đây mà chẳng sang chơi
Để em ngắt ngọn mừng tôi làm cầu.

Sông cách sông, thủy cách thủy
Em xe sợi chỉ, em bắc cây cầu
Để cho anh sang mà giảm mối sầu tương tư.

6a. Tại sao tác giả dân gian chọn cặp hình ảnh “muối mặn” – “gừng cay” để biểu đạt “nghĩa nặng tình dày” của “đôi ta”?

6b. Các con số “ba năm”, “chín tháng” gợi ra điều gì?

6c. Dòng thơ bát được kéo dài thành bao nhiêu tiếng? Vì sao?

6. Muối ba năm muối đang còn mặn
Gừng chín tháng gừng hây còn cay
Đôi ta nghĩa nặng tình dày
Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa.

6d. Qua bài ca dao này, tác giả dân gian gửi đến chúng ta thông điệp gì?

6e. Ghi lại một số câu ca dao thể hiện tình nghĩa của “đôi ta” trong kho tàng ca dao Việt Nam.

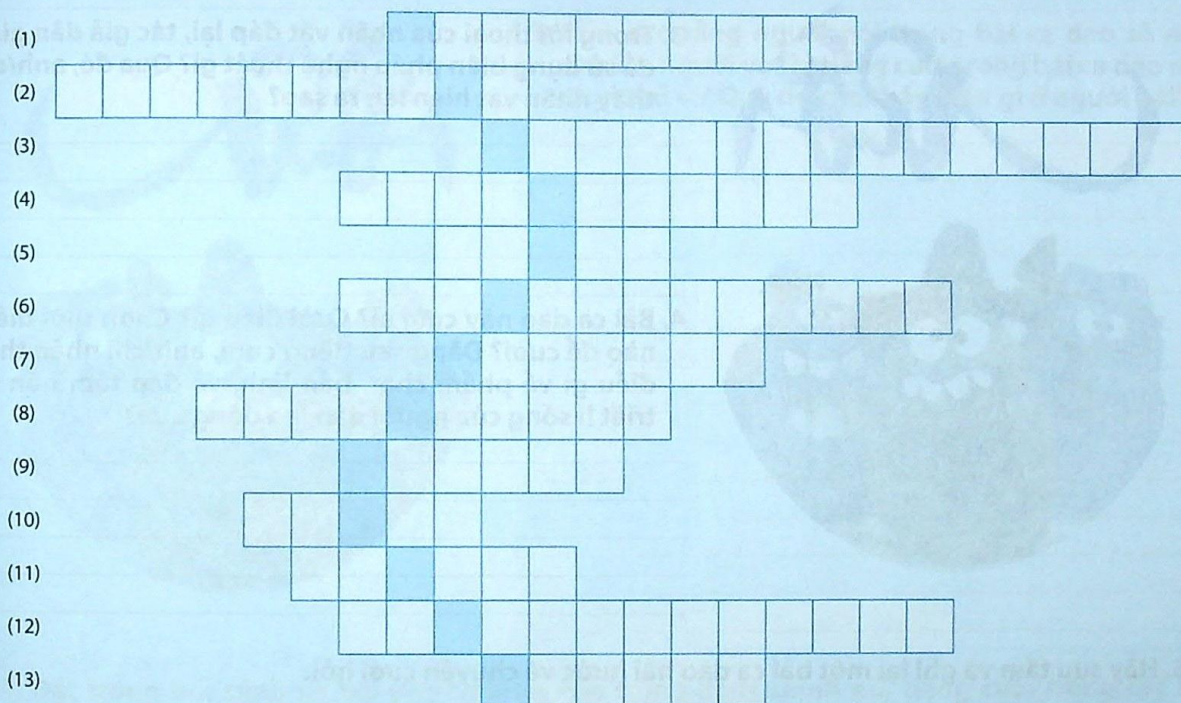


TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Bức tranh này gợi cho anh/chị nhớ đến các nhân vật nào? Trong bài ca dao nào? Anh/Chị có thích bài ca dao này không? Vì sao? Chép lại bài ca dao.



2. Đọc Tiểu dẫn trong SGK, đọc lướt văn bản và hoàn thành ô chữ theo gợi dẫn dưới đây:



- 1) Cười nàng anh ...
- 2) Miễn là có ...
- 3) Người ta thách lợn thách gà – Nhà em thách cưới ...
- 4) Lễ vật dẫn cưới của chàng trai trong bài ca dao số 1 là ...
- 5) Nhân vật được nhắc đến trong bài ca dao số 3 là ...
- 6) Chàng dẫn thế em lấy làm sang – Lễ nào em lại ...
- 7) ... cho đáng sức trai
- 8) Khom lưng uốn gối gánh ...

- 9) Chồng em ngồi bếp sờ đuôi ...
- 10) Một thói xấu của người vợ trong bài ca dao số 4.
- 11) Điều chàng trai sợ trong bài ca dao số 1.
- 12) Trên đầu những rác cùng rơm – Chồng yêu chồng bảo ...
- 13) Một tật xấu của người vợ được nhắc đến trong bài ca dao số 4.

Tim hiểu bài ca dao số 1 theo gợi dẫn sau:

– Cười nàng anh toan dẫn voi,
Anh sợ quốc cấm, nên voi không bàn.
Dẫn trâu, sợ họ máu hàn,
Dẫn bò, sợ họ nhà nàng co gân.
Miễn là có thú bốn chân,
Dẫn con chuột béo, mời dân, mời làng.
– Chàng dẫn thế, em lấy làm sang,
Nỡ nào em lại phá ngang như là...
Người ta thách lợn thách gà,
Nhà em thách cưới một nhà khoai lang:
Củ to thì để mời làng,
Còn như củ nhỏ, họ hàng ăn chơi.
Bao nhiêu củ mẻ, chàng ơi!
Để cho con trẻ ăn chơi giữ nhà;
Bao nhiêu củ rím, củ hà,
Để cho con lợn, con gà nó ăn...



1. Nhân vật trữ tình trong bài ca dao là ai? Họ nói về điều gì?

2. Trong lời thoại của nhân vật thứ nhất, tác giả dân gian sử dụng một số biện pháp nghệ thuật để tạo ra tiếng cười. Anh/Chị hãy chỉ ra các biện pháp đó theo gợi dẫn:

+ dẫn voi, dẫn trâu, dẫn bò:
+ voi → trâu → bò → chuột:
+ Dẫn voi/sợ quốc cấm; Dẫn trâu/sợ họ máu hàn; Dẫn bò sợ họ nhà nàng co gân.
+ Dẫn con *chuột béo* mời dân mời làng:
→ Qua đây, anh/chị thấy nhân vật hiện ra như thế nào?

3. Trong lời thoại của nhân vật đáp lại, tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Qua đó, anh/chị thấy nhân vật hiện lên ra sao?

4. Bài ca dao này cười ai? Cười điều gì? Chọn thời điểm nào để cười? Đằng sau tiếng cười, anh/chị nhận thấy điều gì về phẩm chất, bản lĩnh, vẻ đẹp tâm hồn và triết lý sống của người dân lao động xưa?

5. Hãy sưu tầm và ghi lại một bài ca dao hài hước về chuyện cười hời.

Hãy tìm hiểu các bài ca dao số 2, 3, 4 theo gợi dẫn sau:

2. Làm trai cho đáng sức trai
Khom lưng chống gối, gánh hai hạt vừng.

3. Chồng người đi ngược về xuôi
Chồng em ngồi bếp sờ đuôi con mèo.

4. Lỗ mũi mười tám gánh lông,
Chồng yêu chồng bảo râu rồng trời cho.
Đêm nằm thì ngáy o o...
Chồng yêu chồng bảo ngáy cho vui nhà.
Đi chợ thì hay ăn quà,
Chồng yêu chồng bảo về nhà đỡ cơm.
Trên đầu những rác cùng rơm,
Chồng yêu chồng bảo hoa thơm rắc đầu!



1. Hãy chỉ ra ai là người nói và đối tượng hướng đến của tiếng cười trong từng bài ca dao:

+ Bài 2:

+ Bài 3:

+ Bài 4:

2. Chỉ rõ các biện pháp nghệ thuật (phóng đại, đối lập – trong bài ca dao số 2, 3; phóng đại, tưởng tượng phong phú – bài ca dao số 4) được tác giả dân gian sử dụng để tạo nên tiếng cười.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Nếu cho rằng người nói trong bài ca dao số 4 là cô gái – người vợ thì tiếng cười trong bài ca dao này có gì thú vị? Qua đó cho thấy điều gì ở người nói?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Đặt trong bối cảnh xã hội phong kiến vốn trọng nam khinh nữ, tiếng cười trong các bài ca dao này có ý nghĩa ra sao? Các bài ca dao này gợi anh/chị nhớ đến bài thơ nào của nữ sĩ Hồ Xuân Hương? Hãy ghi lại.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CA DAO HÀI HƯỚC

Sưu tầm hai câu ca dao mà anh/chị thích liên quan đến một trong số các biểu tượng: chiếc khăn, chiếc áo, ngọn đèn, cây đa, thuyền – bến. Viết đoạn văn thể hiện cảm nhận của anh/chị về hình ảnh biểu tượng đó.



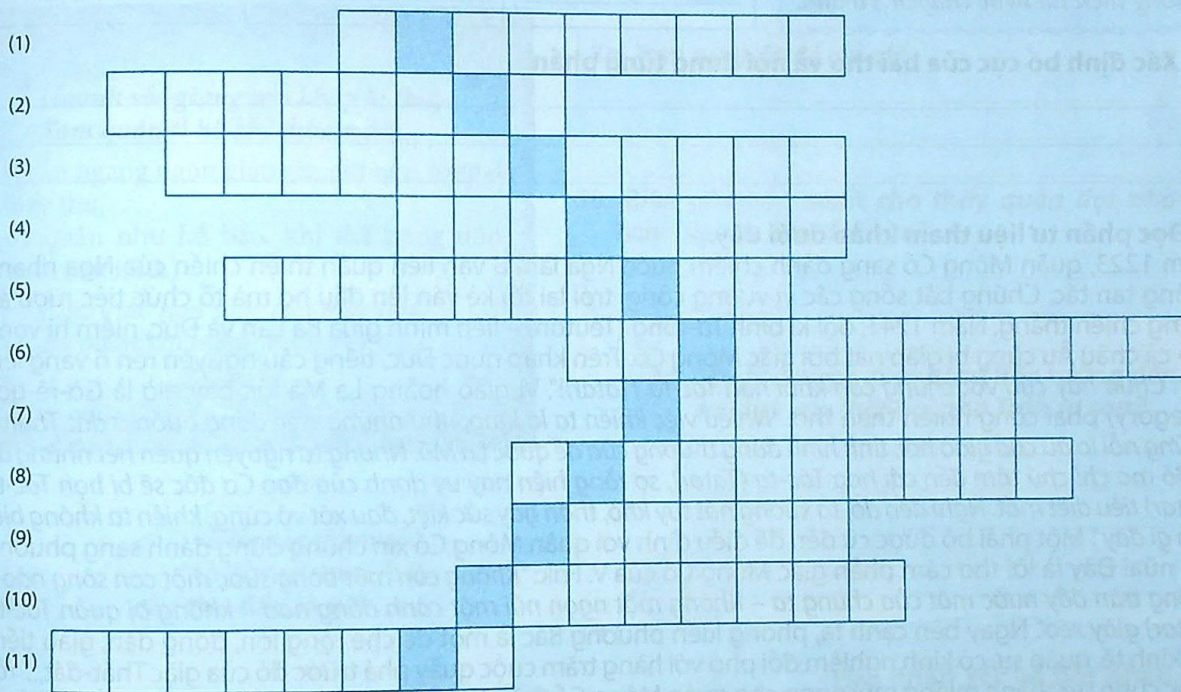
TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Chia sẻ

Hình ảnh này gợi cho anh/chị nhớ đến câu chuyện nào? Hãy kể lại bằng lời câu chuyện đó với cả lớp.



2. Đọc phần Tiểu dẫn trong SGK, đọc lướt phần phiên âm bài thơ và hoàn thành ô chữ để tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.



- | | |
|---|--|
| 1) Tên phiên âm chữ Hán của bài thơ <i>Tổ lòng</i> là ... | 7) Phạm Ngũ Lão làm đến chức ... |
| 2) Phạm Ngũ Lão (1255 – 1320) là người làng Phù Ủng, huyện ... (nay là huyện Ân Thi, Hưng Yên). | 8) Ông là người có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược ... |
| 3) Phạm Ngũ Lão từng được ngợi ca là người ... | 9) ... vị liễu công danh trái. |
| 4) Ông là ... của Trần Hưng Đạo. | 10) <i>Hoành sóc ... khắp kì thu.</i> |
| 5) Phạm Ngũ Lão đã được phong tước ... | 11) <i>Tu thánh ... thuyết Vũ hầu.</i> |
| 6) <i>Tam quân tì hổ ...</i> | |

3. Từ khoá tìm được của ô chữ gợi cho anh/chị cảm nhận gì? Hãy chia sẻ bằng lời.

Tìm hiểu chung về văn bản theo gợi dẫn sau:

Phiên âm:

*Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu,
Tam quân tì hổ khí thôn ngưu.
Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.*

Dịch nghĩa:

Cầm ngang ngọn giáo gìn giữ non sông đã mấy thu,
Ba quân như hổ báo, khí thế hùng dũng nuốt trôi trâu.
Thân nam nhi mà chưa trả xong nợ công danh,
Thì luống thẹn thùng khi nghe người đời kể chuyện Vũ hầu.

Dịch thơ:

*Múa giáo non sông trải mấy thu,
Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu.
Công danh nam tử còn vương nợ,
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.*

1. Bài thơ được viết bằng văn tự gì? Thuộc thể loại nào?

2. Nhân vật “tỏ lòng” (nhân vật trữ tình) trong bài thơ là ai?

3. Đối chiếu giữa bản phiên âm với dịch thơ qua bản dịch nghĩa rồi đánh dấu vào những chỗ có thể dẫn đến cách hiểu không đúng và đưa vào bảng sau:

Phiên âm	Dịch thơ	Sự sai khác giữa dịch thơ so với phiên âm (căn cứ vào dịch nghĩa)

4. Xác định bố cục của bài thơ và nội dung từng phần.

5. Đọc phần tư liệu tham khảo dưới đây.

Năm 1223, quân Mông Cổ sang đánh chiếm nước Nga làm 8 vạn liên quân thiện chiến của Nga nhanh chóng tan tác. Chúng bắt sống các vị vương công, trói lại rồi kê ván lên đầu họ mà tổ chức tiệc rượu ăn mừng chiến thắng. Năm 1241, đội kỵ binh Tư-tông (Teuton) – liên minh giữa Ba Lan và Đức, niềm hi vọng của cả châu Âu cũng bị giập nát bởi giặc Mông Cổ. Trên khắp nước Đức, tiếng cầu nguyện rền rĩ vang lên: “Xin Chúa hãy cứu vớt chúng con khỏi họa Tắc-ta (Tatar)!”. Vị giáo hoàng La Mã lúc bấy giờ là Gờ-rê-go-a (Gregory) phải công nhiên than thở: “Nhiều việc khiến ta lo lắng, như những việc đáng buồn ở đất Thánh, những nỗi lo âu của giáo hội, tình hình đáng thương của đế quốc La Mã. Nhưng ta nguyện quên hết những âu lo đó mà chỉ chú tâm đến cái họa Tắc-ta (Tatar), sợ rằng hiện nay uy danh của đạo Cơ đốc sẽ bị bọn Tắc-ta (Tatar) tiêu diệt mất. Nghĩ đến đó, ta xương nát tuy khó, thân gầy sức kiệt, đau xót vô cùng, khiến ta không biết làm gì đây”. Một phái bộ được cử đến để điều đình với quân Mông Cổ xin chúng đừng đánh sang phương Tây nữa! Đây là lời thơ cảm phẫn giặc Mông Cổ của V. Friks: “Không còn một dòng suối, một con sông nào – không tràn đầy nước mắt của chúng ta – Không một ngọn núi một cánh đồng nào – không bị quân Tắc-ta (Tatar) giày xéo”. Ngay bên cạnh ta, phong kiến phương Bắc là một đế chế rộng lớn, đông dân, giàu tiềm lực kinh tế, quân sự, có kinh nghiệm đối phó với hàng trăm cuộc quấy phá trước đó của giặc Thát-đát,... rồi cuộc cũng trở thành miếng mồi ngon cho quân Mông Cổ thôn tính hoàn toàn vào năm 1279 để trở thành đế quốc Mông – Nguyên như một con ác thú khổng lồ, mình phủ kín cả một dải đất rộng lớn, kéo dài từ Hắc Hải cho đến Thái Bình Dương.

Thế mà tới Việt Nam, một đất nước nhỏ bé, chúng lại nếm mùi thất bại đầu tiên “Ba lần phái sứ đi – Ba lần rước nhục về”. Trong cuộc chiến đấu không cân sức này, quân dân nhà Trần đã thể hiện tinh thần yêu nước và quyết tâm đánh giặc cao độ vô cùng. Một hội nghị tướng lĩnh được tổ chức trên bến Bình Than với câu chuyện vị tướng thiếu nhi bóp nát quả cam cùng lá cờ thêu sáu chữ vàng “Phá cường địch, báo hoàng ân”. Một hội nghị tập trung các bô lão tiêu biểu cho ý chí toàn dân mà tiếng hô vang xin “Đánh” tướng làm rung chuyển cả điện Diên Hồng. Một câu trả lời khẳng khái của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn “Xin bệ hạ cứ chém đầu thần trước rồi hãy hàng!”. Một khí thế “Sát Thát” dâng lên sục sôi trong đội quân ra trận như lời thề không đội trời chung với quân thù.

(Tổng hợp từ *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỉ XIII*, Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm, NXB Khoa học Xã hội, H. 1975)

Tìm hiểu hai câu đầu của bài thơ theo gợi ý dẫn sau:

1a. Câu thơ thứ nhất thể hiện hình ảnh của ai? Tác giả lựa chọn chi tiết ẩn tượng nào để khắc họa hình ảnh?

1b. Câu thơ thứ hai thể hiện hình ảnh của ai? Tác giả tập trung vào yếu tố nào của hình ảnh này?

1c. Hai hình ảnh này có mối quan hệ ra sao với nhau? Chúng gợi ra bối cảnh lịch sử của dân tộc như thế nào?

Hãy cảm nhận về hình ảnh trang nam nhi thời Trần qua gợi ý dẫn:

+ Tư thế:

+ Không gian:

+ Thời gian:

+ Tâm vóc:

1

2

*Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu,
Tam quân tì hổ khí thôn ngưu.*

(Cầm ngang ngọn giáo gìn giữ non sông đã mấy thu,
Ba quân như hổ báo, khí thế hùng dũng nuốt trôi trâu.)

*Múa giáo non sông trải mấy thu,
Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu.*

3a. Tam quân là để chỉ ai?

3b. Biện pháp so sánh cho thấy quân đội nhà Trần hiện ra như thế nào?

3c. Câu thơ này gợi anh/chị liên tưởng đến khí thế của thời đại nhà Trần ra sao?

Điều tác giả muốn "tỏ lòng" qua hai câu thơ đầu là gì?

4

3

Hãy nhận xét về bút pháp, giọng điệu của hai câu thơ đầu.

Tim hiểu hai câu thơ kết theo gợi dẫn của sơ đồ.

1. Anh/Chị hiểu thế nào là “nợ công danh”? Câu thơ thứ ba thể hiện tâm trạng gì của nhân vật trữ tình?

Hãy ghi lại một vài câu thơ về khát vọng lập công danh, thể hiện chí làm trai trong văn học trung đại.

2. Hãy ghi lại vắn tắt các thông tin anh/chị đã biết về người đang cảm thấy *thẹn* trong câu thơ này.

3. Nhân vật trữ tình cảm thấy *thẹn* với ai? Người đó có phẩm chất, công trạng gì?

4. Điều tác giả muốn “tỏ lòng” qua hai câu thơ này là gì?

*Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.*

(Thân nam nhi mà chưa trả xong nợ công danh/ Thì luống thẹn thùng khi nghe người đời kể chuyện Vũ hầu)

*Công danh nam tử còn vương nợ,
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.*

6. Những nỗi *thẹn* của Phạm Ngũ Lão và các bậc tiền nhân để lại trong anh/chị cảm xúc và suy nghĩ gì?

5. Anh/Chị hãy đọc thêm những câu thơ viết về nỗi *thẹn* sau đây:

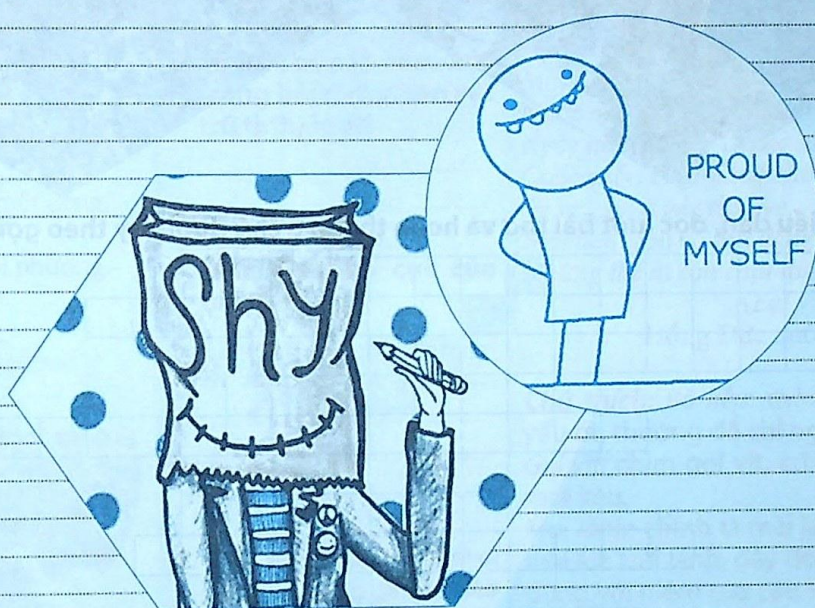
– Ổn vua chưa chút báo đền/ Cúi trông hổ đất ngẩng lên thẹn trời. (Nguyễn Khuyến)

– Nhân hứng cũng vừa toan cất bút/ Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào. (Nguyễn Khuyến)

– Xuân ơi xuân, xuân có biết cho chăng./ Thẹn cùng sông buồn cùng núi, tui cùng trăng. (Phan Bội Châu)

Hãy viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến sau:

Tự hào về bản thân là điều cần thiết, nhưng biết xấu hổ còn quan trọng hơn.

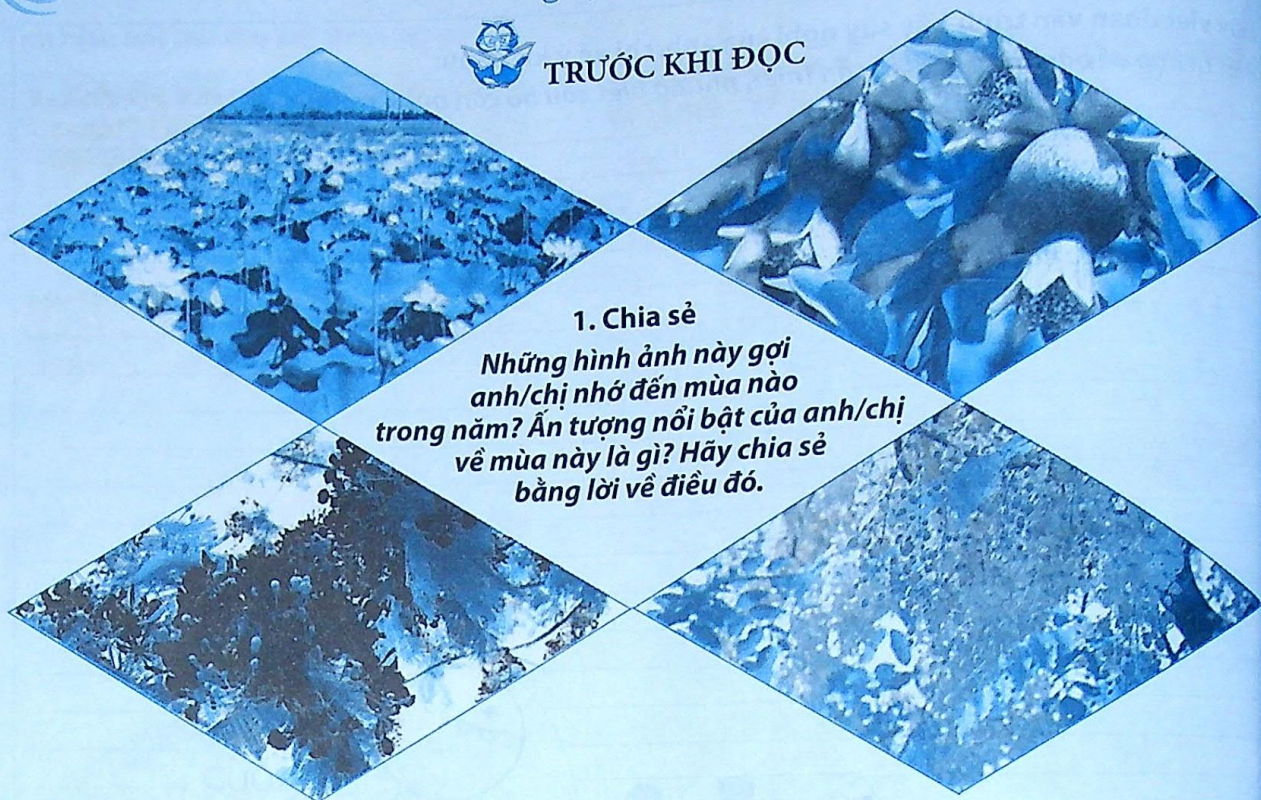


CẢNH NGÀY HÈ (Bảo kính cảnh giới)

Nguyễn Trãi



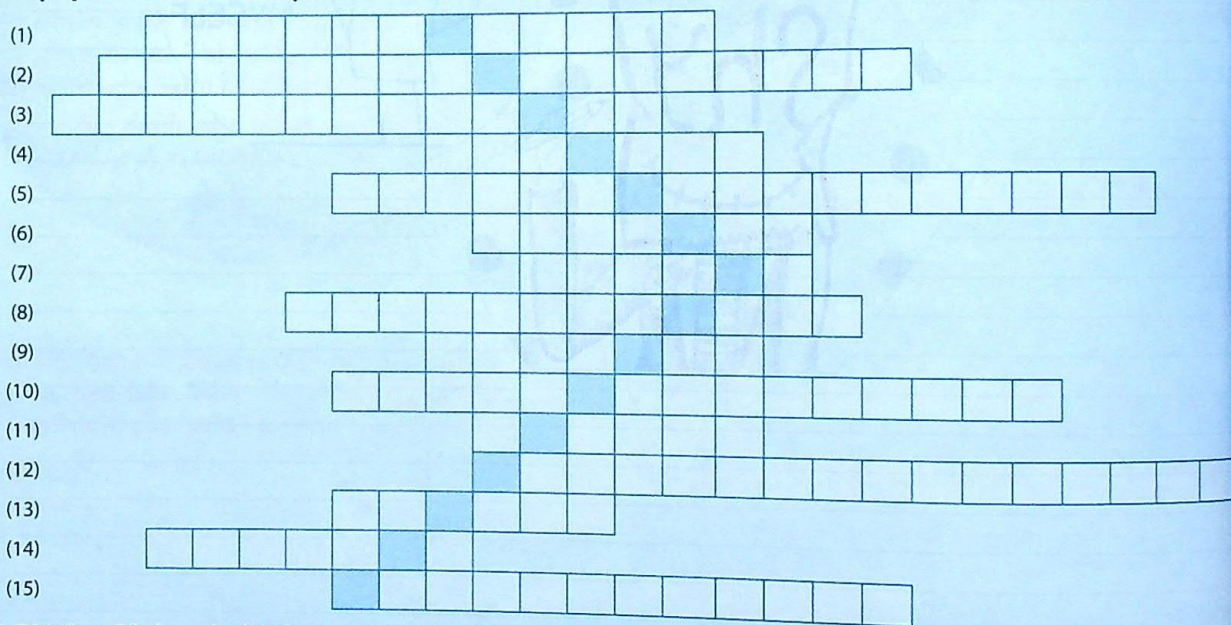
TRƯỚC KHI ĐỌC



1. Chia sẻ

Những hình ảnh này gợi
anh/chị nhớ đến mùa nào
trong năm? Ấn tượng nổi bật của anh/chị
về mùa này là gì? Hãy chia sẻ
bằng lời về điều đó.

2. Đọc phần Tiểu dẫn, đọc lướt bài thơ và hoàn thành ô chữ dưới đây theo gợi dẫn.



- 1) Bài thơ *Cảnh ngày hè* được rút từ tập thơ ...
- 2) Một vẻ đẹp của con người Nguyễn Trãi được thể hiện qua tập thơ *Quốc âm thi tập*.
- 3) Dân giàu đủ ...
- 4) Trong bài thơ có đan xen một số dòng ...
- 5) Thể thơ được tác giả vận dụng thuần thực trong tập thơ *Quốc âm thi tập* là ...
- 6) Rồi ... thuở ngày trường.
- 7) Thạch lựu hiên còn phun ...
- 8) Hồng liên trì đã ...

- 9) Nguyễn Trãi được đánh giá là người đặt nền móng và ... cho sự phát triển của thơ tiếng Việt.
- 10) *Cảnh ngày hè* là bài thơ số 43 của mục ...
- 11) *Lao xao chợ cá làng ...*
- 12) Một vẻ đẹp nữa của con người Nguyễn Trãi được thể hiện trong tập thơ *Quốc âm thi tập*.
- 13) *Đẽ có ... đàn một tiếng.*
- 14) Mục thơ tự nói về mình trong tập thơ *Quốc âm thi tập* được đặt tên là ...
- 15) *Hoè lục đùn đùn ...*

Tìm hiểu chung về bài thơ theo gợi ý dẫn sau:

CẢNH NGÀY HÈ

Rồi hóng mát thuở ngày trường,
Hoè lục đùn đùn tán rợp giương.
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ,
Hồng liên trì đã tiễn mùi hương.
Lao xao chợ cá làng ngư phủ,
Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương.
Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng,
Dân giàu đủ khắp đòi phương.



1. Bài thơ được tác giả viết bằng chữ Hán hay chữ Nôm?

2. Bài thơ được viết theo thể nào?

Dòng nào có 6 chữ?
Các dòng 6 chữ đem lại hiệu quả biểu đạt ra sao?

3. Người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ (nhân vật trữ tình) là ai?

4. Xác định bố cục của bài thơ:

5. Đọc diễn cảm bài thơ. Sử dụng dấu gạch chéo (/) để đánh dấu nhịp ngắt trong mỗi câu thơ. Nhận xét xem nhịp ngắt của bài thơ này có gì khác với cách ngắt nhịp nói chung của bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

Hãy đọc thêm các câu thơ về cảnh mùa hè sau:

Cũng thì đất chở cũng trời che,
Nóng nẩy làm chi bấy hơi hè?
Khắc khoải đã đau lòng cái cuốc,
Bần khoản thêm tức cật con ve.
Người nằm trướng vóc bồ hôi mướt
Kẻ hái rau tần nước bọt se.
Nào khúc "Nam huân" sao chữa gầy?
Chẳng thương bồ liễu phận le te.

* * *

Gọi vịt từ nghe ở ngọn tre,
Mới hay tiết đã báo sang hè.
Nước nông sừng sục đầu rô trôi,
Ngày nắng chang chang lưỡi chó lè.
Cuốc cuốc, cuốc hằng khua mõ cuốc,
Ve ve, ve lại gầy cầm ve.
Mai lạnh còn có thu đông nữa,
Những thế ai còn chịu được e?

(Lại vịnh nắng hè –
Hồng Đức quốc âm thi tập)

Chú thích: Bồ liễu: một loại cây cỏ yếu ớt, thường để chỉ người phụ nữ.
Gọi vịt: chim gọi vịt, cứ đến mùa hè mới kêu.

Mai lạnh: chính là mai lạnh, nghĩa là mai kia trời lạnh, đây đổi ra lạnh cho đúng với niềm của câu thơ.

8. Cảm nhận ban đầu của anh/chị về bài thơ này như thế nào? (thích/không thích; dễ hiểu/khó hiểu,...)

CẢNH NGÀY HÈ (Bảo kính cảnh giới)

Nguyễn Trãi

Đọc diễn cảm 6 câu thơ đầu và tìm hiểu bức tranh cảnh ngày hè trong bài thơ.

Rồi hóng mát thuở ngày trường,
Hoè lục đùn đùn tán rợp giương.
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ,
Hồng liên trì đã tiễn mùi hương.
Lao xao chợ cá làng ngư phủ,
Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương.



1. Câu thứ nhất cho thấy tác giả đón nhận bức tranh cảnh ngày hè trong hoàn cảnh nào? Hoàn cảnh này đem lại cho con người tâm thế gì?

2. Chỉ ra những sự vật, màu sắc, hương vị, âm thanh có trong bức tranh cảnh ngày hè.

- Các chữ "đùn đùn", "tán rợp giương" gợi ra màu sắc, sự vận động, hình dáng của cây hoè như thế nào?

- Các chữ "phun thức đỏ" gợi ra mức độ của màu sắc, chiều hướng vận động của sự vật ra sao? Vẻ đẹp của hoa thạch lựu trong bài thơ này có gì khác với thơ Nguyễn Du: "Dưới trăng quỳên đã gọi hè/ Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông"?

- Chữ "tiễn" gợi cảm nhận mùi hương sen hồng như thế nào?

- Các chữ "lao xao", "dắng dỏi" gợi âm thanh tiếng chợ cá và tiếng ve ra sao? Tiếng ve được cảm nhận như âm thanh của tiếng gì?

3. Nhận xét về bức tranh cảnh ngày hè trong bài thơ.

4. Đọc lại hai bài thơ vịnh cảnh mùa hè trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* và nhận xét xem cũng các cảnh vật ấy nhưng Nguyễn Trãi cảm nhận về mùa hè có gì khác.

5. Bức tranh cảnh ngày hè cho thấy điều gì trong tâm hồn nhà thơ?

Tìm hiểu hai câu kết của bài thơ theo gợi ý dẫn sau:

1a. Ghi lại văn tắt điển cố “Ngu cầm”.

1b. Dòng thơ 6 chữ nhấn mạnh vào điều gì? Có nhịp ngắt như thế nào? Tạo nên âm điệu ra sao?

Câu thơ cho thấy nhà thơ trầm trối điều gì (Chú ý đến từ ngữ “dẽ có”)? Ước ao điều gì? Cho ai? (Chú ý đến các chữ “khắp đòi phương”)

1

2

Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng,
Dân giàu đủ khắp đòi phương.

Trong cuộc đời và sự nghiệp văn học, Nguyễn Trãi đã dành trọn tâm huyết cho dân như thế nào?

3

4a. Bài thơ nằm trong chùm “Bảo kính cảnh giới”. Anh/Chị thấy nhà thơ đã “tự răn mình” như thế nào?

4

4b. Lời “tự răn” này gợi cho anh/chị cảm xúc và suy nghĩ gì?

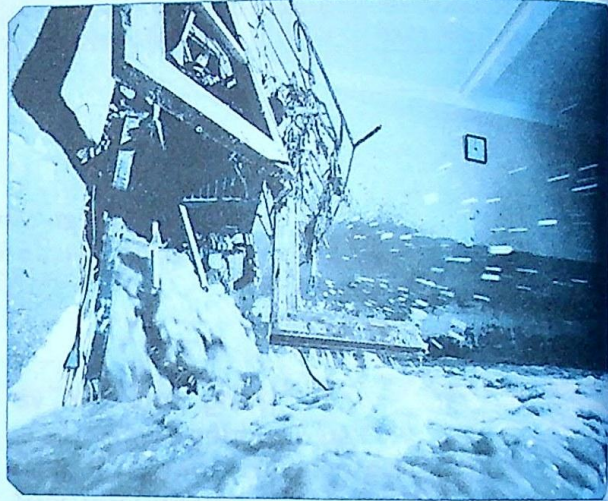
CẢNH NGÀY HÈ (Bảo kính cảnh giới)

Nguyễn Trãi

Trong bài thơ Cảnh ngày hè, trước bức tranh thiên nhiên giàu sức sống của tạo vật, nhà thơ Nguyễn Trãi đã ước ao có được cây đàn của vua Ngu Thuấn, gảy khúc Nam phong, đem lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân khắp xóm vắng thôn cùng: "Để có Ngu cầm đàn một tiếng/ Dân giàu đủ khắp đòi phương"...

Còn trong các bức ảnh dưới đây, chúng ta phải chứng kiến các tình miền núi phía Bắc nước ta oằn mình trong cơn lũ nguồn hung hãn năm 2017. Bao nhiêu người đã mất tích. Bao nhiêu nhà cửa, đường sá, cầu cống bị vùi chôn trong lũ quét. Bao nhiêu ngôi trường xơ xác, tan hoang ngay trước ngưỡng cửa của năm học mới...

Mong ước thiết tha nhất của anh/chị là gì khi chứng kiến cảnh tượng trong các bức ảnh này?



Kinh hoàng lũ quét ở miền núi phía Bắc tháng 8/2017



Trường học tan hoang trong cơn lũ

Tự đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản thơ Nôm Đường luật sau bài học theo gợi dẫn dưới đây:

Đọc bài thơ dưới đây ba lần, đọc chú thích để hiểu nghĩa của từng dòng thơ, sau đó trả lời câu hỏi.

**Thuật hứng
(số 24)**

Công danh đã được hợp về nhà,
Lành dữ âu chi thể nghị khen.
Ao cạn vớt bèo cấy muống,
Đìa thanh phát cỏ ương sen.
Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc,
Thuyền chở yên hà nặng vạy then.
Bụi có một lòng trung lẫn hiếu,
Mài chăng khuyết, nhuộm chăng đen.

(Quốc âm thi tập – Nguyễn Trãi)

Chú thích:

- *Thuật hứng*: bày tỏ cảm hứng.
- *Hợp*: tiếng cổ, nghĩa là nên.
- *Âu*: lo; *Thế*: đời, thế gian; *Nghị*: bàn bạc
- *Đìa*: chỗ trũng nhỏ ở giữa đồng, có bờ để giữ nước và cá.
- *Thu*: cất, chứa; *Đầy qua nóc*: tràn lên qua nóc kho (nóc: chỗ cao nhất của mái nhà, nơi tiếp giáp cao nhất giữa các mặt mái).
- *Yên hà*: Khói rắng (rắng: hiện tượng ánh sáng mặt trời lúc mọc hay lặn phản chiếu lên các đám mây, làm cho cả một khoảng bầu trời trở nên rực rỡ).
- *Vạy then*: chở nặng quá làm cho then thuyền vạy đi, oằn xuống (then: tấm gỗ dài bắc từ hông thuyền bên này sang hông thuyền bên kia).
- Câu thơ cuối có gốc trong sách *Luận ngữ*: “Ma nhi bất lận, miết nhi bất truy” – mài mà không mòn, nhuộm mà không đen.

1. Người bày tỏ cảm xúc trong bài thơ là ai? Cảm xúc được bày tỏ trong hoàn cảnh nào? (Chú ý dòng 1)

2. Những dòng thơ nào có 6 chữ? Các dòng thơ 6 chữ này có tác dụng nhấn mạnh điều gì?

3. Chỉ ra các cặp câu đối trong bài thơ.

4. Theo dõi các dòng thơ 3 – 4; 5 – 6 và cho biết:

- Các câu thơ này gợi ra không gian ở đâu, như thế nào?
- Con người hiện ra với những hành động nào (câu 3 – 4)? Hành động đó cho thấy điều gì ở nhân vật trữ tình?
- Hình ảnh “kho” và “thuyền” trong hai câu 5 – 6 ẩn dụ cho điều gì? Tâm hồn Ưc Trai hiện lên ra sao qua hai câu thơ này?

5. Hai câu kết gợi anh/chị nhớ đến những câu thơ nào trong bài *Cảnh ngày hè*? Qua những câu thơ này, anh/chị thấy điều gì trong tâm hồn Ưc Trai?

6. Anh/Chị có thích lối sống “nhàn” của tác giả trong bài thơ không? Vì sao?

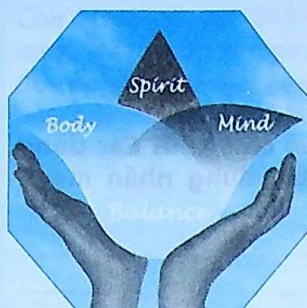


TRƯỚC KHI ĐỌC

lifestyle

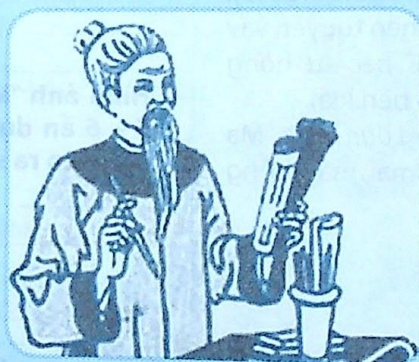
love your life

1. Chia sẻ



Lối sống mà anh/chị mong muốn là gì? Vì sao anh/chị chọn lối sống đó? Anh/Chị đã và đang làm gì để tạo dựng lối sống mơ ước cho bản thân? Hãy chia sẻ bằng lời về điều này.

2. Đọc phần Tiểu dẫn trong SGK, gạch chân các thông tin quan trọng. Vẽ sơ đồ tư duy để giới thiệu chung về tác giả Nguyễn Bình Khiêm và bài thơ Nhân.



NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Hiểu chung về bài thơ theo gợi dẫn sau:

NHÂN

Một mai, một cuộc, một cần câu,
Thơ thần dầu ai vui thú nào.
Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn, người đến chốn lao xao.
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.
Rượu, đến cội cây, ta sẽ uống,
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.



Nêu cảm nhận ban đầu của anh/chị về bài thơ.

1. Bài thơ được viết bằng chữ Hán hay chữ Nôm?

2. Tác giả sử dụng thể thơ nào để sáng tác?

3. Đọc bài thơ và đánh dấu gạch chéo (/) vào những điểm ngắt nhịp trong mỗi dòng thơ. Tại sao anh/chị chọn cách ngắt nhịp như vậy?

4. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai? Hiện lên qua đại từ nào? Xuất hiện trong không gian nào?

5. Xác định bố cục của bài thơ.

7. Đọc thêm một số câu thơ viết về lối sống nhàn của Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Trãi.

- Cao khiết thủy vi thiên hạ sĩ? –
An nhàn ngã thị địa trung tiên!
Cao khiết ai là kẻ sĩ trong thiên hạ?
An nhàn ta là tiên trong đời!

(Ngũ hừng)

- Thanh nhàn ấy ta là tiên khách
Được thú ta đà có thú ta.

(Thơ Nôm, bài 31)

Nội đắc tâm thân lạc
Ngoại vô hình dịch lụy
Bên trong được thú vui của tâm, của thân
Bên ngoài khỏi phải chạy vạy để phục dịch cho hình xác

(Cầm hứng)

- Thấy dặm thanh vân ngại bước chen (Thơ Nôm, bài 8);
Nép mình qua trước chốn xô xao (Thơ Nôm, bài 83);
Ngõ hạnh đưa người chân ngại chân (Thơ Nôm, bài 86)
- Cửa vắng ngựa xe không quýt rú (Thơ Nôm, bài 38)

Côn Sơn suối chảy rì rầm,
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.
Côn Sơn có đá rêu phơi,
Ta ngồi trên đá như ngồi đệm êm.
Trong ghềnh thông mọc như nêm,
Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm.
Trong rừng có bóng trúc râm,
Dưới màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.
(Trích bản dịch Côn Sơn ca – Nguyễn Trãi)

NHÀN

Nguyễn Bình Khiêm

Tìm hiểu 4 câu đầu của bài thơ theo gợi dẫn dưới đây:

1. Hãy chỉ ra các biện pháp nghệ thuật và hiệu quả thể hiện của nó trong dòng thơ thứ nhất.
2. Chữ "thơ thần", cách nói "dầu ai vui thú nào" cho thấy phong thái, thái độ, tâm trạng thế nào của tác giả khi lựa chọn lối sống cho mình?
3. Hình dung và vẽ lại bằng ngôn từ chân dung của nhà thơ hiện ra trong hai câu thơ đầu.
4. Hai câu đầu của bài thơ cho thấy, với tác giả, thế nào là thú sống nhàn?

Một mai, một cuộc, một cần câu,
Thơ thần dầu ai vui thú nào.

Ta đại, ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn, người đến chốn lao xao.

5. Nghệ thuật đối đã thể hiện như thế nào trong hai câu 3? Nó tạo ra hiệu quả gì?
6. "Nơi vắng vẻ", "chốn lao xao" tượng trưng cho những điều gì?
7. Anh/Chị đánh giá thế nào về cái "ta đại" mà nhà thơ tự nhủ? Nguyễn Bình Khiêm đã thể hiện sự lựa chọn "đại", "kh" như thế trong cuộc đời ông ra sao?
8. Hai câu thơ 3 - 4 cho thấy, với tác giả, thế nào là thú sống nhàn?

Tìm hiểu 4 câu sau của bài thơ theo gợi dẫn dưới đây:

1. Chỉ ra nghệ thuật đối và cách ngắt nhịp của hai câu thơ này. Hiệu quả biểu đạt của chúng là gì?
2. Nhận xét về món ăn và cung cách sinh hoạt của nhân vật trữ tình trong bài thơ. Tâm hồn vui sống của nhà thơ hiện lên ra sao?
3. Bằng con mắt của triết nhân, Nguyễn Bình Khiêm đã cho thấy thiên nhiên là ngôi nhà di dưỡng tâm hồn con người như thế nào?
4. Hai câu thơ 5 – 6 cho thấy, với tác giả, thế nào là thú sống nhàn?

2.

1.

3.

4.

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.

6.

5.

7.

8.

Rượu, đến cội cây, ta sẽ uống,
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.

5. Ghi lại văn tắt điển cố và ý nghĩa của điển cố được gợi nhắc trong hai câu thơ 7 – 8.

6) Các dòng thơ được ngắt nhịp như thế nào? Để nhấn mạnh điều gì?

7) Cảm xúc, tư thế, phong thái của nhà thơ hiện lên như thế nào qua hai câu thơ 7 – 8?

8) Hai câu thơ cho thấy, với tác giả, thế nào là thú sống nhàn?

NHÀN

Nguyễn Bình Khiêm

Tổng kết bài học theo gợi dẫn sau:

1. Khái quát lại các đặc sắc nghệ thuật tiêu biểu của bài thơ.
2. Niềm vui và triết lí sống nhàn được thể hiện như thế nào trong bài thơ?

3. Theo anh/chị, sống nhàn là dễ hay khó? Vì sao?
4. Bài thơ liệu có thể là một thứ "trà sữa cho tâm hồn" mỗi chúng ta?

NHÀN

1.

2.

3.

4.



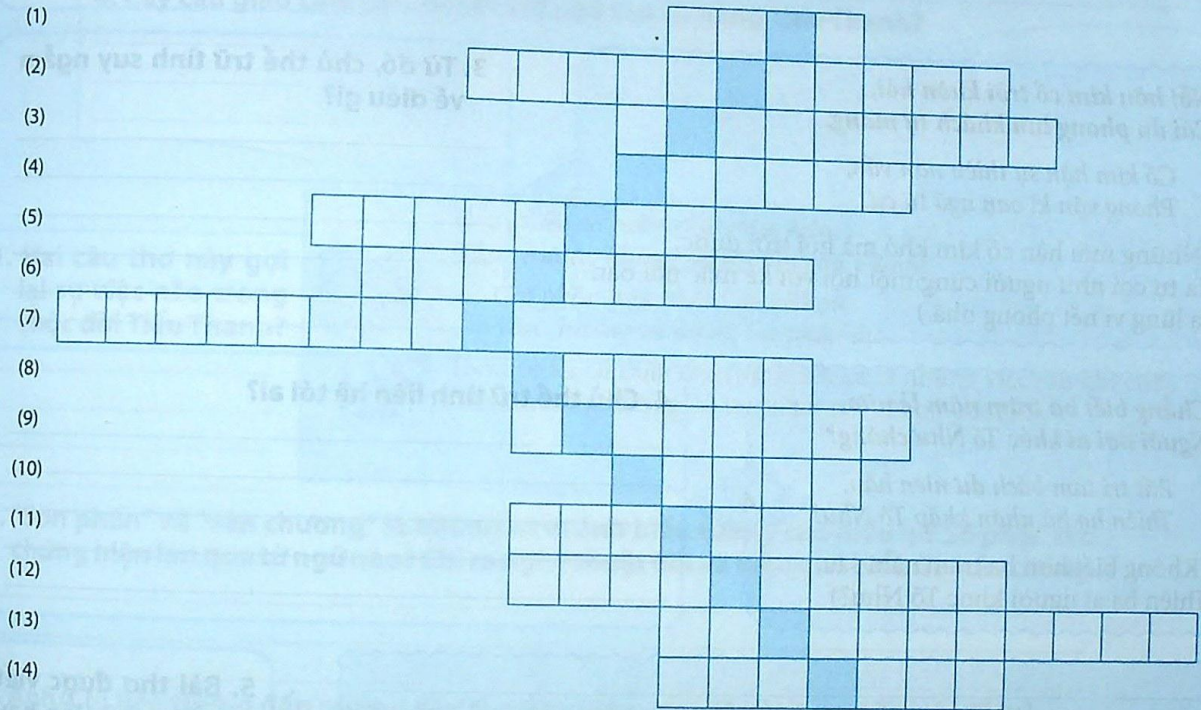
TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Chia sẻ

Theo anh/chị, giọt nước mắt liệu có phải là một trong những tài sản quý giá của chúng ta?

NƯỚC MẮT – “GIỌT CHÂU CỦA LOÀI NGƯỜI”

2. Đọc Tiểu dẫn, đọc lướt bài thơ, kết hợp với hiểu biết của anh/chị để hoàn thành ô chữ theo gợi dẫn.



- 1) Năm 16 tuổi, nhân vật nữ trong bài thơ trở thành ... một nhà quyền quý.
- 2) Nhân vật nữ trong bài thơ sống vào khoảng ...
- 3) Nhân vật nữ trong bài thơ có tên là ...
- 4) Buồn trông ngọn cỏ ...
- 5) ... “Nghĩa nặng nghìn non – Lâm Tri người cũ chàng còn nhớ chăng?”
- 6) Chi phần hữu thần ...
- 7) ... vô mệnh lụy phần dư.

- 8) ... mây sớm đèn khuya – Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.
- 9) Thanh minh trong tiết tháng ba – Lễ là tảo mộ hội là ...
- 10) Nơi Tiểu Thanh bị vợ cả bắt sống riêng là ...
- 11) Hoa trôi ... biết là về đâu.
- 12) Tên tác phẩm nổi tiếng của đại thi hào Nguyễn Du là ...
- 13) Tây Hồ hoa uyển ...
- 14) Tiểu Thanh là người con gái có số phận ...

ĐỌC TIỂU THANH KÍ (Độc Tiểu Thanh kí)

Nguyễn Du

Đọc và tìm hiểu khái quát về bài thơ theo gợi dẫn dưới đây:

*Tây Hồ cảnh đẹp hoá gò hoang,
Thôn thớt bên sông mảnh giấy tàn.*

*Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khư,
Độc điếu song tiền nhất chỉ thư.*

(Vườn hoa bên Tây Hồ đã thành bãi hoang rồi,
Chỉ vướng nàng qua một tập sách đọc trước cửa sổ.)

1

1. Chủ thể trữ tình trong bài thơ đọc cái gì? Của ai? Ở đâu?

*Son phần có thần chôn vãn hận,
Văn chương không mệnh đốt còn vương.*

*Chi phần hữu thần liên tử hậu,
Văn chương vô mệnh luy phần dư.*

(Son phần có thần chắc phải xót xa vì những việc sau khi chết,
Văn chương không có số mệnh mà cũng bị đốt dở.)

2

2. Chủ thể trữ tình cảm nghĩ về số phận của ai? Số phận đó hiện lên qua sự việc nào?

*Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi,
Cái án phong lưu khách tự mang.*

*Cổ kim hận sự thiên nan vấn,
Phong vận kì oan ngã tự cư.*

(Những mối hận cổ kim khó mà hỏi trời được,
Ta tự coi như người cùng một hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lùng vì nét phong nhã.)

3

3. Từ đó, chủ thể trữ tình suy ngẫm về điều gì?

*Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa,
Người đời ai khóc Tố Như chăng?*

*Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?*

(Không biết hơn ba trăm năm sau,
Thiên hạ ai người khóc Tố Như?)

4

4. Chủ thể trữ tình liên hệ tới ai?

5

5. Bài thơ được viết bằng chữ Hán hay chữ Nôm? Thuộc thể thơ nào? Chủ thể trữ tình trong bài thơ là ai? Anh/Chị chọn cách phân tích bài thơ theo bố cục nào? Vì sao?

ĐỌC TIỂU THANH KÍ (Độc Tiểu Thanh kí)

Nguyễn Du

Đọc hiểu 4 câu đầu của bài thơ theo gợi ý dẫn sau:



Tây Hồ cảnh đẹp hoá gò hoang,
Thôn thức bên song mảnh giấy tàn.

Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khu,
Độc điệu song tiền nhất chỉ thư.

(Vườn hoa bên Tây Hồ đã thành bãi hoang rồi,
Chỉ ngắm nàng qua một tập sách đọc trước cửa sổ.)

1. Tây Hồ là một thắng cảnh như thế nào ở Trung Quốc?

2. Trong thực tế, vườn hoa bên Tây Hồ vẫn luôn rực rỡ tươi đẹp, nhưng qua con mắt của thi nhân, nó đã biến thành bãi hoang là vì sao?

3. “Vườn hoa” và “bãi hoang” là những hình ảnh biểu tượng cho điều gì? Từ “vườn hoa” trở thành “bãi hoang”, câu thơ gợi ra quy luật nghiệt ngã nào?

4. Cây cầu giao cảm nào đã kết nối nhà thơ và nàng Tiểu Thanh?

Hai câu thơ này gợi lại sự việc nào trong cuộc đời Tiểu Thanh?



Son phấn có thần chôn vẫn hận,
Văn chương không mệnh đốt còn vương.

Chi phấn hữu thần liên tử hậu,
Văn chương vô mệnh luy phần dư.

(Son phấn có thần chắc phải xót xa vì những việc sau khi chết,
Văn chương không có số mệnh mà cũng bị đốt dở.)

“Son phấn” và “văn chương” là những hình ảnh biểu tượng cho điều gì? Số phận của chúng hiện lên qua từ ngữ nào? Chỉ ra nghệ thuật đối và hiệu quả biểu đạt của chúng.

Anh/Chị liên tưởng đến những câu thơ nào cùng chủ đề này trong Truyện Kiều?

Nhà thơ gửi gắm tâm trạng, cảm xúc gì qua những dòng thơ trên?

ĐỌC TIỂU THANH KÍ (Độc Tiểu Thanh kí)

Nguyễn Du

Tìm hiểu 4 câu cuối của bài thơ theo gợi dẫn sau:

1. Những mối hận cổ kim là những mối hận của ai? Hận vì điều gì? Nỗi hận "trời khôn hỏi" để lại cảm xúc gì cho tác giả và người đọc?

Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi,
Cái án phong lưu khách tự mang.

Cổ kim hận sự thiên nan vấn,
Phong vận kì oan ngã tự cư.

(Những mối hận cổ kim khó mà hỏi trời được,
Ta tự coi như người cùng một hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lùng vì nét phong nhã.)

2. Tác giả tự nhận mình là người cùng hội cùng thuyền với ai? Nhà thơ thấy mình có điểm tương đồng gì với họ? Việc tự nhận này thể hiện tấm lòng, tình cảm như thế nào của Nguyễn Du đối với họ?

Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa,
Người đời ai khóc Tố Như chăng?

Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

(Không biết hơn ba trăm năm sau,
Thiên hạ ai người khóc Tố Như?)

3. "Hơn ba trăm năm sau" là con số chính xác hay ước lệ? Vì sao? Tác giả muốn nói gì qua con số này?

4. Nhà thơ băn khoăn vì điều gì? Chữ "khóc" cần được hiểu như thế nào? Việc xưng tên chữ của tác giả có phải là điều đặc biệt trong văn học trung đại không?

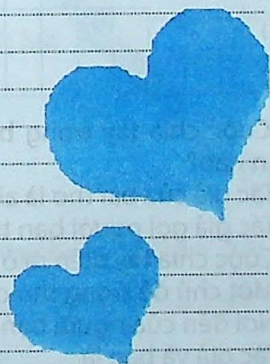
5. Mỗi bản thảo của nhà thơ hé mở với chúng ta điều gì về cuộc sống thực tại của tác giả?

6. Chúng ta đã trả lời như thế nào trước câu hỏi da diết, khắc khoải của Nguyễn Du? Hãy tìm đọc và ghi lại một vài câu thơ tiêu biểu nhất trong bài *Kính gửi cụ Nguyễn Du* của Tố Hữu mà anh/chị cho là một trong số những câu trả lời đích đáng nhất.

Trong Đoạn trường tân thanh, Thuý Kiều đã khóc thương cho thân phận Đạm Tiên khi bắt gặp nấm mồ vô chủ lạnh lẽo khói hương của nàng trong tiết Thanh minh:

Rằng: "Hồng nhan tự thuở xưa,
Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu.
Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
Thấy người nằm đó biết sau thế nào?"

Đoạn thơ này và bài **Độc Tiểu Thanh kí** gợi cho anh/chị cảm nhận gì? Hãy chia sẻ điều đó bằng một đoạn văn.





1. Chia sẻ

Theo anh/chị, thế nào là một tình bạn đẹp?



2. Đọc Tiểu dẫn trong SGK, đọc phần chú thích, đọc lướt bài thơ và hoàn thành ô chữ sau theo gợi ý dẫn.

A crossword puzzle grid with 12 numbered starting points. The grid is composed of white squares for letters and blue squares for empty space. The numbers are: (1) 10 across, (2) 6 down, (3) 8 across, (4) 10 across, (5) 12 across, (6) 6 down, (7) 12 across, (8) 8 across, (9) 10 across, (10) 6 down, (11) 8 across, (12) 10 across.

- 1) Cuộc chia tay trong bài thơ diễn ra vào thời gian nào?
- 2) Tác giả của bài thơ là ai?
- 3) Tác giả gọi người bạn trong cuộc chia tay là ...
- 4) Cuộc chia tay diễn ra ở đâu?
- 5) Một chủ đề trong thơ của tác giả là ...
- 6) Nơi đến của người bạn trong bài thơ: ...
- 7) Tác giả và bạn là ...
- 8) Người bạn trong cuộc chia tay trong bài thơ là ai?
- 9) Tên dòng sông được nhắc đến trong bài thơ: ...
- 10) Tác giả của bài thơ được mệnh danh là: ...
- 11) Nơi đến của người bạn tác giả được coi là đô thị phồn hoa ... thời Đường.
- 12) Tác giả bài thơ được đánh giá là nhà thơ ... vĩ đại của Trung Quốc.

3. Hãy giới thiệu bằng lời về tác giả Lý Bạch và tác phẩm *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng*.

TẠI LẦU HOÀNG HẠC TIỀN MẠNH HẠO NHIÊN ĐI QUẢNG LÃNG (Hoàng Hạc lầu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng)

Lý Bạch

Tìm hiểu chung về bài thơ theo gợi dẫn sau:



1. Bài thơ được sáng tác theo thể nào? Được dịch giả Ngô Tất Tố dịch sang thể nào?

- Sử dụng thể thơ đó để dịch có ưu điểm và hạn chế gì?

2. Bài thơ thuộc đề tài nào? Người bày tỏ cảm xúc trong bài thơ là ai? Cảm xúc được bày tỏ gắn với sự việc nào?

Cố nhân tây tử Hoàng Hạc lâu,
(Bạn cũ già từ lầu Hoàng Hạc, ở phía tây,
Bạn từ lầu Hạc lên đường

3. Đối chiếu bản phiên âm và bản dịch thơ qua bản dịch nghĩa để chỉ ra những yếu tố chưa được dịch sát nghĩa cần lưu ý khi phân tích tác phẩm.

Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu.

(Xuôi về Dương Châu giữa tháng ba mùa hoa khói)

Giữa mùa hoa khói Châu Dương xuôi dòng.

4. Anh/Chị chọn phân tích bài thơ theo bố cục nào? Vì sao?

Cô phàm viễn ảnh bích không tận,

(Bóng cánh buồm lẻ loi xa dần, mất hút vào khoảng không xanh biếc.)

Bóng buồm đã khuất bầu không,

5. Ghi lại ấn tượng ban đầu của anh/chị về bài thơ.

Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.

(Chỉ thấy sông Trường Giang chảy vào cõi trời.)

Trông theo chỉ thấy dòng sông bên trời.

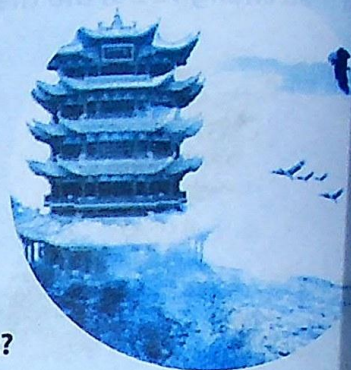
TẠI LẦU HOÀNG HẠC TIỄN MẠNH HẠO NHIÊN ĐI QUẢNG LÃNG (Hoàng Hạc lâu tổng Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng) Lý Bạch

Tìm hiểu hai câu đầu của bài thơ theo gợi ý dẫn sau:

*Cố nhân tây tử Hoàng Hạc lâu,
Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu.*

(Bạn cũ già từ lầu Hoàng Hạc, ở phía tây,
Xuôi về Dương Châu giữa tháng ba mùa hoa khói)

*Bạn từ lầu Hạc lên đường,
Giữa mùa hoa khói, Châu Dương xuôi dòng.*



**1. Cuộc chia tay diễn ra ở địa điểm nào? Địa điểm này có gì đặc biệt?
Anh/Chị biết thêm những câu thơ nào viết về địa điểm này?**

.....

2. Cuộc chia tay diễn ra trong thời gian như thế nào? Các chữ "yên hoa tam nguyệt" gợi cảm nhận ra sao về cảnh thiên nhiên?

.....

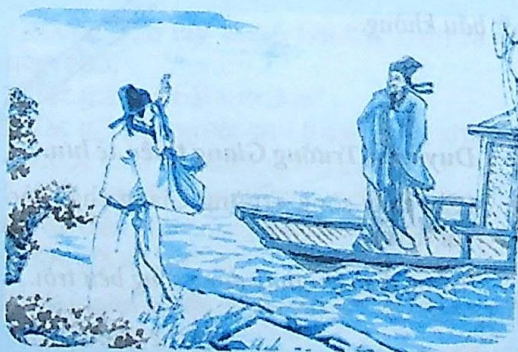
3. Cuộc chia tay diễn ra giữa ai với ai? Điểm đến là đâu? Chú thích cho biết điểm đến như thế nào?

.....

4. Mối quan hệ của người đưa tiễn và người lên đường hiện lên qua từ ngữ nào? Bối cảnh thơ đã truyền tải được tình cảm đó chưa? Vì sao?

.....

5. "Giai thì, mỹ cảnh, thắng sự, lương bằng" (thời tiết đẹp, cảnh đẹp, việc hay, bạn hiền) được xem là "tứ thú" (bốn điều thú vị) trong quan niệm của người Trung Quốc xưa. Vậy ở đây đã có những điều thú vị gì? Thiếu vắng điều thú vị gì?



TẠI LẦU HOÀNG HẠC TIỀN MẠNH HẠO NHIÊN ĐI QUẢNG LĂNG (Hoàng Hạc lầu tổng Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng) Lý Bạch

hiểu hai câu kết của bài thơ và khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

*Cô phàm viễn ảnh bích không tận,
Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.*

Bóng cánh buồm lẻ loi xa dần, mất hút vào
hoàng không xanh biếc,
Chỉ thấy sông Trường Giang chảy vào cõi trời.)

*Bóng buồm đã khuất bầu không,
Trông theo chỉ thấy dòng sông bên trời.*



1. "Cô phàm" dịch nghĩa là gì? Gợi ra cảm nhận như thế nào về con thuyền của người ra đi?

2. Theo tư liệu lịch sử, vào đời Đường, sông Trường Giang là huyết mạch giao thông quan trọng của miền Nam Trung Quốc, mùa xuân hằng có nhiều thuyền bè xuôi ngược. Vậy tại sao Lý Bạch chỉ thấy bóng cánh buồm lẻ loi của "cố nhân"?

3. Câu thơ thứ ba gợi ra hình dung như thế nào của người đọc về con thuyền đưa người bạn từ thượng nguồn sông Trường Giang dưới chân lầu Hoàng Hạc xuôi về Dương Châu? Về ánh mắt cùng tâm trạng của người đưa tiễn từ lầu cao Hoàng Hạc nhìn theo con thuyền đó?

4. Câu thơ 3 - 4 mở ra trước mắt người đọc không gian như thế nào?

5. Hãy hình dung dáng vẻ, tâm trạng của nhà thơ vào khoảnh khắc chia xa ấy.

Bài thơ có những đặc sắc nghệ thuật nào?

7. Bài thơ giúp anh/chị hiểu thêm về vẻ đẹp nào trong tâm hồn của vị "Thi tiên" Lý Bạch?

TẠI LẦU HOÀNG HẠC
TIỀN MẠNH HẠO NHIÊN ĐI QUẢNG LĂNG
(Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng)
Lý Bạch

Hãy sưu tầm và ghi lại một bài thơ, một số câu danh ngôn hoặc một vài hình ảnh đẹp về bạn mà anh/chị thấy hay và có ý nghĩa.





CHIẾN THẮNG MTAO MXÂY

Ngũ liệu

HÀNG NGHÌN NGHỆ SĨ DIỄN HÀNH TRONG LỄ HỘI CÀ PHÊ

Chiều ngày 10/3, lễ hội đường phố với chủ đề “Cà phê – Sức sống đại ngàn từ mạch nguồn văn hoá”, do Trung Nguyên làm tổng đạo diễn, đã diễn ra tại TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk, với sự tham gia của hơn 1.000 nghệ sĩ công chiêng, bốn đoàn nghệ thuật dân gian quốc tế, cùng 19 đoàn đại diện cho các quốc gia trồng, sản xuất và thưởng thức cà phê trên thế giới.

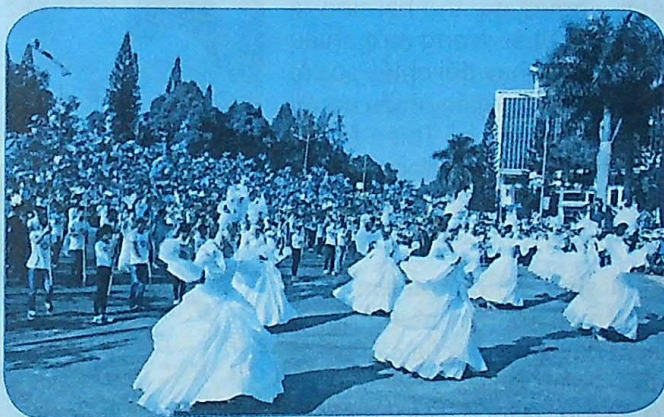


Đây là hoạt động mở đầu cho những hoạt động chính của Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 6 từ ngày 9 đến 12/3 và Liên hoan Văn hoá Công chiêng Tây Nguyên năm 2017.

Hàng nghìn nghệ sĩ công chiêng tham gia lễ hội đường phố.

Sự kiện có sự tham dự của lãnh đạo các bộ, ban ngành của tỉnh, thành phố, các đại sứ, lãnh sự quán, tổ chức quốc tế, Hiệp hội Cà phê Việt Nam, lãnh đạo các tỉnh thành lân cận, các cơ quan truyền thông và đông đảo các du khách trong nước và quốc tế, cùng đồng bào các dân tộc trong tỉnh.

Với chủ đề “Cà phê – Sức sống đại ngàn từ mạch nguồn văn hoá”, lễ hội đường phố năm nay mang đến một sự khởi đầu bùng nổ với nhiều cảm xúc cho du khách, những người tham gia... Có thể nói, đây là kì lễ hội có quy mô hoành tráng, đặc sắc và ấn tượng nhất trong các kì tổ chức, để lại những khoảnh khắc ấn tượng, đáng nhớ về Thủ phủ cà phê Buôn Ma Thuột, về tỉnh Đắk Lắk với những nét đẹp văn hoá độc đáo và những hạt cà phê Robusta tuyệt ngon nổi tiếng thế giới, cùng với những con người mộc mạc, chân chất, nghĩa tình.



Cà phê – loài cây đặc trưng của Tây Nguyên, được sân khấu hoá bằng tiết mục múa.

Nhằm tôn vinh những giá trị văn hoá độc đáo của vùng đất Tây Nguyên đại ngàn, huyền thoại, mở đầu với chương “Âm vang huyền thoại đại ngàn”, Lễ hội đường phố quy tụ gần 1.000 nghệ sĩ đến từ 16 đội Công chiêng các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh Đắk Lắk và Trung Nguyên, sáu đoàn công chiêng đến từ các tỉnh bạn Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông, Kontum, Quảng Nam,... kết hợp với đội hình những người nông dân trồng, sản xuất cà phê và đoàn voi các dân tộc anh em thiểu số Tây Nguyên cùng nhau hoà một nhịp chung của tình yêu dành cho đại ngàn mệnh mông



trong tiếng cồng chiêng lúc nhịp nhàng khoan thai, khi trầm hùng mạnh mẽ, như đưa dòng thời gian quay lại với linh thiêng ngàn năm. Bên cạnh đó, còn có sự tham gia của các nghệ sĩ đến từ bốn đoàn nghệ thuật dân gian quốc tế (Campuchia, Hàn Quốc, Lào, Romania) góp phần làm nên những sắc màu đặc biệt cho lễ hội, thể hiện sự giao thoa thú vị giữa các nền văn hoá Âu – Á, cũng như mang đến những “cơn sóng cảm xúc” cho tất cả những du khách trong nước và quốc tế đến với lễ hội đặc biệt này. Đặc biệt, nhằm khẳng định giá trị của cây cà phê – báu vật được kết tinh từ nguồn năng lượng của vùng đất đỏ bazan hàng triệu năm của đất trời Tây Nguyên, chương 2 “Hội tụ thế giới cà phê năng lượng” của lễ hội đường phố đem đến cho người xem niềm tự hào về sức mạnh lan toả và kết nối thế giới của những hạt cà phê năng lượng. 19 đoàn đại diện cho 19 quốc gia trồng, sản xuất và thưởng thức cà phê trên thế giới gồm: Colombia, Canada, Pháp, Hàn Quốc, Indonesia, Israel, Nhật, Việt Nam, Trung Quốc, Thụy Điển, Lào, Ấn Độ, Philippines, Ba Lan, Rumani, Slovakia, Hoa Kỳ, Úc, Campuchia cùng hội tụ tham gia diễu hành, thể hiện sự hợp tác quốc tế trong tinh thần hữu nghị, kết nối. Hơn nữa, điều đó còn nâng lên các giá trị, khẳng định tiềm năng của vùng đất Buôn Ma Thuột với hạt cà phê dồi dào năng lượng và tương lai phát triển, khẳng định vị thế của thương hiệu cà phê Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Và với niềm tin, khát vọng đó, chương 3 “Thăng hoa sức sống cà phê” của lễ hội đường phố là cuộc diễu hành của niềm vui, niềm hân hoan, hạnh phúc và tràn đầy nhiệt huyết của những người công nhân trồng và sản xuất cà phê, của các thương hiệu cà phê và đặc biệt là những người yêu và đam mê cà phê luôn khát khao đưa những giá trị văn hoá, tinh hoa đặc sắc cũng như hương vị cà phê năng lượng tuyệt ngon của vùng đất Tây Nguyên chắp cánh bay đến mọi nẻo đường trên thế giới. (Nguồn: *Tia sáng*)

TẮM CẢM

Ngũ liệu

CUỘC SỐNG CỦA “CHÚ LÍNH CHÌ DŨNG CẢM” THIỆN NHÂN

“Chú lính chì” Thiện Nhân đã hồi sinh mạnh mẽ để giờ đây trở thành một cậu bé vui vẻ, hoạt bát, thông minh...

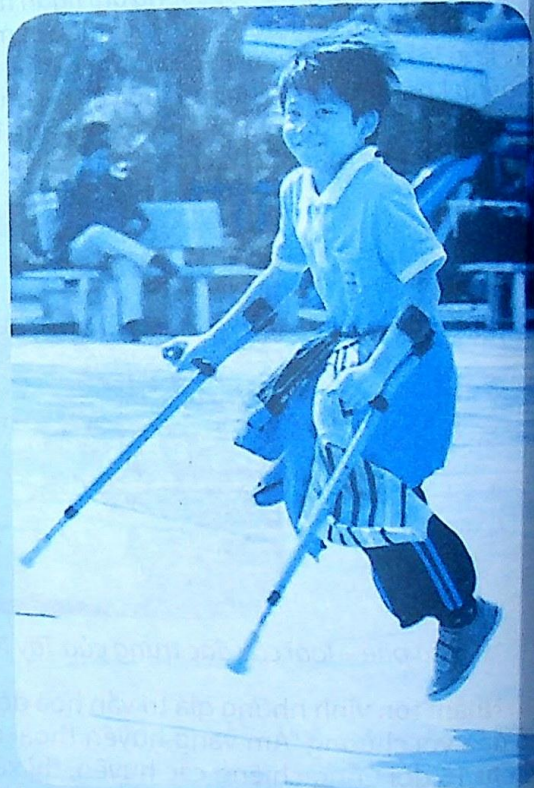
Từ một cậu bé bị bỏ rơi trong vườn ngay khi vừa lọt lòng, bị thú hoang ăn mất một chân và bộ phận sinh dục, “chú lính chì” Thiện Nhân đã hồi sinh mạnh mẽ để giờ đây trở thành một cậu bé vui vẻ, hoạt bát, thông minh và vô cùng bản lĩnh.

Gặp chị Trần Mai Anh – người mẹ thứ hai sinh ra “chú lính chì dũng cảm” Thiện Nhân trong một chiều cuối năm, tôi thấy chị vẫn không thay đổi nhiều so với thời điểm gần 10 năm trước, khi chị khiến nhiều người ngạc nhiên vì quyết định nhận nuôi bé Thiện Nhân. Chị vẫn gầy gò, mỏng manh, say mê với công việc và lúc nào cũng tràn trề hạnh phúc khi có ai nhắc đến 3 cậu con trai.

“Chú lính chì” nhân ái sinh ra từ... trái tim

Nhắc đến cái tên Thiện Nhân, hẳn nhiều người chưa thể quên câu chuyện đầy ám ảnh của cậu bé có biệt danh “chú lính chì dũng cảm” này.

Đó là khoảng giữa tháng 7/2006, người dân ở khu vực Núi Thành (Quảng Nam) phát hiện một bé trai bị mẹ bỏ rơi, bị thú hoang cắn mất một chân và bộ phận sinh dục. Dù trải qua 3 ngày không ăn uống và cơ thể bị thương tổn nặng, nhưng bé vẫn chiến thắng tử thần. Bé được mọi người đặt tên là Thiện Nhân với mong muốn điều thiện, lòng nhân ái sẽ theo bé mãi mãi.



Dù thiếu một chân, nhưng Thiện Nhân rất năng động, vui vẻ trong các hoạt động



Như một định mệnh, khi cậu bé được hơn 9 tháng tuổi, chị Trần Mai Anh (SN 1973, ở Hà Nội) cùng một người bạn lặn lội vào Quảng Nam thăm bé. Ngay trong những giây phút đầu tiên nhìn thấy Thiện Nhân, chị Mai Anh đã muốn được nuôi nấng, chăm sóc cho cậu bé. Không suy nghĩ nhiều, chị quyết định tiến hành các thủ tục nhận nuôi Thiện Nhân và khi Thiện Nhân được hơn 1 tuổi thì chính thức được đưa về Hà Nội sống cùng gia đình mẹ Mai Anh.

Chúng tôi thắc mắc về phản ứng của các thành viên trong gia đình khi chị đón Thiện Nhân về nuôi, chị bảo rằng trước đó, khi hỏi ý kiến một bác sĩ về tình trạng bệnh của Thiện Nhân và bày tỏ ý định của mình, vị bác sĩ ấy đã khuyên “đừng bao giờ bắt đầu cho một việc làm không có kết thúc”. Biết tính con gái quyết đoán nên bố mẹ chị cũng không cấm cản gì. Mẹ chị nói: “Con đã bước một bước rồi thì hãy bước tiếp”. Còn bố chị bảo, sẽ chẳng bao giờ ngăn cản khi con làm việc tốt, nhưng hãy cân nhắc kĩ. Hai cậu con trai của chị là Thiện Minh (Minh lớn) và Hải Minh (Minh bé) lúc đó mới hơn 7 tuổi và hơn 2 tuổi thì chỉ hỏi: “Khi nào mẹ đón em về nuôi?”.

Sau khi chữa thành công cho Thiện Nhân, bác sĩ Roberto theo lời thuyết phục của chị Mai Anh đã lặn lội đến Việt Nam để giải quyết các ca bệnh về bộ phận sinh dục cho những em nhi đồng khác mà không đòi hỏi bất cứ chi phí nào. Quỹ Thiện Nhân cũng được lập nên từ đó, kêu gọi lòng hảo tâm trên khắp thế giới để hỗ trợ kinh phí cho bác sĩ Roberto De Castro chữa bệnh, phẫu thuật miễn phí cho gần 180 ca, khám tư vấn miễn phí cho hơn 600 bệnh nhân khiếm khuyết bộ phận sinh dục, hơn 1.000 hồ sơ bệnh án đang chờ xử lí.

Hành trình chữa bệnh đầy gian khổ

Bao nhiêu năm đón Nhân về là bấy nhiêu năm chị Mai Anh đưa con đi khắp các đất nước, khắp các bệnh viện và cùng con trải qua không biết bao nhiêu cuộc phẫu thuật. Có những lúc nhìn Thiện Nhân nằm trên giường bệnh, người mẹ nhỏ bé ấy đã nắm chặt tay con và nói rằng: “Mẹ xin lỗi vì bắt con phải chịu nhiều đau đớn quá”.

Lúc mới đưa Nhân về Hà Nội, chị tự tay bôi thuốc vào từng nốt ghẻ, tự tay lược tẩy quần áo, chữa trị vết thương ngoài da cho con mỗi ngày.

Rồi sau đó, chị đưa con sang Thái Lan với mong muốn tái tạo bộ phận sinh dục càng sớm càng tốt. Các bác sĩ chuyên khoa khi ấy nói rằng, trường hợp của Nhân chưa từng có tiền lệ. Họ khuyên chị Mai Anh cho Nhân phẫu thuật chuyển đổi giới tính, dù sao bé vẫn còn nhỏ, không nhận biết được giới tính thật sự của mình. Nhưng không một phút suy nghĩ, người mẹ ấy quả quyết: “Tạo hoá đã cho Nhân làm một người đàn ông, tôi sẽ cố gắng hết sức để con mình là một người đàn ông thực sự”.

Câu chuyện và những hình ảnh trong hành trình chữa bệnh của Thiện Nhân lan truyền khắp thế giới và cũng nhờ đó, cơ hội đến với Thiện Nhân nhiều hơn: Các y, bác sĩ hầu như đều tình nguyện chữa bệnh miễn phí cho Nhân, các hãng hàng không giảm tiền vé cho mẹ con Nhân trong hành trình đến các nước chữa bệnh, các mẹ trong Hội Thiện Nhân được quy tụ đóng góp từng khoản tiền nhỏ giúp chị Mai Anh trang trải cho quá trình chữa bệnh đầy gian khổ của Nhân. Bà con Việt kiều ở nước ngoài cũng tình nguyện làm tài xế cho hai mẹ con, mang đến tặng Nhân từng hộp sữa, món đồ chơi.

Nhờ những sự hỗ trợ ấy, chị Mai Anh đã đưa Thiện Nhân đi khắp các nước: Singapore, Đức, Mĩ, đến Chicago, Los Angeles, New Hampshire... để chữa bệnh.

Trong khi hi vọng tái tạo bộ phận sinh dục cho Nhân dường như vụt tắt, chị Mai Anh lại nghe tin có một cuộc hội thảo khoa học về các tiến bộ mới của y khoa tại Mỹ ngay lúc Thiện Nhân đang điều trị ở đó. Vậy là chị tìm đến, thuyết phục được các nhà khoa học hàng đầu thế giới chú ý đến trường hợp của Thiện Nhân. Tên của Thiện Nhân đã được ghi vào danh sách giám sát điều trị của các giáo sư y khoa giỏi nhất. Năm 2010, khi bác sĩ Roberto De Castro ở Bệnh viện Bologna (Ý) công bố công trình phẫu thuật và tái tạo thành công bộ phận sinh dục, giữ được chức năng, cảm giác và cả sự phát triển cùng với cơ thể, thì chị Mai Anh được báo tin đầu tiên và tên của Thiện Nhân cũng được giới thiệu ngay lập tức.

Sau khi nghe câu chuyện và hành trình chị Mai Anh cùng Thiện Nhân đã trải qua, bác sĩ Roberto vô cùng xúc động. Qua thăm khám ban đầu, bác sĩ khẳng định, trường hợp của Nhân sẽ tái tạo được bộ phận sinh dục khiến chị Mai Anh vỡ òa trong niềm vui và hạnh phúc. Thậm chí, Thiện Nhân khi ấy còn được ưu tiên mổ trước, xếp lịch mổ vào dịp Tết Nguyên đán của Việt Nam để chị có thời gian chăm con dài hơn. Xúc động hơn nữa, bác sĩ còn tự nguyện giảm một nửa chi phí phẫu thuật, là tiền công của chính mình.



Sau một vài cuộc phẫu thuật trong nước nữa, Thiện Nhân đã chính thức trở thành “người đàn ông thực sự” như mong mỏi của mẹ Mai Anh và mọi người trong gia đình.

“Thiện Nhân sống vui vẻ, bản lĩnh, thông minh và sâu sắc lắm”

Năm 2015, câu chuyện của “chú lính chì” Thiện Nhân một lần nữa gây xúc động tới hàng triệu trái tim khi bộ phim *Lửa Thiện Nhân* của đạo diễn Đặng Hồng Giang được công chiếu toàn quốc. Những thước phim tái hiện một cách chân thực hành trình của Thiện Nhân cùng những “người hùng” thầm lặng bên cạnh em đã truyền ngọn lửa sống tử tế, khát vọng đến tất cả mọi người – những người chưa biết và những người đã dõi theo Nhân từ những năm về trước.

Sau những hành trình đầy gian nan và nước mắt đã trải qua, hạnh phúc lớn nhất của người mẹ nhỏ bé Mai Anh là được trở về nhà với 3 cậu con trai: Thiên Minh, Hải Minh, Thiện Nhân.

Nhờ dạy các con tự lập ngay từ nhỏ, nên mỗi buổi sáng chị Mai Anh chỉ cần chuẩn bị đồ ăn cho các con, còn các con sẽ tự chuẩn bị mọi thứ, ăn sáng và đi học.

“Nhưng Thiện Nhân như thế thì có thể tự làm mọi việc như các anh được không?”, chị Mai Anh nói ngay: “Tôi chưa bao giờ phải giúp đỡ Nhân bất cứ việc gì khi Nhân thiếu một chân. Nhân là đứa trẻ tự lập và có thể tự làm mọi thứ cho mình”.

Nếu như khi mới về với gia đình mẹ Mai Anh, Nhân ít nói, ít vui vẻ, cười đùa, thì giờ đây Nhân đã là một con người khác.

Cậu bé luôn vui vẻ, hoạt bát, tự lập trong mọi công việc. Đặc biệt, Nhân rất yêu mẹ và mọi người trong gia đình, biết chia sẻ mọi thứ trong cuộc sống.

Hỏi chị Mai Anh điều gì khiến chị tự hào nhất về Thiện Nhân, chị nói: “Tôi tự hào nhất vì Nhân là cậu bé có bản lĩnh, can đảm, thẳng thắn, thông minh, sống rất sâu sắc”.

Thiện Nhân học giỏi và rất thông minh. Nhân luôn tự tin và hoà đồng.

(Nguồn: Theo Hoài Thu, baogiaothong.vn)

Văn bản

CÔ LỘ LEM

Ngày xưa, có một người phụ nữ giàu có chẳng may ốm nặng. Cảm thấy mình không còn sống được bao lâu, bà cho gọi cô con gái duy nhất tới bên giường dặn dò:

– Con yêu dấu của mẹ ơi, con hãy sống hiền lành, ngoan ngoãn nhé! Mẹ có chết đi cũng sẽ luôn luôn ở bên con để trông nom cho con.

Nói xong bà nhắm mắt và qua đời. Hàng ngày, cô bé khóc lóc bên mộ mẹ. Cô sống hiền lành tử tế. Mùa đông đến, tuyết phủ trên mộ mẹ như một tấm khăn trắng. Đến mùa xuân, khi mặt trời kéo chiếc khăn tuyết ấy đi thì người bố lấy vợ khác.

Người mẹ kế mang theo hai con riêng của mình đến. Hai người con riêng mặt mũi xinh xắn nhưng bụng dạ lại xấu xa, đen tối. Thế là bắt đầu một thời gian khốn khổ cho cô bé mồ côi mẹ.

Bà mẹ kế và hai cô con gái bảo:

– Không thể để con ngốc này cứ ngồi mãi trong nhà thế được! Muốn ăn thì phải làm. Phải tổng con làm bếp ấy ra khỏi phòng.

Chúng lột quần áo đẹp, cho cô một chiếc áo xám cũ kỹ và đôi guốc mộc. Chúng reo lên cười: “Trông cô công chúa đài các kia, giờ cô ăn mặc lịch sự chưa!” và đưa cô xuống bếp. Cô phải làm lụng vất vả từ sớm đến tối, mờ mờ sáng đã dậy lấy nước, nhóm lửa, nấu cơm, giặt giũ. Hai cô chị còn hành hạ cô đủ cách, làm cho cô tủi nhục. Chúng thường đổ hai thứ đậu xuống tro bắt cô phải nhặt riêng ra. Đến tối, làm lụng đã mệt lử rồi, cô cũng không được nằm trên giường mà phải nằm trên đồng tro cạnh bếp mà ngủ. Càng ngày cô càng bần thủ, người thêm lem luốc. Họ gọi cô là “Lộ Lem”.

Có lần, người bố đi chợ phiên hỏi hai con của vợ kế muốn mua gì. Một cô xin quần áo đẹp. Một cô xin ngọc.

Bố cô lại hỏi:

– Thế Lộ Lem, con muốn gì nào?

– Thưa bố, trên đường về, có cành cây nào va vào mũ bố xin bố về cho con.

Người bố mua về cho hai con gái vợ kế quần áo đẹp và ngọc. Trên đường về, khi đi qua một bụi cây xanh, có cành cây dẽ va phải và lật mũ ông. Ông bẻ cành ấy mang về. Tới nhà, ông cho hai con vợ kế quà chúng xin và đưa cành dẽ cho Lộ Lem. Lộ Lem cảm ơn bố, đến mộ mẹ trông cành dẽ lên khóc lóc thảm thiết, nước mắt rơi xuống tưới ướt hết cành lá.



Cành lớn rất mau thành một cây đẹp. Mỗi ngày, Lọ Lem đến đó ba lần, lần nào cũng có con chim trắng tới đậu trên cây. Hễ cô ngó ý mong ước thứ gì thì chim vút thứ ấy xuống cho cô.

Một hôm, nhà vua mở hội ba ngày liền, mời tất cả các thiếu nữ xinh đẹp trong nước đến dự dạ hội để hoàng tử kén vợ. Hai cô gái con người vợ kể nghe nói mình cũng được đi thì mừng rỡ. Chúng gọi Lọ Lem đến bảo:

– Mày hãy chải đầu, đánh giày cho chúng tao, cài giày cho chắc để chúng tao đi dự lễ ở cung vua. Lọ Lem khóc lóc vâng lời, vì chính cô cũng muốn được đi dự hội. Lọ Lem xin mẹ kể cho đi.

Bà ta bảo:

– Đồ Lọ Lem bần thủ như nhuốc mà cũng đòi đi dự hội à? Mày làm gì có giày, có quần áo đâu mà nhảy?

Lọ Lem xin mãi, bà mẹ kể bảo:

– Tao đổ một đấu đồ xuống tro. Trong hai tiếng đồng hồ mày nhặt xong được thì đi.

Cô đi cửa sau ra vườn gọi:

– Hỡi chim câu ngoan ngoãn, hỡi chim gáy, hỡi tất cả các chim trên trời, hãy lại đây nhặt giúp em, đồ ngon thì bỏ vào nồi, đồ xấu thì bỏ vào cổ họng.

Lập tức có đôi bồ câu trắng bay qua cửa sổ nhà bếp vào, theo sau có chim gáy, rồi đến tất cả các loài chim trên trời rào rào bay tới đậu quanh đồng tro. Chim bồ câu gật gù rồi bắt đầu mổ lia lịa, nhặt hạt tốt bỏ vào nồi. Chỉ gần một tiếng đồng hồ, chim đã làm xong xuôi cả và bay đi. Lọ Lem mang đồ đến cho dì ghẻ. Cô mừng lắm, chắc hẳn được đi dự hội. Nhưng dì ghẻ bảo:

– Không đi được đâu, Lọ Lem ạ! Mày không có quần áo thì không thể nhảy được. Người ta cười cho đấy!

Lọ Lem khóc lóc thì dì ghẻ bảo:

– Nếu trong một tiếng đồng hồ, mày nhặt ra được khỏi tro hai đấu đồ thì tao cho đi cùng. Mụ nghĩ là cô không tài nào làm nổi.

Sau khi mụ đổ hai đấu đồ xuống tro, Lọ Lem đi cửa sau ra vườn và lại gọi các loài chim đến giúp.

Lập tức có đôi bồ câu trắng bay qua cửa sổ nhà bếp vào, theo sau có chim gáy, rồi đến tất cả các loài chim trên trời rào rào bay tới đậu xung quanh đồng tro. Chim bồ câu gật gù, rồi bắt đầu mổ lia lịa, những con chim khác cũng mổ lia lịa, nhặt hạt tốt bỏ vào nồi. Chỉ non nửa tiếng đồng hồ, chim đã làm xong xuôi cả và bay đi. Lọ Lem mang đồ đến cho dì ghẻ, chắc hẳn được đi dự hội. Nhưng dì ghẻ bảo:

– Toi công thôi, Lọ Lem ạ! Mày không đi cùng được đâu vì mày làm gì có quần áo mà nhảy? Chẳng nhẽ làm chúng tao xấu mặt vì quần áo của mày à?

Nói rồi, mụ quay phắt đi, vội vã cùng hai đứa con gái đòi các ra đi.

Ở nhà không còn ai, Lọ Lem ra mộ mẹ, đến gốc cây dẻ gọi:

– Cây ơi, cây hãy rũ vàng rũ bạc xuống đây cho em!

Chim liền ném xuống cho cô một chiếc áo bằng bạc và đôi hài lụa thêu chỉ bạc. Cô vội mặc quần áo và đi dự hội. Dì ghẻ và hai em không nhận được ra Lọ Lem, tưởng là một nàng công chúa nào vì cô mặc thật lộng lẫy. Chúng không ngờ đó là Lọ Lem, đinh ninh là cô vẫn lúi húi nhặt đồ trong đồng tro. Hoàng tử lại đón cô, cầm tay cô nhảy. Chàng không muốn nhảy với ai khác nữa, và không chịu rời tay cô ra. Có ai đến mời Lọ Lem nhảy thì chàng nói:

– Đây là bạn nhảy của tôi.

Cô dự hội đến tối thì xin về. Hoàng tử ngờ ý muốn đưa cô về nhà vì chàng muốn biết cô thiếu nữ xinh đẹp này là con cái nhà ai. Cô gỡ tay hoàng tử ra và nhảy vào chuồng bồ câu. Hoàng tử đợi đến khi bồ của Lọ Lem đến liền nói rằng cô gái lạ mặt đã nhảy biến mất vào chuồng bồ câu.

Ông bố nghĩ: “Phải chăng là Lọ Lem?”

Ông cho mang đến rìu và mai để chẻ tan chuồng ra. Chẻ xong chẳng thấy có ai ở trong. Họ về nhà thì thấy Lọ Lem mặc quần áo nhem nhuốc ngồi trong đồng tro, một ngọn đèn dầu tù mù cháy trên lò sưởi. Thì ra Lọ Lem đã nhảy phắt ra khỏi chuồng bồ câu, chạy vội đến cây dẻ, cởi quần áo đẹp ra để trên mộ. Chim xuống cất đi ngay. Rồi cô lại mặc bộ quần áo cũ vào, ngồi trên đồng tro bếp.

Hôm sau, hội lại tiếp tục. Bố mẹ và hai em đi khỏi, Lọ Lem lại đến bên cây dẻ gọi:

– Cây ơi, cây hãy rũ vàng rũ bạc xuống đây cho em!

Chim lại nhả xuống một bộ quần áo lộng lẫy hơn hôm trước. Lọ Lem mặc bộ quần áo ấy đến dự lễ. Cô đẹp quá, làm cho mọi người ngẩn ngơ. Hoàng tử liền cầm tay cô và chỉ nhảy với cô thôi. Những người khác đến mời Lọ Lem nhảy thì hoàng tử bảo: “Đây là bạn nhảy của tôi”.



NGŨ LIỆU ĐỌC HIỂU

Đến tối, cô xin phép ra về, hoàng tử đi theo xem cô đến nhà nào. Cô vội gạt hoàng tử ra, chạy ra vườn sau nhà. Ở đấy có một cây lê to rất đẹp, chi chít quả ngon lành. Cô trèo lên nhanh như sóc rồi biến đâu mất.

Hoàng tử đợi đến khi ông bố đến bảo:

– Cô gái lạ mặt lại biến mất khỏi tay ta. Có lẽ cô ấy nhảy lên cây lê rồi.

– “Phải chăng là Lọ Lem!” – Ông bố nghĩ.

Ông mang rìu đến, dẫn cây xuống nhưng chẳng thấy ai trên cây.

Cả nhà vào bếp thì thấy Lọ Lem nằm trên đồng tro như không có việc gì xảy ra. Thì ra cô đã nhảy từ phía bên kia cây xuống, đem trả quần áo đẹp cho chim trên cây để và mặc quần áo cũ vào.

Đến ngày thứ ba, bố mẹ và các em đi khỏi, Lọ Lem lại ra mộ mẹ và bảo cây:

– Cây ơi, cây hãy rũ vàng rũ bạc xuống đây cho em!

Chim liền thả xuống một bộ quần áo lộng lẫy nhất trần đời và một đôi hài toàn bằng vàng. Khi cô mặc áo vào đi dự lễ, mọi người thần người ra nhìn. Hoàng tử lại tiếp tục chỉ khiêu vũ với Lọ Lem.

Đến tối, Lọ Lem xin về. Hoàng tử định đưa về, nhưng cô trốn đi thật nhanh, hoàng tử theo không kịp. Chàng liền nghĩ ra một cách là cho đồ nhựa thông lên thang. Khi cô nhảy thì chiếc hài bên trái dính lại. Hoàng tử cầm lên thì thấy chiếc hài xinh đẹp toàn bằng vàng.

Hôm sau, hoàng tử mang hài đến tìm ông bố của Lọ Lem bảo:

– Ta chỉ lấy ai chân đi vừa chiếc hài này thôi.

Hai cô chị có đôi chân đẹp nên mừng lắm. Cô cả mang hài vào buồng thử trước mặt mẹ. Nhưng cô không đút ngón cái vào được vì hài nhỏ quá.

Mẹ liền đưa cho cô con dao và bảo:

– Mày hãy chặt ngón cái đi. Thành hoàng hậu rồi thì cần gì phải đi bộ nữa.

Cô ta liền chặt ngón cái, nhét chân vào hài rồi cắn răng chịu đau, đến ra mắt hoàng tử. Hoàng tử nhận cô làm vợ, đặt lên ngựa cùng về. Khi đi qua mộ thì đôi chim câu đậu trên cây để liền kêu lên:

Cúc cu cu!

Hoàng tử nhìn xem

Chiếc hài vấy máu

Vì chân dài quá

Nên phải chặt chân

Chính cô dâu thật

Đang ở trong nhà

Hoàng tử nhìn xuống chân cô thấy máu chảy, liền quay ngựa lại, đưa cô về nhà trả cho bố mẹ cô. Hoàng tử bảo không đúng là cô dâu thật, rồi cho cô em thử hài. Cô em vào buồng thử hài thì may sao các ngón chân vào lọt được cả. Nhưng cái gót lại to quá. Bà mẹ đưa cho con dao bảo:

– Mày cứ chặt đi một miếng gót chân. Mày mà được làm hoàng hậu thì chẳng bao giờ phải đi chân nữa.

Cô gái chặt một miếng gót chân, cô đút chân vào hài, cắn răng chịu đau, ra gặp hoàng tử.

Hoàng tử đặt cô dâu lên ngựa đi. Đi qua cây dẻ, đôi chim câu đậu trên cành hót:

Cúc cu cu!

Hoàng tử nhìn xem

Chiếc hài vấy máu

Vì chân dài quá

Nên phải chặt chân

Chính cô dâu thật

Vẫn ở trong nhà

Hoàng tử nhìn xuống chân cô thấy máu ở hài chảy ra, thối đỏ cả tất trắng, quay ngựa, mang cô dâu trả về cho bố mẹ cô và bảo:

– Đây cũng chưa phải là cô dâu thật. Ông còn cô con gái nào khác không?

Ông bố đáp:

– Thưa hoàng tử, không ạ. Chỉ còn con bé Lọ Lem bé tí, xanh xao là con vợ cả đã chết. Hoàng tử lệnh cứ cho gọi ra. Dì ghẻ thưa:

– Thưa hoàng tử, không nên. Nó bẩn thỉu quá, trông tởm lắm.

Hoàng tử nhất định đòi gọi Lọ Lem lên kì được. Cô rửa mặt mũi chân tay, đến cúi chào hoàng tử. Hoàng tử đưa cho cô chiếc hài. Cô ngồi lên ghế đẩu, rút chân ra khỏi chiếc guốc thô kệch,



đút chân vào chiếc hài vừa như in. Cô đứng dậy, hoàng tử thấy mặt thì nhận ra cô gái xinh đẹp đã nhảy với mình, bèn nói:

– Đây mới là cô gái ta tìm kiếm!

Dì ghê và hai con sợ quá, tức tái mặt đi. Hoàng tử đặt Lọ Lem lên ngựa đi. Khi qua cây dẻ, đôi chim câu hát:

Cúc cu, hãy trông kìa!

Cúc cu cu!

Hoàng tử nhìn xem

Hài không có máu.

Vì hài vừa quá

Không phải chặt chân.

Đúng cô dâu thật

Hoàng tử đưa về

Hót xong, đôi chim câu bay khỏi cây xuống đậu trên vai cô Lọ Lem, một con bên trái, một con bên phải.

(Nguồn: Theo *Truyện cổ Grim*, Hữu Ngọc dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2002, tr. 295 – 306)



*** Phiếu học tập số 1**

Mục 2: HS đọc SGK, gạch chân các thông tin chính để vẽ sơ đồ tư duy giới thiệu chung về tác phẩm. Có thể gồm một số thông tin cơ bản như: thể loại của văn bản, văn bản là sáng tạo tinh thần của dân tộc nào, tóm tắt văn bản, vị trí của trích đoạn được học,...

*** Phiếu học tập số 2**

Để có thể nhận xét về thái độ, giọng điệu của từng nhân vật trong màn khiêu chiến, HS cần đánh dấu vào các hành động (lời thoại) của mỗi nhân vật trong SGK, dựa vào đó để nhận ra: Dăm Sắn thể hiện giọng điệu quyết liệt, mạnh mẽ, quyết tâm đòi lại danh dự của bản thân và cộng đồng; tư thế đàng hoàng, tính cách thẳng thắn. Trong khi đó, Mtao Mxây bộc lộ sự hèn nhát, dễ dãi, chỉ quen đánh lén,... Thực hiện tương tự với các mục còn lại.

*** Phiếu học tập số 3**

– Có thể thấy một số biện pháp nghệ thuật nổi bật của đoạn trích giúp người đọc hình dung, tưởng tượng, sáng tạo như: Trọng tâm của miêu tả hướng vào cảnh ăn mừng chiến thắng, chỉ dành một câu để nói về kết cục của Mtao Mxây. Hàng loạt các hình ảnh so sánh, phóng đại được sử dụng. Các hình ảnh so sánh gợi ra không gian rộng lớn, phóng khoáng của mảnh đất Tây Nguyên, gắn với lối cảm, lối nghĩ của con người nơi này. Bút pháp lãng mạn chiếm ưu thế. Kết hợp giữa lời miêu tả là lời thoại của các nhân vật, lời của người kể sử thi, tạo ra sự hoà nhập của người kể và người nghe vào không gian ăn mừng chiến thắng.

- Từ cảnh ăn mừng chiến thắng có thể nhận thấy thông điệp về lòng mong muốn một cuộc sống hoà bình, về tương lai phát triển hùng mạnh, thịnh vượng của các dân tộc Tây Nguyên.

*** Phiếu học tập số 4**

Đây là một hoạt động đưa nhân vật từ trang sách đến cuộc đời, làm cho những điều được thể hiện trong tác phẩm văn học trở nên gần gũi, thú vị, hấp dẫn và hữu ích hơn với HS. Để có thể tưởng tượng chàng Đăm Săn sẽ nói gì, HS cần đọc kĩ văn bản, thông tin gợi dẫn đọc mở rộng đi kèm. Có thể là niềm vui sướng, hạnh phúc, sự tự hào. Có thể là sự trăn trở, suy nghĩ để làm thế nào cho những gì tinh túy của mảnh đất Tây Nguyên chàng yêu mến đến được rộng rãi hơn với cộng đồng thế giới, giữ được bản sắc độc đáo riêng. Có thể là lời dặn dò, nhắc nhở cháu con cần biết ơn cha ông, tìm về nguồn cội để thêm trân trọng những gì mình được truyền trao, kế thừa từ thành quả của các thế hệ đi trước,... Ngoài nội dung câu nói, HS cần chú ý tạo ra ngữ điệu, giọng điệu cho lời nói để thể hiện đúng khẩu khí của nhân vật. Muốn làm được điều này, HS cần đọc kĩ lại phần lời thoại của Đăm Săn trong văn bản vừa học. Đây là một ví dụ: *"Tôi nghĩ, chàng Đăm Săn sẽ vui lắm. Chàng sẽ cất lời thật trầm hùng trong tiếng cồng chiêng gọi hồn núi nước và hương thơm say người sống sánh của cà phê: "Ơ các con, ơ các con! Hãy đánh lên các chiêng có tiếng đồng tiếng bạc*



Hãy đánh lên cho ở dưới vỏ toác các cây đồn ngạch, ở trên gầy nát các cây xà ngang để mừng mùa cà phê thắng lợi, để mời ông bà tiên tổ về thưởng thức hương vị cà phê thơm ngon chưng cất từ mạch đất Tây Nguyên. Ở các con, hãy nâng niu và giữ cho những hạt cà phê thật sạch như nước suối rừng, như tấm lòng chất phác, nồng hậu của người dân Tây Nguyên để đón chào bạn bè bốn phương tụ hội, ê hề...!”

TRUYỆN AN DƯƠNG VƯƠNG VÀ MỊ CHÂU – TRỌNG THUY

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS chia sẻ tự do cảm nhận về truyện *Thánh Gióng* được gợi nhắc từ bức ảnh “dũng sĩ nhỏ tre diệt thù”.

Mục 2: HS hoàn thành ô chữ để đọc và tìm hiểu một số chi tiết ban đầu về tác phẩm. Từ khoá của ô chữ là: “Trái tim lầm chỗ”, một hình ảnh trong câu thơ của Tố Hữu: “*Tôi kể ngày xưa chuyện Mị Châu – Trái tim lầm chỗ để trên đầu – Nỏ thần vô ý trao tay giặc – Nên nỗi cơ đồ đắm biển sâu*” (Tâm sự).

* Phiếu học tập số 2

Mục 1: HS tóm tắt truyện theo gợi ý trong sơ đồ.

Mục 2: Truyện được kể ở ngôi thứ ba, theo trật tự thời gian. Các nhân vật chính trong truyện gồm: An Dương Vương, Mị Châu, Trọng Thủy; Có thể chia truyện thành hai chặng chính: Chặng thứ nhất gắn với chuyện An Dương Vương xây thành, chế nỏ để chống quân xâm lược. Chặng thứ hai gắn với bi kịch tình yêu Mị Châu – Trọng Thủy và bi kịch nước mất nhà tan; Truyện có thể gọi lại các yếu tố lịch sử về thành Cổ Loa và câu chuyện An Dương Vương xây dựng nhà nước Âu Lạc, chống quân xâm lược Triệu Đà gắn với quần thể di tích văn hoá ở làng Cổ Loa, Đông Anh ngày nay; Các yếu tố tưởng tượng kì ảo trong truyện như: chuyện cụ già từ phương đông tới bày kế, chuyện sứ Thanh Giang giúp đỡ vua xây thành, cho vuốt thần để làm nỏ trừ giặc, chuyện Rùa Vàng kết tội Mị Châu, rẽ nước dẫn vua đi xuống biển, chuyện về sự hoá thân của Mị Châu.

* Phiếu học tập số 3

Mục 1: HS liệt kê các hành động của An Dương Vương theo gợi dẫn: 1. An Dương Vương xây thành nhưng không được, lập đàn trai giới để cầu đảo bách thần; 2. Nhà vua được sứ Thanh Giang giúp đỡ xây thành; 3. Nhà vua xin sứ Thanh Giang giúp đỡ giữ thành, chống giặc và được ban vuốt thần, dùng vuốt ấy làm lẫy khiến quân Triệu Đà thua lớn,... HS thực hiện tương tự với các mục còn lại.

* Phiếu học tập số 4

Mục 1: Hành động lên cho Trọng Thủy xem nỏ thần là một sai lầm nghiêm trọng của Mị Châu, vì nỏ thần là bí mật quốc gia, dù là tình chồng vợ gắn bó cũng không thể hành động trái với bổn phận, trách nhiệm của một công chúa nước Nam. 2) Câu trả lời dành cho chống trước khi Trọng Thủy về nước cùng hành động rắc lông ngỗng làm dấu của Mị Châu trong bối cảnh quân Triệu Đà xâm lược, thành vỡ, vua cha cùng mình không chốn nương thân, phải chạy trốn cho thấy Mị Châu vô cùng ngây thơ, đặt trái tim lên trên lí trí,... HS thực hiện tương tự với các mục còn lại.

* Phiếu học tập số 5

Mục 1: HS cần tìm hiểu các chi tiết gắn với nhân vật Trọng Thủy trong văn bản để trả lời câu hỏi: Trọng Thủy là ai? Đó là một tên gián điệp đội lốt con rể để dò tìm và đánh cắp bí mật nỏ thần của Âu Lạc. Nhưng đó cũng là một nạn nhân của tham vọng chiến tranh xâm lược. Trong những vai đó, Trọng Thủy cũng đầy mâu thuẫn và có kết cục xứng đáng.

Mục 3: HS có thể bày tỏ ý kiến cá nhân, đồng tình hoặc không đồng tình với điều tác giả bài thơ nhắn nhủ, gửi gắm: “Xin đừng trách Mị Châu thêm nữa – Yêu chân thành, thật có tội gì đâu?” nhưng cần phải đặt vào bối cảnh cụ thể của văn bản để có cách đánh giá toàn diện.

* Phiếu học tập số 6

HS tự thực hiện.



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

UY-LÍT-XƠ TRỞ VỀ

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS tự do chia sẻ cảm nhận về mảnh đất Hi Lạp cổ đại, "xứ sở của các vị thần" được gợi ra từ hình ảnh và phần trích dẫn mở đầu thiên sử thi của Hô-me (Homer).
Mục 2: HS giải ô chữ để tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm. Từ khoá của ô chữ là "Sức mạnh trí tuệ".

* Phiếu học tập số 2

Mục 1: HS tự tóm tắt văn bản theo gợi dẫn từng phần của phiếu học tập.
Mục 2: Có thể phân chia bố cục văn bản thành ba phần: Tác động của nhũ mẫu với Pê-nê-lốp (Penelope); Tác động của Tê-lê-mác (Telemachus) với Pê-nê-lốp (Penelope); Cuộc đấu trí giữa Uy-lít-xơ (Odysse) và Pê-nê-lốp (Penelope).
Mục 3: Văn bản được kể ở ngôi thứ ba, theo trật tự thời gian.
Mục 4: Nhân vật chính trong văn bản là Pê-nê-lốp (Penelope) và Uy-lít-xơ (Odysse). Họ được đặt vào trong tình huống thử thách phải xác nhận và chứng tỏ sự thật bằng sức mạnh bên trong – phẩm chất trí tuệ của mỗi cá nhân. Đây là điều không dễ dàng trong bối cảnh cánh cửa lòng của Pê-nê-lốp (Penelope) đã đóng chặt suốt 20 năm qua và nàng luôn luôn cảnh giác để phòng sẽ có những kẻ đem lời đường mật đến để lừa lọc. Người anh hùng Uy-lít-xơ (Odysse) đã từng chiến thắng trên chiến trường binh đao với mưu lược muôn vàn trí xảo mang tên "con ngựa gỗ thành Tơ-roa (Troie)" sẽ phải làm gì để có thể trở về đoàn tụ trong ngôi nhà yêu quý của mình? Người giúp họ giải quyết tình huống thử thách này không phải là thần linh, mà chính là trí tuệ sắc sảo của bản thân họ.

* Phiếu học tập số 3

Mục 1: Trước khi được nhũ mẫu báo tin chồng mình đã trở về, Pê-nê-lốp (Penelope) đang ở trong hoàn cảnh: Chồng nàng lên đường đã 20 năm bần bật không tin tức, 20 năm nàng đang chờ chồng. Trong lúc đó, 108 kẻ cầu hôn thuộc những gia đình quyền quý đang tìm cách quyến rũ nàng và rắp tâm chiếm đoạt tài sản gia đình. Cũng đã có những gia nhân phản bội chủ. Pê-nê-lốp (Penelope) đã phải nghĩ ra mưu kế "tắm tắm ngày dẹt đêm tháo" để đối phó với bọn cầu hôn và sự giục giã của cha mẹ nàng. Hoàn cảnh như vậy làm cho nàng luôn luôn phải thận trọng, để tâm, cảnh giác và suy xét mọi việc, kìm nén cảm xúc thực sự của lòng mình. HS thực hiện tương tự với các mục còn lại.

* Phiếu học tập số 4

Đây là hoạt động tưởng tượng sáng tạo để HS nhập vai, đưa nhân vật từ trang sách đến cuộc đời. HS có thể tưởng tượng phong phú và chia sẻ với nhân vật Uy-lít-xơ (Odysse) những thử thách mà họ đang phải đối mặt, ví dụ áp lực của các kì thi, các câu hỏi giáo viên đặt ra liên quan đến văn bản *Uy-lít-xơ trở về* mà họ đang đọc hiểu,... Các tình huống rất phong phú, gần với từng cá nhân người đọc. Tưởng tượng ra lời khuyên của Uy-lít-xơ (Odysse) dành cho mình để giải quyết các tình huống đó chính là cách HS hình dung và tạo ra những giả định cho việc giải quyết vấn đề. Chấp nhận các cách giải quyết khác nhau, miễn là có cơ sở và phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật.

RA-MA BUỘC TỘI

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS chia sẻ tự do quan niệm của cá nhân về người anh hùng.
Mục 2: HS tự thực hiện dựa trên các thông tin được cung cấp trong phần Tiểu dẫn.

* Phiếu học tập số 2

Mục 1: HS tự tóm tắt cốt truyện.
Mục 2: Các nhân vật trong đoạn trích gồm: Ra-ma (Rama), Xi-ta (Sita), Lắc-ma-na (Laksmana), dân chúng. Ra-ma (Rama) và Xi-ta (Sita) là vợ chồng. Mối quan hệ giữa Ra-ma (Rama) và đồng đảo dân chúng là mối quan hệ giữa người anh hùng và cộng đồng. Cốt truyện cho thấy Ra-ma (Rama) và Xi-ta (Sita) gặp nhau sau biến cố bị quỷ vương Ra-va-na (Ravana) bắt cóc, cuốn nàng trong vạc ảo đưa về đảo Lan-ka (Lanka). Nhờ sự giúp đỡ của tướng khỉ Ha-nu-man (Hanuman) và đoàn quân khỉ,



Ra-ma (Rama) đã tiêu diệt được kẻ thù, giải cứu Xi-ta (Sita), vợ chồng gặp lại nhau. HS dựa vào tri thức đời sống để phỏng đoán. Thông thường, trong cuộc sống, gặp lại nhau sau biến cố đó, những điều gì có thể xảy ra: mừng vui, trách móc, giận hờn, ghen tuông, trừng phạt,...

Mục 3: HS chỉ ra các chi tiết về không gian cụ thể trong văn bản. Không gian gặp gỡ được lựa chọn này cho thấy dường như Ra-ma (Rama) đang muốn chứng minh, chứng tỏ, công khai, minh bạch một điều gì đó. HS tự thực hiện các mục còn lại.

* Phiếu học tập số 3

Mục 1: Xi-ta (Sita) phải đối mặt với tình huống bị nghi ngờ lòng thủy chung, sự trong sạch, bị xúc phạm trước cộng đồng.

Mục 2: Nàng đã "mở tròn đôi mắt đầm lệ", "đau đớn đến nghẹt thở, như một dây leo bị vùi vùi quật nát", "Gia-na-ki (Gianaki) thấy xấu hổ cho số kiếp của nàng. Nàng muốn tự chôn vùi cả hình hài và thân xác của mình. Nước mắt nàng đổ ra như suối", "giọng nàng nghẹn ngào nức nở". HS tự thực hiện các mục còn lại theo gợi dẫn của phiếu học tập.

* Phiếu học tập số 4

HS tìm ra điểm giống nhau dựa trên một số gợi dẫn sau: Hai nhân vật Uy-lít-xơ (Odysse) và Ra-ma (Rama) nằm trong tác phẩm thuộc thể loại văn học nào? Có phải nhân vật anh hùng không? Có tiêu biểu cho vẻ đẹp của cộng đồng không? Được thể hiện bằng cảm hứng ngợi ca, tôn vinh hay cảm hứng khác? Có hành động tiêu diệt cái xấu, cái ác không?... Về điểm khác biệt, cần quan tâm các tác phẩm này thuộc về nền văn hoá nào, đặc điểm của nền văn hoá đó ảnh hưởng đến cách ứng xử của nhân vật ra sao? Điều gì được nhấn mạnh ở Uy-lít-xơ (Odysse), bốn phần, danh dự cá nhân hay trí tuệ? Điều gì được nhấn mạnh ở Ra-ma (Rama)? Tình huống thử thách của họ là gì?...

TẮM CÁM

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS chia sẻ tự do cảm xúc, ấn tượng của họ về thế giới cổ tích.

Mục 2: HS hoàn thành ô chữ để đọc và tìm hiểu chung về tác phẩm. Từ khoá của ô chữ là: "Ở hiền gặp lành".

* Phiếu học tập số 2

HS đọc văn bản và tự tóm tắt hành động của các nhân vật chính theo nội dung sự việc đã gợi dẫn. Từ đó, có thể tự tóm tắt thành lời văn bản.

* Phiếu học tập số 3

HS dựa vào các gợi dẫn sau để hoàn thành:

Truyện thể hiện mâu thuẫn giữa nhân vật Tắm và mẹ con Cám, xoay quanh những sự việc chính: *Cái yếm đỏ, Con cá bống, Đi xem hội, Tắm trở thành hoàng hậu, Tắm trở lại cung vua*; Mâu thuẫn xảy ra trong gia đình phụ quyền thời cổ: mâu thuẫn giữa di ghê >< con chồng; con đẻ >< con chồng. Mâu thuẫn diễn ra càng ngày càng mở rộng, quyết liệt và trở thành xung đột. (Mâu thuẫn trong gia đình đã mở rộng không gian ra ngoài xã hội. Mâu thuẫn ban đầu chỉ là sự đày đoạ, chèn ép của mẹ con Cám đối với Tắm, ở sự hơn thua về mặt vật chất và tinh thần của một gia đình nhỏ. Nhưng sau đó, mẹ con di ghê đã quyết tâm tiêu diệt Tắm đến cùng để giành lấy ngôi vị hoàng hậu. Đứng trước điều đó, Tắm từ thế bị động yếu ớt đã phải tự mình đứng lên quyết liệt đấu tranh giành lại sự sống và hạnh phúc của bản thân. Từ mâu thuẫn trong gia đình, tác giả muốn phản ánh mâu thuẫn thiện >< ác trong đời sống xã hội. Đây chính là bản chất xã hội của mâu thuẫn trong truyện *Tắm Cám*); Mâu thuẫn được giải quyết theo hướng: cái thiện thắng cái ác (Tắm trở thành hoàng hậu, mẹ con Cám bị trừng phạt). Đó là một kết thúc có hậu mà chúng ta luôn tìm thấy ở thế giới truyện cổ tích, đặc biệt là truyện cổ tích thần kì. Muốn thực hiện được điều đó, tác giả dân gian đã sử dụng những yếu tố thần kì → Qua cách giải quyết mâu thuẫn này chúng ta phần nào hiểu được quan niệm triết lí "Ở hiền gặp lành", "Ác giả ác báo" của nhân dân ta.

* Phiếu học tập số 4

Mục 1, 2, 3, 4, 5, 6: HS hoàn thành theo gợi dẫn sau: Phẩm chất của nhân vật Tắm: hiền lành, chăm chỉ, thật thà, chất phác;

Số phận: + Mồ côi cả cha lẫn mẹ;

+ Sống cảnh di ghê con chồng cay nghiệt;



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

+ Phải làm lụng vất vả;
+ Bị mẹ con Cám lừa gạt hết lần này đến lần khác: Bị lừa (lội ra chỗ sâu tắm gội, trút mắt giết tép) tước đoạt phần thưởng cái yếm đỏ; Bị lừa (đi chăn trâu đồng xa) giết cá bống – người bạn tâm tình của Tấm; Bị bắt ở nhà nhặt riêng thóc gạo, không cho đi xem hội);
Phản ứng của Tấm khi bị ức hiếp: khóc → tủi thân, thụ động, yếu ớt.
Kết thúc chặng đời đầu: Tấm đã đổi đời – từ một cô gái mồ côi trở thành hoàng hậu, giành được hạnh phúc. Đó là nhờ sự giúp đỡ của lực lượng thần kì: ông Bụt. Từ đó nhận thấy quan niệm của dân gian gửi gắm ở chặng đời thứ nhất của nhân vật cô Tấm: Người bất hạnh, thua thiệt, hiềm khích nhất định sẽ được đền bù, “ở hiền gặp lành” (sự đền bù, phần thưởng lớn nhất với một cô gái như Tấm là được làm hoàng hậu, vào cung, sống cuộc đời sung sướng. Với một chàng trai như Thạch Sanh, Sọ Dừa là được truyền ngôi vua, được làm quan to. Đó là cách truyện cổ tích đối đãi cho các nhân vật bất hạnh).

Mục 7: HS cảm nhận được sức sống của truyện cổ tích nằm trong trái tim nhân hậu của mỗi con người. Mỗi chúng ta đều có thể viết nên những trang truyện cổ tích trong cuộc sống muôn màu bằng tấm lòng nhân ái.

* Phiếu học tập số 5

Mục 1, 2, 3, 4: HS hoàn thành theo gợi ý dẫn sau: Tấm đã phải đối mặt với sự độc ác, quyết tâm huỷ diệt sự sống và hạnh phúc của cô từ mẹ con mụ dì ghẻ; Quá trình phản kháng của cô Tấm để giành lại sự sống và hạnh phúc: Hoá chim vàng anh → Cây xoan đào → Tiếng kêu của con ác trên khung cửi → Quả thị → Trở lại làm người, về cung, trừng phạt mẹ con Cám. → Tìm mọi cách tái sinh để trở lại cuộc đời, trở lại cung vua, giành lại sự sống, giành lại hạnh phúc, vạch mặt kẻ ác, không cho kẻ thù được sống yên ổn. Đó là tinh thần phản kháng mạnh mẽ, quyết liệt, chủ động, không cam chịu nhẫn nhục, thụ động như trước đây. → Trừng phạt mẹ con Cám: Đây là đỉnh cao nhất cho ý thức phản kháng của cô Tấm: trở lại làm người (giành sự sống), về cung (giữ hạnh phúc). Đây cũng là kết cục tất yếu quen thuộc của truyện cổ tích. Cái ác phải bị trừng trị đích đáng. → Làm được điều đó, Tấm không nhờ sự giúp đỡ của ông Bụt hay vật thần kì mà đã phát huy sức mạnh nội lực, thể hiện ở sự biến hoá thần kì. (Vai trò của lực lượng thần kì không mất đi mà được chuyển hoá từ sức mạnh trợ giúp bên ngoài thành sức mạnh nội lực bên trong của nhân vật.)

– Quan niệm, triết lí của tác giả dân gian:

+ Giữ sự sống, hạnh phúc:

• Giành được hạnh phúc đã khó nhưng giữ được hạnh phúc còn khó hơn nhiều.

• Hạnh phúc của mình phải tự mình chủ động, tự mình đấu tranh để bảo vệ.

• Hạnh phúc không phải ở kiếp sau hay ở một nơi xa xôi nào đó. Hạnh phúc tồn tại và cần giữ ở ngay chính cuộc sống thực tại.

• Vai trò của yếu tố phù trợ cũng có ý nghĩa nhất định nhưng nhân tố con người luôn giữ vị trí quyết định.

+ Thiện – Ác

• Trước những điều ác không thể hoá giải được, chúng ta cần phải có thái độ quyết liệt, dứt khoát, trừng trị tận gốc để cái ác không thể tồn tại.

Qua nhân vật cô Tấm, dân gian muốn khẳng định sức sống mãnh liệt của con người, của cái thiện (không một lực lượng thù địch nào có thể tiêu diệt được); người thiện không chịu khuất phục, đấu hàng cái ác, cái xấu và sẽ chiến đấu đến cùng để bảo vệ công lí.

Mục 5: Về kết thúc truyện, HS tự trả lời xem đó là kết thúc cần thiết hay không cần thiết, nên hay không nên. Nếu Tấm không trừng phạt mẹ con Cám thì câu chuyện có thể diễn biến tiếp nối như thế nào? Có người cho rằng với kết thúc này, cô Tấm không hiền như chúng ta nghĩ “Quả thị trừng của truyện cổ tích: chỉ có trừng phạt, không có trả thù. Trong quan niệm của dân gian, hiền là “Đi với Bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy”,...

* Phiếu học tập số 6

– Chi tiết kì ảo được sử dụng dày đặc trong truyện (đặc trưng của truyện cổ tích thần kì):

+ Sự xuất hiện và giúp đỡ của ông Bụt; của vật thần kì như cá bống, gà biết nói (bói xương giúp), đàn chim sẻ (nhặt thóc hộ), bộ xương cá bống (biến hoá thành đồ cho Tấm đi hội, chiếc giày).

+ Tấm tự mình hoá thân thành chim vàng anh, cây xoan đào, tiếng mỏ ác của khung cửi, cây thị, quả thị rồi biến hoá thành người.



- Vai trò của yếu thần kì:
- + Tạo tính hấp dẫn, li kì cho truyện (không khí cổ tích).
- + Tham gia phát triển cốt truyện, kéo căng mâu thuẫn xung đột của truyện (thúc đẩy sự đấu tranh đòi công lí, quyết tâm giành chiến thắng của cái thiện), giải quyết mâu thuẫn của truyện.
- + Thể hiện tinh thần lạc quan của nhân dân lao động và ước mơ công lí – thiện thắng ác.
- + Thể hiện một số quan niệm, triết lí của nhân dân ta: “Ở hiền gặp lành”, “Gieo nhân nào, gặt quả ấy”, “Gieo gió gặt bão”, “Đi với Bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy”.
- + Thể hiện giá trị thẩm mĩ nhất định.

HS tự do lựa chọn một chi tiết thần kì mà mình thấy thú vị và lí giải.

* Phiếu học tập số 7

HS kết nối thông điệp nghệ thuật trong văn bản với hiện thực đời sống để nhận ra sức mạnh, giá trị, ý nghĩa của tinh thần khi đối mặt với thử thách, tìm thấy cơ hội và hạnh phúc cho bản thân, truyền niềm tin và sự lạc quan cho mọi người. Từ đó nhận ra phép màu cổ tích trong cuộc đời được làm nên từ sự cố gắng, nỗ lực, vượt lên thử thách.

* Phiếu học tập số 8, 9

HS tự thực hiện.

TAM ĐẠI CON GÀ – NHƯNG NÓ PHẢI BẰNG HAI MÀY

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS nghe bài hát *Nụ cười* và chia sẻ tự do suy nghĩ của mình về giá trị của nụ cười trong cuộc sống.

Mục 2: HS hoàn thành ô chữ để tìm hiểu chung về tác phẩm. Từ khoá của ô chữ là: “Vũ khí của kẻ mạnh”. Ghéc-xen cho rằng “Tiếng khóc là vũ khí của kẻ mạnh – Tiếng cười là vũ khí của kẻ mạnh”. Quả vậy, chủ nhân của những tiếng cười dân gian là những người dân lao động yếu về địa vị, quyền lực, tiền tài, nhưng mạnh về đạo đức, lẽ phải, chân lí. Tiếng cười trong hành trang tinh thần của họ trở thành một thứ vũ khí để lột mặt nạ những cái xấu xa, để giải trí, đem lại niềm lạc quan cho con người trong cuộc sống.

* Phiếu học tập số 2

Mục 1: Yếu tố tiềm ẩn cái đáng cười trong phần một là sự mâu thuẫn “xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ” thích khoe khoang của anh học trò dốt. Thực vậy, dốt không phải là một tội, dốt ở học trò lại càng chưa phải là cái đáng cười. Chỉ khi dốt mà không chịu nhận là mình dốt, thích đội lốt khoe mẽ giỏi giang mới thực sự là đối tượng của cái cười phê phán. HS tự thực hiện các mục tiếp theo dựa vào gợi dẫn của phiếu học tập.

* Phiếu học tập số 3

Mục 1: Cái cười được tác giả dân gian “mai phục” trong phần một bằng cách: giới thiệu tên lí tưởng nổi tiếng xử kiện giỏi (gợi cho người đọc nhớ đến những kiểu xử kiện giỏi “quan thấy kiện như kiến thấy mỡ” ở làng quê xưa). Thấy nhận lễ lót tay của cả hai bên. Lễ biện nặng nề lại không giống nhau mà thấy thấy vẫn nhận tất, không phải bản khoản dẫn đo gì. Ngay ở những dòng đầu đã thấy quan “giỏi” ăn hối lộ. Nhưng vấn đề là quan sẽ “cầm cân nảy mực” ra sao để chứng tỏ cái giỏi của mình trong màn xử kiện cho đôi bên. Điều này tạo ra tâm thế hồi hộp, chờ đợi sự ra tay của thầy lí. HS thực hiện tương tự với các mục còn lại.

* Phiếu học tập số 4

HS tự thực hiện và diễn trên sân khấu lớp học.

CA DAO THÂN THÂN, YÊU THƯƠNG TÌNH NGHĨA

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: Hình ảnh trong phiếu học tập có thể gợi đến các lễ hội dân gian trên các vùng miền của đất nước ta. HS chia sẻ tự do việc tìm hiểu về một làn điệu dân ca truyền thống mà mình yêu thích.

Mục 2: HS hoàn thành ô chữ theo gợi dẫn để tìm hiểu chung về văn bản. Từ khoá của ô chữ là: “Tiếng tơ lòng”.



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

* Phiếu học tập số 2

Mục 1: Bài ca dao sử dụng thể thơ lục bát, là lời than thân của người phụ nữ. Tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp so sánh để diễn tả sự tự ý thức về vẻ đẹp và thân phận của người phụ nữ. HS làm tương tự với các bài còn lại.

Mục 2: Hình thức ngôn từ được lặp lại trong các bài ca dao là: Mô thức mở đầu "Thân em như" (Hoặc "Em như"), "Trèo lên", "Ước gì". Mỗi mô thức này thường gắn với một kiểu tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình trong các bài ca.

Mục 3: Các bài ca số 1, 2 thuộc chủ đề than thân. Bài số 3 thuộc cả hai chủ đề than thân và tình nghĩa. Bài 4, 5 thuộc chủ đề yêu thương tình nghĩa.

Mục 4: HS phát biểu tự do ấn tượng của cá nhân về các bài ca dao.

* Phiếu học tập số 3

Mục 1: Hình thức mở đầu "Thân em như..." được lặp đi lặp lại ở các bài ca dao có chủ đề than thân của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa. Nó thường là tiếng thở than, nỗi lòng đầy tâm trạng về thân phận phụ thuộc, không được quyền quyết định điều gì cho cuộc đời mình. Đó là "lời chung", sự tự ý thức về số phận nhỏ bé, yếu ớt, tội nghiệp, đắng cay được gửi gắm trong mỗi bài ca. Từ lời chung đó, mỗi bài ca cho thấy một khía cạnh, một nỗi niềm.

1a. Hình ảnh so sánh "tắm lụa đào" gợi lên sự tự ý thức của người con gái về vẻ đẹp, tuổi xuân và giá trị của mình. Đây là lúc người phụ nữ bước vào giai đoạn đẹp đẽ, trẻ trung, sôi nổi nhất của cuộc đời.

1b. Nhưng ngay sau đó, dòng thơ thứ hai lại là một sự tự nhận thức đau xót. Người con gái chưa kịp bộc lộ niềm tự hào, hãnh diện về vẻ đẹp và giá trị của mình thì nỗi lo thân phận ập đến. Cụm từ "phất phơ giữa chợ" cho thấy tắm lụa đào chỉ là món hàng trao đổi bán mua, "phất phơ", bất trắc không biết mình sẽ vào tay ai, người nâng niu, yêu thương trân trọng hay kẻ tục tử phạm phu.

1c. Tâm trạng lo lắng, đau xót của người con gái ấy xuất phát từ bối cảnh xã hội xưa, người phụ nữ không có quyền tự chủ để tự quyết định được cuộc đời của mình, số phận bị phụ thuộc "rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn",...

HS làm tương tự cho mục 2, 3.

Mục 4: Các bài ca dao này có thể gợi đến những bài thơ khác của Hồ Xuân Hương như: *Bánh trôi nước*, *Lấy lẽ*,... HS chọn để ghi lại một vài câu thơ tiêu biểu.

* Phiếu học tập số 4

3a. HS có thể sưu tầm các bài ca dao như: "Trèo lên cây bưởi hái hoa – Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân – Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc – Em có chồng rồi anh tiếc lắm thay – Ba đồng một mó trâu cay – Sao anh không hỏi những ngày còn không – Bây giờ em đã có chồng – Như chim vào lồng như cá cắn câu – Cá cắn câu biết đâu mà gỡ – Chim vào lồng biết thuở nào ra". Hoặc "Trèo lên cây gạo cao cao – Thấy cây gỗ mục càng bào càng bong – Trách người làm mối không xong – Để cho đôi lứa long đong thế này",... Những bài ca dao có kiểu diễn đạt lặp lại này thường là lời của các chàng trai chưa xót vì lỡ duyên.

3b. Tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp chơi chữ: khế chua – lòng này chua xót để biểu đạt nỗi lòng da diết, buồn tiếc, xót xa của chàng trai. Lời hỏi "Ai làm chua xót lòng này khế ơi" cũng là lời bộc bạch, lời trách móc. Đại từ "ai" phiếm chỉ, trong ngữ cảnh của bài ca, "ai" ấy là một lực lượng nào đó có đủ quyền năng để đẩy đôi lứa vào tình cảnh yêu nhau mà chẳng lấy được nhau. Trong xã hội phong kiến xưa, "ai" có thể là bố mẹ "đặt đầu con ngồi đấy", là xã hội phong kiến toả chiết tình yêu và hôn nhân tự do nói chung.

3c. Bài ca dao đã sử dụng các hình ảnh so sánh "Ta như sao Vượt chờ trăng giữa trời", ẩn dụ: "mặt trăng", "mặt trời", "sao Hôm", "sao Mai". Đây đều là các hình ảnh thuộc về thiên nhiên, vũ trụ vĩnh hằng. Các hình ảnh này vừa đối lập nhau lại vừa gắn bó với nhau. Nó cho thấy cảnh ngộ nặng nề của hai người, Bài ca cho thấy chàng trai đau rất đau khổ, chua xót vì lỡ duyên song cũng rất mực chung tình tha thiết. HS thực hiện các mục còn lại trong phiếu học tập.

* Phiếu học tập số 5

– Trong các câu ca dao được dẫn ra, dòng sông gợi lên sự xa cách, cây cầu biểu thị ước mơ được nối kết, gắn bó, trở thành tín hiệu bộc lộ ước mơ được sánh đôi cùng nhau của các chàng trai cô gái dân gian xưa. Điểm đặc biệt của cây cầu trong bài ca dao số 5 là nó rất riêng tư, rất nữ tính, duyên thầm mà cũng vô cùng táo bạo, hiện đại. Cây cầu không được mượn từ những yếu tố



bên ngoài như: cành hồng, cành trầm, ngọn mừng toi, hay sợi chỉ,... Nó là dải yếm, vật gắn bó gắn gũi, rất kín đáo của người con gái. Nó cho thấy tình cảm mãnh liệt, táo bạo mà cũng trữ tình, ý nhị trong lòng người con gái xưa khi đến với tình yêu.

HS tự thực hiện các mục còn lại.

CA DAO HÀI HƯỚC

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: Hình ảnh trong phiếu học tập gợi đến bài ca dao *Thằng Bờm*.

Mục 2: HS hoàn thành ô chữ theo gợi ý. Từ khoá của ô chữ là: "Tâm hồn lạc quan".

* Phiếu học tập số 2

Mục 1: Nhân vật trữ tình trong bài ca dao là chàng trai và cô gái. Đây là lời dẫn cưới của chàng trai và lời thách cưới của cô gái vô cùng thú vị, dí dỏm.

Mục 2: Các biện pháp nghệ thuật được sử dụng để tạo ra tiếng cười trong bài ca: Lối nói khoa trương phóng đại khi tưởng tượng ra một lễ dẫn cưới sang trọng, linh đình của chàng trai; Lối nói giảm dần; Cách nói đối lập; Sử dụng chi tiết hài hước. Qua đó có thể thấy đây là một chàng trai nghèo nhưng lạc quan, biết tạo ra tiếng cười thú vị, dí dỏm để thuyết phục cô gái,...

Mục 3: Trong lời thoại đáp lại, cô gái cũng sử dụng nghệ thuật tạo tiếng cười bằng cách nói giảm dần: củ to → củ nhỏ → củ mẻ → củ rím → củ hà; Cách nói đối lập: lợn gà / nhà khoai lang và đón bởi "ý nàng" rất đồng điệu, cùng một nhịp cười vui tươi, khoẻ khoắn, trong sáng, hồn nhiên. Lời thách cưới của cô gái thật vô tư, ẩn chứa thông điệp: cô đến với anh vì tình nghĩa chứ không phải vì của cải...

Mục 4: Người dân lao động xưa đã tự cười vui trước cảnh nghèo của bản thân mình. Họ lại chọn đúng chuyện tổ chức cưới xin, thách cưới, dẫn cưới để cười vui. Lời đối đáp của đôi nam nữ trong ca dao đã thể hiện tâm hồn yêu đời, lạc quan và bản lĩnh, triết lí sống của người bình dân xưa. Họ đã vượt lên trên cảnh nghèo để sống vui, biết "thi vị hoá", hài hước hoá cái nghèo, trọng nghĩa tình hơn của cải,...

Mục 5: HS có thể sưu tầm các câu ca dao hài hước khác về chuyện cưới hỏi, ví dụ: "Cưới em có cánh con gà – Có dăm sợi bún có vài hạt xôi – Cưới em còn nữa anh ơi – Có một đĩa đậu hai môi rau cần – Có xa dịch lại cho gần – Nhà em thách cưới có ngần ấy thôi – Hay là nặng lắm anh ơi – Để em bớt lại một môi rau cần",...

* Phiếu học tập số 3

Mục 1: Người nói trong bài ca dao số 2 thuộc ngôi thứ ba (một người bình dân nào đó đang nói với chúng ta về cái sự hài hước của một kẻ làm trai yếu đuối thảm hại). Trong bài số 3 là lời cảm cảnh của người vợ; Người nói trong bài ca dao số 4 có thể là ngôi thứ ba, cũng có thể là lời "tự trào" của người vợ được "chồng yêu" dù rất nhiều thói vô duyên, đồng hĩnh. Hai bài đầu cười những kẻ làm trai không đáng mặt nam nhi, yếu đuối và quần quanh xó bếp, không khát vọng, hoài bão. Bài thứ ba cười người phụ nữ vô duyên, thô kệch.

Mục 2: HS tự thực hiện.

Mục 3: Nếu hiểu người nói trong bài ca dao này là người vợ thì sự thú vị trong tiếng cười ở đây là ở sắc thái "tự trào" đầy tự tin của người nói. Người phụ nữ đã nói quá, tô đậm lên những thói hư tật xấu của bản thân, cốt là để "khoe", để "hãnh diện" niềm hạnh phúc được "chồng yêu" của mình.

Mục 4: Đặt trong bối cảnh xã hội phong kiến vốn trọng nam khinh nữ, tiếng cười trong các bài ca dao như một cách "hạ bệ" các "đấng", "bậc" vốn luôn được đề cao và thường chỉ hiện ra ở vẻ đường bệ, trang trọng của nó. Bài ca dao số 4, nếu hiểu là lời của người phụ nữ thì điểm thú vị là ở chỗ, chê, tự chê nhưng thật ra là tự hào, tự tin, tự hãnh diện,... cũng là điều rất hiếm thấy trong quan niệm của xã hội phong kiến về người phụ nữ. HS có thể liên hệ đến một số bài thơ của Hồ Xuân Hương, ví dụ: "Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo – Kia đến thái thú đứng cheo leo – Ví đây đôi phạm làm trai được – Thì sự anh hùng há bấy nhiêu", hoặc "Khéo khéo đi đâu lữ gác ngõ – Lại đây cho chị dạy làm thơ – Ong non ngựa nọc chằm hoa rữa – Dê con buồn sừng húc đậu thưa",...

* Phiếu học tập số 4

HS tự thực hiện.



TỎ LÒNG (Thuật hoài)

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS tìm hiểu câu chuyện về người đàn sọt làng Phù Ủng để hiểu về danh tướng Phạm Ngũ Lão.

Mục 2: HS hoàn thành ô chữ theo gợi ý. Từ khoá của phiếu học tập là: "Hào khí Đông A".

* Phiếu học tập số 2

Mục 1: Bài thơ được viết bằng chữ Hán, thể thơ thất ngôn tứ tuyệt.

Mục 2: Nhân vật "tỏ lòng" trong bài thơ là cái tôi trữ tình Phạm Ngũ Lão.

Mục 3: Một số điểm dịch chưa sát nghĩa so với phiên âm: "Hoành sóc" (dịch là "múa giáo"), "Tam quân tì hổ".

Mục 4: Có thể chọn cách phân chia bố cục bài thơ theo cấu trúc: 2 câu đầu tập trung thể hiện vẻ đẹp của hình tượng người trai đời Trần cùng hào khí "ba quân", 2 câu sau thể hiện nỗi lòng của người anh hùng với chí, tâm lớn lao cao cả.

* Phiếu học tập số 3

HS dựa vào các gợi ý sau để hoàn thành phiếu học tập: Bút pháp thể hiện trong bài thơ thiên về gợi là chính. Chỉ qua một vài đường nét kì vĩ, hoành tráng, tác giả đã gợi lên trong cảm nhận của mỗi chúng ta về hình ảnh người anh hùng vệ quốc đời Trần và sức mạnh hào hùng của đội quân gồm lớp lớp những tráng sĩ có khí thế xung thiên như vậy. Đó là một tư thế vững chãi, kiên cường, xứng đáng với nhiệm vụ trấn giữ đất nước. Nội lực mãnh mẽ của hình tượng toả ra từ tư thế "cầm ngang ngọn giáo" (hoành sóc) rất quyết đoán, chắc chắn, không giống như trong bản dịch thơ - hai chữ "múa giáo" dường như thiên về phô trương, biểu diễn nhiều hơn. Hãy để ý đến kích cỡ của cây giáo trong tay người tráng sĩ. Ất hẳn đó là ngọn trường giáo bởi nó được đo bằng chiều dài của cả giang sơn. Với ngọn giáo non sông, tráng sĩ đời Trần mang trong mình nhiệm vụ cao cả: trấn giữ đất nước, luôn luôn thường trực cao độ ý thức trách nhiệm, "mấy thu" qua, bao năm rồi mà vẫn không hề mỏi mệt, không hề sao nhãng. Tư thế, tầm vóc của con người quả thực sánh ngang trời đất, thậm chí như ôm trùm cả trời đất. Không gian và thời gian dài rộng, kì vĩ trở thành một tấm phòng vũ trụ tồn tại đáng khiếp sợ của con người thời đại Đông A.

+ Con người nào làm nên thời đại ấy. Đây là khí thế, sức mạnh cuộn cuộn toả ra từ nội lực của một đội quân: "Ba quân hùng khí nuốt trôi trâu". "Ba quân" ở đây không chỉ là tiền quân, trung quân, hậu quân như cách bài binh bố trận của người xưa mà để chỉ quân đội thời Trần nói chung, cũng là sức mạnh của cả dân tộc trong cuộc kháng chiến nhân dân trường kì, phi thường mà vua tôi nhà Trần đã lãnh đạo. Thủ pháp so sánh tô đậm ấn tượng về sức mạnh vật chất, cụ thể của đội quân ấy - dũng mãnh như hổ báo, nuốt trôi trâu. Đỗ Phủ xưa nói "Tiểu nhi ngũ tuế khí thôn ngư" (Trẻ nhỏ năm tuổi đã có khí thế nuốt trôi) là một thông báo. Câu thơ của Phạm Ngũ Lão lại có sức gợi về khí thế hùng dũng đang cuộn cuộn dâng lên của "ba quân". Còn có một cách hiểu nữa về câu thơ này: sức mạnh của ba quân lớn lao, phi thường đến nỗi át cả sao Ngưu. Dù cảm nhận ý thơ theo cách nào thì ấn tượng nổi bật với người đọc vẫn là khí lực hào hùng của quân đội nhà Trần trong công cuộc vệ quốc vĩ đại.

+ Hai câu thơ đã làm sống dậy hào khí của một thời đại anh hùng, hay chính là hào khí Đông A với tiếng hô "Sát Thát" hào sảng, âm vang, trầm hùng đã nâng cánh cho sự tưởng tượng về bức tượng đài kì vĩ, hoành tráng của người anh hùng và quân dân nhà Trần. Ngọn giáo trong tay tráng sĩ quả thực đã chiến đấu không mệt mỏi, luôn luôn thường trực suốt ba cuộc kháng chiến chống giặc Mông - Nguyên. Hãy nhìn lại lịch sử để thêm cảm phục cái sức mạnh như hổ báo nuốt trôi trâu ấy đã trả lời đồng dạng ra sao trước một đội quân xâm lược hung bạo với cơn lốc thôn tính quét từ tây sang đông làm khiếp sợ cả những quốc gia rất mực hùng cường mà ngay chớp mắt đây thôi là nhà Nguyên ở phương Bắc. Bằng sức mạnh ấy, hùng khí ấy, cả ba lần vó ngựa xâm lăng đặt chân đến đất nước này đều phải trở gót quay lui, thất bại thảm hại. Bằng sức mạnh ấy, tráng sĩ và ba quân đời Trần đã thực hiện được ước nguyện ngàn đời: "Non sông nghìn thuở vững âu vàng".

+ Vậy Phạm Ngũ Lão muốn nói gì với chúng ta qua hai câu thơ "tỏ lòng"? Phải chăng là sự khẳng định về ý thức trách nhiệm của trang nam nhi đối với Tổ quốc? Phải chăng còn là niềm tự hào mạnh mẽ như đang cuộn cuộn dâng lên đến tận trời xanh khi chúng kiến tư thế, tầm vóc của cả dân tộc đối mặt với cơn phong ba lịch sử? Và phải chăng còn là sự mãn nguyện, đắc ý vì



đã làm trọn bốn phận của bậc anh hùng, có thể thành thời, thư thái, nhàn tâm? Nếu như vậy, hẳn *Tỏ lòng* không kết thúc bằng những câu thơ như thế này: "Công danh nam tử còn vương nợ – Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu".

* Phiếu học tập số 4

HS dựa vào gợi ý sau để hoàn thành: "Nợ công danh" là chí làm trai theo tinh thần của Nho giáo: lập công (để lại sự nghiệp), lập danh (để lại tiếng thơm). Đó là lí tưởng chung của bậc nam nhi nghĩa vụ đối với cuộc đời, với dân, với nước, không đơn thuần chỉ là chuyện lập công trạng để giúp vua, giúp nước. Thời bình, công danh là "nợ thi thư", học hành, thi cử, đỗ đạt, ra làm quan để "hang beo". Chẳng thế mà sau này Nguyễn Công Trứ tâm niệm "Không công danh thà nát với cỏ cây", "Vòng trời đất dặc ngang ngang dặc – Nợ tang bồng vay giả giả vay" hay "Đã mang tiếng ở trong trời đất – Phải có danh gì với núi sông",...

Câu thơ "Công danh nam tử còn vương nợ" cho thấy mỗi bản khoản thường trực của tác giả về nghĩa vụ của mình đối với dân tộc, bấy nhiêu điều đã làm cho dân, cho nước dường như là vẫn chưa đủ, chưa thỏa,... Không chỉ "còn vương nợ", cảm thấy bận tâm, bận lòng thôi đâu. Còn là nỗi "thẹn" nữa khi nhắc đến điều này: "Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu". "Thẹn" là trạng thái cảm xúc tự soi vào bản thân mà nhận ra ở mình có điều gì đó không nên không phải, thấy tự xấu hổ. Ai trong chúng ta chẳng từng có lúc thấy thẹn thùng như vậy, nhưng mấy ai có được nỗi thẹn như tác giả bài thơ *Tỏ lòng*. Tầm vóc của nỗi thẹn ấy, nhân cách của nỗi thẹn ấy hiện ra qua bản thân người thấy thẹn và "chuẩn mực" mà người đó hướng đến để tự soi mình. Nỗi thẹn trong bài thơ xuất phát từ một con người thường trực trách nhiệm đối với đất nước. Từ một chàng trai đan sọt làng Phù Ủng mãi mê suy ngẫm chuyện thời thế, Phạm Ngũ Lão được Trần Hưng Đạo đưa về làm gia khách, rồi giữ đội quân hữu vệ. Ông cũng tham gia và lập chiến công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên, là một võ tướng tài ba của nhà Trần, làm đến chức Điện suý, được phong tước quan Nội hầu. Nỗi thẹn xuất phát từ một người như thế hẳn không bé nhỏ, bình thường chút nào. Hơn nữa, trong bài thơ này, người mà Phạm Ngũ Lão tự thấy mình còn phải thẹn thùng, chưa xứng tầm là Vũ hầu Gia Cát Lượng, tức Khổng Minh. Đây là nhân vật thời Tam quốc, có tài mưu lược, lập công trạng to lớn trong việc giúp Lưu Bị khôi phục nhà Hán. Chính vì thế mà Lưu Bị đã "tam cố thảo lư", ba lần đến lều tranh để mời ông về giúp. Khổng Minh từ một người áo vải, chốn lều tranh được Lưu Huyền Đức tin dùng mà tận lòng vì cơ đồ nhà Hán, cũng giống như Phạm Ngũ Lão được Trần Quốc Tuấn tin cần mà tận trung báo quốc vậy. "Chuẩn mực" hướng đến trong nỗi thẹn ở vị võ tướng tài ba đã nâng tầm cho nỗi thẹn ấy. Đó là cái thẹn cao cả của một nhân cách lớn. Nỗi thẹn đó giúp con người không dừng lại, tự thỏa mãn đắc ý với bản thân mà luôn luôn hướng về phía trước, quyết tâm thực hiện lí tưởng. Mới hiểu vì sao thời đại nhà Trần lại có thể làm nên những chiến công vang dội lẫy lừng như vậy trong lịch sử. Mới hiểu vì sao những nhân cách lớn thường tự thẹn với bản thân – Nguyễn Khuyến thẹn trước đất trời vì "Ơn vua chưa chút báo đền – Cúi trông hổ đất ngẩng lên thẹn trời" hay "Nhân húng cũng vừa toan cất bút – Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào"; Phan Bội Châu "Thẹn cùng sông, buồn cùng núi, tủi cùng trăng",... Dù nỗi niềm, tâm trạng và thời đại có khác nhau, nhưng tựu trung đều là những nỗi thẹn thuộc phạm trù cái cao cả.

* Phiếu học tập số 5

Đoạn văn cần trình bày được quan điểm của bản thân (đồng ý hay không đồng ý) và lí giải được. Chú ý giải thích được thế nào là tự hào về bản thân, thế nào là xấu hổ. Tại sao tự hào về bản thân là cần thiết? Tại sao biết xấu hổ lại quan trọng hơn? Trải nghiệm cá nhân trong việc tự hào về bản thân và xấu hổ đã giúp chúng ta lớn lên như thế nào trong cuộc sống?...

CẢNH NGÀY HÈ (Bảo kính cảnh giới)

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: Hình ảnh trong phiếu học tập gợi nhắc về mùa hè. HS tự do chia sẻ ấn tượng nổi bật của bản thân.

Mục 2: Từ khoá của ô chữ là: "Thơ Nôm Đường luật".

* Phiếu học tập số 2

Mục 1: Bài thơ được viết bằng chữ Nôm.



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

Mục 2: Thể thất ngôn xen lục ngôn. Các dòng thơ 6 chữ thường tạo ra nhịp thơ linh hoạt hơn trong khuôn khổ truyền thống của thơ thất ngôn. Trong chính thể bài thơ, dòng 6 chữ trở thành một câu độc lập, thường là điểm tập trung thể hiện nội dung tư tưởng của tác phẩm.

Mục 3: Người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ là cái tôi trữ tình tác giả.

Mục 4: Có thể phân chia bố cục: 6 câu đầu tập trung thể hiện bức tranh cảnh ngày hè trong cảm nhận của nhà thơ; 2 câu kết bộc lộ niềm mong ước thiết tha của tác giả. 5) Bài thơ có thể ngắt nhịp như sau: 1/2/3; 4/3; 3/4; 3/4; 4/3; 4/3; 4/3; 3/3.

* Phiếu học tập số 3

HS dựa vào những gợi ý sau đây để hoàn thành phiếu học tập:

+ Bức tranh thiên nhiên cảnh ngày hè được cảm nhận từ tâm thế của một người an nhàn, rảnh rỗi, có cả một "ngày trường" – ngày dài để vui vầy cùng thiên nhiên tạo vật. Tâm hồn thư thái ấy ngay từ những dòng đầu tiên đã dành trọn cho thiên nhiên, bởi xưa nay cỏ cây non nước đã bầu bạn cùng người (Non nước cùng ta đã có duyên). Câu thơ 6 chữ trong chính thể bài thất ngôn gợi ra ở người đọc ấn tượng có lẽ đây là khoảng thời gian rất hiếm hoi, ít ỏi trong cuộc đời Ước Trai, một con người tâm không nhàn mà thân cũng chẳng nhàn.

+ Cảnh vật hiện ra trong bức tranh mang sức sống mãnh liệt. Các nhà thơ xưa khi đến với thiên nhiên thường bằng bút pháp vịnh. Nguyễn Trãi ở đây lại thiên về tả. Một bức tranh có đường nét, màu sắc, âm thanh, hương vị, có thiên nhiên và cuộc sống con người. Màu xanh đậm của tán hoè giương bóng xanh rợp mắt. Màu đỏ của dòng lửa lựu nổi bật giữa sắc xanh kia. Màu hồng của sen trong ao đang đến độ nứt hương. Màu vàng của ánh nắng chiếu chiếu từ trên lầu cao vọng xuống tiếng ve râm ran, "đắng đời". Âm thanh của tiếng đàn thiên nhiên (cầm ve). Âm thanh của cuộc sống con người (Lao xao chợ cá làng ngư phủ). Và cả âm thanh ngân lên từ ước mơ, tâm nguyện của trái tim Ước Trai dành cho cuộc sống ấy nữa – tiếng đàn ngợi ca cảnh đời thái bình, đất nước thịnh trị, nhân dân ấm no, hạnh phúc.

+ Ấn tượng nổi bật trong bức tranh ấy là đặc trưng, là sắc "hè" của nó. Người ta thường nói thơ văn trung đại do đặc điểm ước lệ, tượng trưng mà thường thiên về cách cảm nhận mang màu sắc sách vở, đẹp nét cổ điển muôn đời. Phải vậy chăng nên thi nhân xưa thường tâm đắc với mùa thu mà ít khi miêu tả mùa hè. Trong bức tranh này thì khác. Cảnh vật đầy sức sống, mạnh mẽ và mãnh liệt vô cùng. Dòng nhựa sống trong lòng tạo vật như "phát tiết" "đùn đùn" mà xanh, dào dạt mà "phun", ngào ngạt mà nứt. Cả câu chữ dường như cũng bị cuốn theo, bị "đội" lên, bị "trào" ra bởi cái dòng nham thạch của nhựa sống hoá thành sắc màu, thành tán, thành luồng. Cảnh thiên nhiên không hề tĩnh tại mà vận động mạnh mẽ theo chiều hướng "cháy hết mình" của tạo vật khi mùa hè đến. "Thức đỏ" không chỉ là màu sắc mà còn là màu vẽ, dáng vẽ nữa. Cái đẹp của "Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ" là ở chỗ thiên về miêu tả sức sống mạnh mẽ của thiên nhiên. Trong câu thơ viết về mùa hè sau này (Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông), Nguyễn Du lại thiên về tả hình sắc, chấm phá.

Thơ viết về mùa hè ngay từ thời Hồng Đức đã rất dân dã, Việt Nam:

"Nước nông sừng sực đầu rô trôi

Ngày nắng chang chang lưỡi chó lè"

(Lại vịnh nắng mùa hè – Bài 3)

Ở thơ Nguyễn Trãi, cái phần mộc mạc, thô ráp trong cách miêu tả, sử dụng câu chữ ấy đã được thay thế bởi sự giao cảm mạnh mẽ mà rất đối tinh tế của tâm hồn thi nhân. Nó cho thấy tâm hồn yêu thiên nhiên, yêu đời, yêu cuộc sống tha thiết của nhà thơ.

* Phiếu học tập số 4

HS dựa vào gợi ý sau để hoàn thành phiếu học tập: Bài thơ khép lại bằng tâm nguyện của tác giả:

Để có Ngu cầm đàn một tiếng

Dân giàu đủ khắp đòi phương

Ông ước ao có được cây đàn của vua Ngu Thuấn – một ông vua trong thần thoại Trung Quốc từng trị vì triều đại lí tưởng, đất nước thái bình thịnh trị, nhân dân yên vui, thuận hoà. Khúc hát đúng lúc – Làm cho dân ta thêm nhiều của cải". Thế là đã rõ. Điểm kết lại trong thơ Ước Trai, tâm nguyện của ông đều là vì dân, vì nước. Mong mỏi của ông là "Vua Nghiêu Thuấn, dân Nghiêu Thuấn – Đường ấy ta đã phỉ sở nguyên" (Tự thán – Bài 4). Niềm vui của ông là "Sách một hai phiên làm bầu bạn – Rượu năm ba chén đổi công danh – Ngoài chung phận ấy cầu đâu nữa – Cầu một: ngồi coi



thái bình" (Tự thán – Bài 10). "Thông thường khi nói tới người dân, thơ Nguyễn Trãi vẫn đem nỗi lo âu, trở trăn, dằn vặt. Bởi lẽ, với Ước Trại, "dân" là món nợ suốt đời ông chưa trả. Chỉ trong trường hợp ông nói đến dân với tất cả niềm hân hoan mãn nguyện: khi chiến thắng kẻ thù, nhân dân được giải phóng và khi chiến thắng đói nghèo, nhân dân được yên vui, no đủ. Thơ lục ngôn kết lại ngắn gọn, cô đúc tâm huyết ấy, khát vọng ấy. Lí tưởng "dân giàu đủ khắp phương" của Nguyễn Trãi mang ý nghĩa thâm mĩ và nhân văn sâu sắc.

* Phiếu học tập số 5

HS cần bộc lộ được cảm xúc chân thành, biết chia sẻ, đồng cảm và suy nghĩ về những hành vi thiết thực của bản thân khi chứng kiến bức tranh đời sống được gợi lại qua một số bức ảnh cuộc sống của người dân vùng núi phía Bắc trong cơn lũ quét.

* Phiếu học tập số 6

HS có thể diễn đạt theo các cách thức khác nhau, chỉ cần đảm bảo thông tin, thể hiện và lí giải quan điểm cá nhân là đạt yêu cầu tối đa.

Mục 1: Người bày tỏ cảm xúc trong bài thơ là cái tôi trữ tình tác giả. Cảm xúc được bày tỏ trong cảnh Ước Trại đã chọn lối sống nhàn cho bản thân mình.

Mục 2: Các dòng thơ sáu chữ: 3, 4, 8. Tác dụng: nhấn mạnh sự lựa chọn cuộc sống gắn bó với thiên nhiên và tấm lòng trung hiếu sắt son của tác giả.

Mục 3: Đối câu 3 – 4; 5 – 6.

Mục 4: – Không gian thôn quê dân dã với ruộng đồng, ao hồ, dòng sông, mái nhà,...

– Hành động của con người: vớt bèo, cấy ruộng, phát cỏ, ương sen $\Rightarrow$ giản dị, yêu và sống gần với thiên nhiên, coi thiên nhiên là bầu bạn,...

– Các hình ảnh "kho", "thuyền" ẩn dụ cho tâm hồn, hồn thơ Ước Trại. Đó là tâm hồn yêu thiên nhiên, mở rộng cánh cửa tâm hồn mình cho thiên nhiên tạo vật,...

Mục 5: HS ghi lại được 2 câu kết trong bài *Cảnh ngày hè*. Qua đó thấy được tấm lòng trung hiếu, dân ái quốc của tác giả.

Mục 6: HS bày tỏ ý kiến cá nhân và lí giải hợp lí.

NHÀN

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS chia sẻ tự do về lối sống hướng tới của cá nhân.

Mục 2: HS tự thực hiện căn cứ vào các thông tin giới thiệu về tác giả, tác phẩm trong SGK.

* Phiếu học tập số 2

Mục 1: Bài thơ được viết bằng chữ Nôm.

Mục 2: Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

Mục 3: Có thể chọn cách ngắt nhịp sau đây: 2/2/3; 2/5 (hoặc 2/2/3); 2/5; 2/5; 1/3/1/2; 1/3/1/2; 3/3; 2/5. Cách ngắt nhịp thường dựa trên một số căn cứ như: nhịp ngắt quen thuộc của thể thơ thất ngôn; sự gợi dẫn của dấu câu; sự cảm nhận về cảm xúc, thông điệp chủ thể trữ tình thể hiện trong văn bản. HS dựa vào các căn cứ này để lí giải việc ngắt nhịp bài thơ.

Mục 5: Bài thơ có thể được phân chia bố cục theo bố cục của một bài Đường luật (đề, thực, luận, kết). HS chỉ ra nội dung chính của từng cặp câu thơ.

* Phiếu học tập số 3, 4

HS dựa vào các gợi ý sau để hoàn thành sơ đồ trong phiếu học tập:

– Nhàn là "Một mai, một cuốc, một cần câu" trở về với cuộc sống thuần hậu, chất phác của một nông tri điền" đào giếng lấy nước uống, cày ruộng lấy cơm ăn (tác tình cảnh điền). Con người thức có danh vọng đương thời đã tìm thấy niềm vui trong công việc lao động, làm bạn với cuộc sống giản dị nơi thôn dã. Mai để đào đất, cuốc để xới vun và cần câu để câu cá. Cách dùng liên tiếp danh từ kết hợp với số từ "một" đứng đầu cho thấy thứ gì cũng đã có, đã sẵn sàng. Những vật dụng gắn với công việc lấm láp, vất vả của người nông dân lao động đi vào trong thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm có cái thanh nhàn, thư thái riêng của một người tự tại, có thể làm gì tùy theo sở thích cá nhân. Mai, cuốc, cày,... là để: "Cày mây, cuốc nguyệt, gánh yên hà – Nào của nào chẳng phải của ta?" (sơ Nôm, bài 17).



– Con người đã tìm thấy niềm vui, sự ưng ý, thanh thản trong cuộc sống đó “Thơ thần dầu ai vui thú nào”. Hai chữ “thơ thần” là trạng thái thành thời, “vô sự”, trong lòng không còn gợn chút cơ mưu tư dục của con người. Trong tương quan với “thú nào” của “ai” kia, nhàn đã trở thành một thú có dư vị và sự hấp dẫn riêng đối với nhà thơ, tạo nên âm điệu chung cho cả tác phẩm: nhẹ nhàng, lâng lâng: “Thanh nhàn ấy ắt là tiên khách – Được thú ta đã có thú ta” (Bài 31).

– Và nhàn là “Rượu, đèn cội cây, ta sẽ uống – Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao”. Không chỉ xa lánh danh lợi mà dường như còn cười cợt cả cái chốn lao xao lo giành giật nó, rốt cuộc chỉ như giấc mơ dưới gốc cây hòe. Hai chữ “nhìn xem” biểu hiện một thể đứng cao hơn, dường như đã tiên liệu ngay từ khi lựa chọn lối sống của một người tự cho mình là “dại”. Nhịp ngắt 2/5 của câu thơ cuối cùng gợi cảm nhận phú quý chỉ như một giấc mơ dài mà thôi. Đúng là “Danh lợi lằng lằng gió thổi hoa”!

*** Phiếu học tập số 5**

Mục 2: Nhân là hoà hợp với tự nhiên, giữ cốt cách thanh cao vượt lên danh lợi.

ĐỌC TIỂU THANH KÍ (Độc Tiểu Thanh kí)

*** Phiếu học tập số 1**

Mục 2: HS hoàn thành ô chữ theo gợi ý dẫn để thu được hiểu biết chung về tác giả, tác phẩm. Từ khoá của ô chữ là: "Lời rằng bạc mệnh". Từ khoá gợi nhắc đến câu thơ trong *Truyện Kiều*: "Đau đớn thay phận đàn bà – Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung".

.....



thu lượm lại. Câu thơ không nói rõ Nguyễn Du đọc sách về số phận của Tiểu Thanh khi ông đi sứ phương Bắc hay trước đó.

Mục 2: Từ tập sách, nhà thơ đã bày tỏ cảm nghĩ về số phận của Tiểu Thanh. Các câu thơ 3, 4 nhắc đến một sự việc đau lòng trong cuộc đời nàng, đó là vì đau buồn, Tiểu Thanh đã sinh bệnh rồi chết ở tuổi 18. Nỗi uất ức đau khổ được nàng gửi gắm vào thơ nhưng nhiều bài đã bị người vợ cả đốt, may mắn mới còn sót lại được vài bài.

Mục 3: Từ số phận của Tiểu Thanh, nhà thơ suy ngẫm về bao nhiêu mối hận cổ kim của những người tài hoa bạc mệnh khác, nhận ra thật khó tìm kiếm câu trả lời cho nỗi oan kim cổ treo lửng lơ đó.

Mục 4: Cuối cùng, trông người lại ngẫm đến ta, nhà thơ liên hệ tới chính bản thân mình, tự mình đã từng thương cảm, xót xa cho Tiểu Thanh, cho số phận của cái Tài, cái Đẹp bị rẻ rúng trong cuộc đời hay không.

Mục 5: HS tự hoàn thành.

* Phiếu học tập số 3

Mục 1: Tây Hồ là một thắng cảnh nổi tiếng của Trung Quốc, nằm ở phía tây thành phố Hàng Châu, thuộc tỉnh Chiết Giang, được các thi nhân ví như nhan sắc diễm lệ của Tây Thi. Tây Hồ cũng là nguồn cảm hứng thơ cho nhiều thi nhân, gắn với tên tuổi của Bạch Cư Dị, Tô Đông Pha và nhiều nhà thơ khác.

Mục 2: Vườn hoa bên Tây Hồ vẫn rực rỡ, nhưng trong con mắt của thi nhân nó trở thành "bãi hoang" vì ở đó vui nồng một nắm mồ người con gái tài sắc bạc phận. Đây là cái nhìn của tâm cảnh.

Mục 3: Trong câu thơ, "vườn hoa" là biểu tượng cho cái đẹp, "bãi hoang" là hình ảnh tượng trưng cho sự biến đổi, tàn tạ. Đây là hai hình ảnh đối lập nhau. Từ vườn hoa trở thành bãi hoang gợi ra quy luật của sự biến đổi tang thương dâu bể (bể xanh thành nương dâu), dưới chân thời gian, vườn hoa rực rỡ, tươi đẹp đã trở thành "gò hoang". Câu thơ gợi lên cảm hứng tiếc thương, hoài cổ, gợi những điều xa hơn câu chuyện cuộc đời Tiểu Thanh, như gói vào đó cả cảm xúc của thi nhân về cái hưng phế của triều đại "Một phen thay đổi sơn hà – Mạnh thân chiếc lá biết là về đâu".

Mục 4: Cây cầu giao cảm kết nối giữa nhà thơ với Tiểu Thanh chính là từ tập sách gắn với những bài thơ thể hiện tâm sự nỗi lòng nàng. Nghệ thuật đã làm được điều kì diệu, đưa những tâm hồn đồng điệu vượt thời gian, không gian,... để tìm kiếm niềm giao cảm.

HS thực hiện tương tự với các mục còn lại.

* Phiếu học tập số 4

Mục 1: Những mối hận cổ kim là những mối hận xưa, nay. Chúng đằng đẳng trong thời gian và treo lơ lửng giữa chừng trời không lời giải đáp. Hận xưa phải chăng là hận của Tiểu Thanh và bao kiếp tài hoa bạc mệnh như nàng. Hận nay phải chăng là mối hận của chính tác giả. Họ hận vì cái sợi dây oan nghiệt của con tạo oái oăm thật khéo trêu người. Tài hoa, tài sắc đều bạc mệnh. Cái Tài, cái Đẹp bị rẻ rúng. "Trăm năm trong cõi người ta – Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau – Trải qua một cuộc bể dâu – Những điều trông thấy mà đau đớn lòng – Lạ gì bỉ sắc tư phong – Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen" (Truyện Kiều).

Mục 2: Tác giả tự xem như người cùng chung thân phận với Tiểu Thanh. Nhà thơ từng khẳng định "Tráng niên ngã diệc vi tài giả" (Thuở trẻ ta cũng là người tài), rồi cuộc số phận cũng long đong lận đận. Câu thơ thứ tư cho thấy sự đồng cảm đã đến mức tri âm. HS tự thực hiện những nội dung còn lại theo gợi dẫn của phiếu học tập.

Mục 5: HS có thể ghi lại các câu thơ sau của Tố Hữu như một câu trả lời cho những băn khoăn của tác giả: "Tiếng thơ ai động đất trời – Nghe như non nước vọng lời ngàn thu – Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du – Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày" (Kính gửi cụ Nguyễn Du).

* Phiếu học tập số 5

Bài thơ Đọc Tiểu Thanh kí và đoạn thơ trong Truyện Kiều đều gặp gỡ ở chủ đề thương xót, đồng cảm sâu xa cho số phận của những người phụ nữ nhan sắc, tài hoa mà cuộc đời chỉ là những "cung gió thấm mưa sầu". Đây là một trong những phương diện của chủ nghĩa nhân đạo thống thiết trong tác phẩm Nguyễn Du.



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

TẠI LẦU HOÀNG HẠC TIỀN MẠNH HẠO NHIÊN ĐI QUẢNG LĂNG (Hoàng Hạc lầu tổng Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng)

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS tự do chia sẻ quan niệm của mình về tình bạn đẹp trong cuộc sống.

Mục 2: HS thực hiện theo yêu cầu để hoàn thành ô chữ. Từ khoá của ô chữ là "Bích không tận", một hình ảnh thể hiện cái vô cùng, vô tận của không gian, tô đậm cảm giác cô đơn của tâm hồn nhà thơ khi tiễn bạn.

Mục 3: HS giới thiệu về tác giả, tác phẩm, tập trung vào một số thông tin như: Tên tuổi, thời đại, vị trí văn học sử, các chủ đề chính. Về bài thơ, cần tìm hiểu thêm về người bạn Mạnh Hạo Nhiên và tình bạn giữa Lý Bạch – Mạnh Hạo Nhiên, về lầu Hoàng Hạc trong cuộc đời và trong cảm hứng thi ca.

* Phiếu học tập số 2

Mục 1: Sau khi nhận diện được thể thơ, HS cần chỉ ra được đặc điểm của thơ Đường thể tứ tuyệt là tính chất hàm súc, "ý tại ngôn ngoại". Thơ lục bát thường mang âm điệu nhẹ nhàng, tha thiết, là thể thơ dân tộc nên dễ tiếp nhận đối với người Việt Nam, nhưng ít nhiều làm mất mát âm hưởng Đường thi của nguyên tác.

Mục 4: HS có thể chọn phân tích theo bố cục quen thuộc của thơ tuyệt cú: khai, thừa, chuyển, hợp hoặc bố cục 2 câu đầu, thiên về tả cảnh, 2 câu sau, thiên về tả tình.

HS tự thực hiện các mục còn lại.

* Phiếu học tập số 3

Mục 1: Địa điểm của cuộc chia tay được đôi bạn văn chương thân thiết chọn là lầu Hoàng Hạc. Đây là thắng cảnh nổi tiếng của Trung Quốc, nằm ở thượng nguồn sông Trường Giang. Đây là nơi gắn với huyền thoại về vị tiên cưỡi hạc vàng. Thắng cảnh lầu Hoàng Hạc là cảm hứng thơ cho Thôi Hiệu "để thi tại thượng lầu", Lý Bạch tiễn Mạnh Hạo Nhiên, Khuất Nguyên viết *Ly tao*,... Ví dụ, bài thơ *Hoàng Hạc lầu* của Thôi Hiệu (HS xem trong phần Đọc thêm để ghi lại).

Mục 2: Cuộc chia tay diễn ra vào tháng 3 mùa hoa khói, mùa xuân. Các chữ "yên hoa tam nguyệt" gợi ra phong cảnh dòng sông Trường Giang, lầu Hoàng Hạc, khói sóng mờ ảo trên dòng sông, hoa lá điểm lệ bên bờ sông vào thời điểm đẹp nhất trong năm,... không gian như ở chốn thần tiên. Chữ "yên hoa tam nguyệt" còn gợi cảm nhận đến cái phồn hoa đô hội của chốn đến Dương Châu nơi Mạnh Hạo Nhiên đang xuôi dòng, giã từ chốn thanh thoát bay bổng của cõi tiên, vì vậy thấp thoáng niềm tiếc nuối,...

HS tự thực hiện các mục còn lại theo gợi dẫn.

* Phiếu học tập số 4

Mục 1: Chữ "cô phàm" nghĩa là cánh buồm lẻ loi, cô đơn. Nó cho thấy con thuyền của người đi đường như thật đơn độc trên dòng Trường Giang, người đi kẻ ở đều mang tâm trạng cô đơn, trống trải trong cuộc đưa tiễn. Bản dịch đã bỏ mất chữ "cô" nên chắt cảm xúc này.

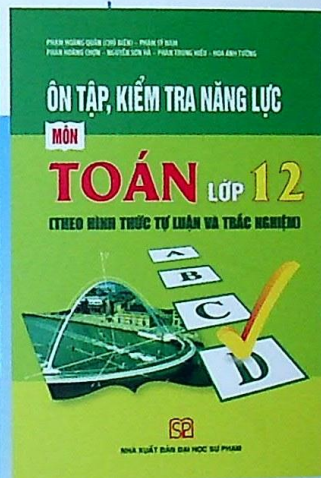
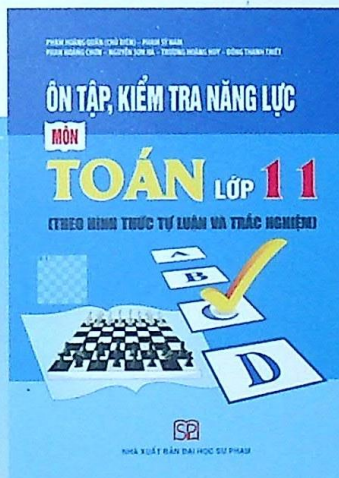
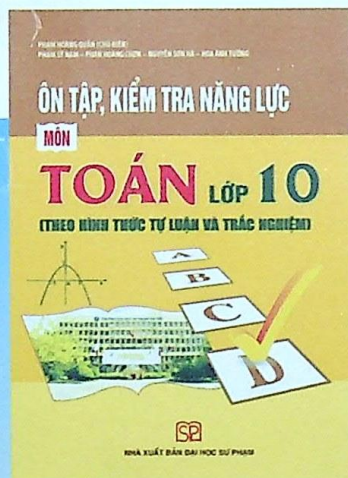
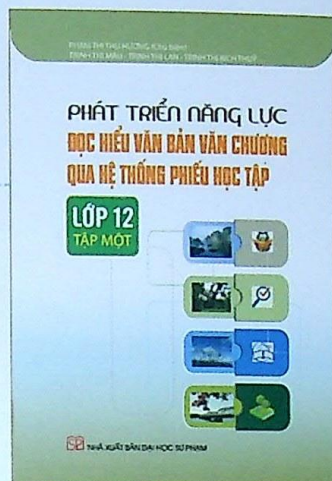
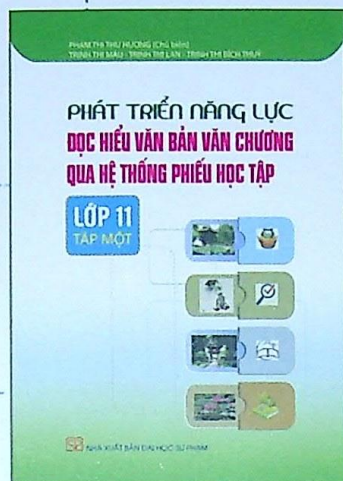
Mục 2: Nhiều tư liệu lịch sử nói rằng vào thời Đường, dòng Trường Giang là huyết mạch giao thông quan trọng của miền Nam Trung Quốc, mùa xuân hẳn phải có nhiều thuyền bè xuôi ngược. Thế mà ở đây dường như người tiễn chỉ thấy một cánh buồm cô độc trên dòng Trường Giang mênh mông xuôi dần về xa. Đó là cái nhìn của tâm cảnh. Ánh mắt của người tiễn chỉ đặt duy nhất vào cánh buồm ấy, con thuyền ấy và người bạn thân giao ấy. "Cô phàm viễn ảnh bích không tận", bóng cánh buồm lẻ loi xa dần, mất hút vào khoảng không xanh biếc. Thời gian đã trôi qua thật chậm, thật lâu. Người đứng trên lầu cao cứ đứng mãi, mắt nhìn hút theo cánh buồm. Đầu tiên còn rõ nét cánh buồm của một con thuyền. Rồi dần dần, chỉ còn là bóng buồm, thành chấm nhỏ dần, nhỏ dần, tận cho đến khi mất hút vào không gian xanh biếc không còn thấy gì nữa,...

HS thực hiện tương tự với các mục còn lại.

* Phiếu học tập số 5

HS có thể sưu tầm một số bài thơ về tình bạn, ví dụ: bài *Bạn đến chơi nhà*, *Khóc Dương Khuê* của Nguyễn Khuyến,... Ngoài ra các em có thể sưu tầm các câu danh ngôn hoặc các bức ảnh đẹp về tình bạn, đưa vào phiếu học tập và có thể trang trí cho phù hợp.

MỜI BẠN TÌM ĐỌC



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: 136 Đường Xuân Thủy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
 Điện thoại: 024.3754.7735 | Fax: 024.3754.7911
 Email: hanhchinh@nxbdhsp.edu.vn | Website: http://nxbdhsp.edu.vn
 Địa chỉ mua sách tại:
 PHÒNG KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
 Điện thoại: 024.3754.9202 | E-mail: kinhdoanh@nxbdhsp.edu.vn
 TRUNG TÂM PHÁT HÀNH SÁCH VÀ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM
 Điện thoại: 024.3754.7708 | E-mail: sachsp@nxbdhsp.edu.vn
 KIOS NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
 Địa chỉ: Phố sách 19 tháng 12, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Điện thoại: 094.66.84.110 | Email: kiosphosach.nxb@hnue.edu.vn



ISBN 978-604-54-3975-3



9 786045 439753



Giá: 35.000đ

